

QUÁN TRIỆT, LỒNG GHÉP NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ TỈNH QUẢNG NINH LẦN THỨ XVI VÀO GIẢNG DẠY LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ TẠI TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ

ThS. PHẠM THÙY DƯƠNG

Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

Đặt vấn đề

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là một sự kiện chính trị trọng đại, dấu mốc lịch sử đặc biệt trên con đường cách mạng của dân tộc. Nghị quyết Đại hội XIV không chỉ là sự tổng kết sâu sắc lý luận và thực tiễn sau 40 năm đổi mới, mà còn là sự kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, mở ra kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam. Trong dòng chảy đó, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI cũng xác định những bước đột phá chiến lược nhằm đưa tỉnh trở thành kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh, hiện đại.

Để những tư tưởng cốt lõi của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống, chuyển hóa từ chủ trương, đường lối thành niềm tin chính trị và năng lực hành động của đội ngũ cán bộ, công tác giáo dục lý luận chính trị giữ vai trò “then chốt của then chốt”. Với vị thế là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của một tỉnh năng động như Quảng Ninh, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ xác định việc lồng ghép, cập nhật nội dung các Nghị quyết mới vào giảng dạy là nhiệm vụ chính trị cấp bách, đòi hỏi tinh thần quyết tâm cao, sự sáng tạo và quy trình khoa học nghiêm túc của tập thể Ban Giám hiệu cùng đội ngũ giảng viên.

1. Tầm nhìn chiến lược và tính tất yếu của việc lồng ghép Nghị quyết Đại hội Đảng vào giảng dạy lý luận chính trị

Việc đưa Nghị quyết Đại hội XIV vào chương trình đào tạo không đơn thuần là sự cập nhật thông tin về mặt cơ học, mà là một quá trình “khoa học hóa” và “sư phạm hóa” các quan điểm của Đảng. Đây là yêu cầu tự thân của công tác giáo dục lý luận nhằm đảm bảo tính thời sự, tính chiến đấu và tính định hướng.

Thứ nhất, lồng ghép hệ thống quan điểm nền tảng và tư duy phát triển mới. Nghị quyết Đại hội XIV tiếp tục khẳng định sự kiên định vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, điểm cốt lõi cần được làm rõ trong giảng dạy chính là tư duy về “Kỷ nguyên mới”. Nhà trường chỉ đạo đội ngũ giảng viên không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt các con chữ trong văn kiện, mà phải phân tích rõ logic phát triển: *từ giải phóng dân tộc, đổi mới, đến nay là vươn mình phát triển mạnh mẽ*. Các nội dung về chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tri thức và đổi mới sáng tạo phải được lồng ghép như những trục nội dung xuyên suốt. Chúng ta cần hình thành cho học viên một “hệ quy chiếu nhận thức” mới, nơi mà khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được xem là động lực chủ yếu của tăng trưởng.

Thứ hai, chuyển hóa các mục tiêu, chỉ tiêu định lượng thành đối tượng phân tích khoa học. Đại hội XIV đề ra các chỉ tiêu cụ thể, đầy thách thức: GDP bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt trên 10%/năm; kinh tế số chiếm 30% GDP... Trong môi trường học thuật của nhà trường, các con số này phải được tiếp cận như “dữ liệu tình huống”. Giảng viên cần hướng dẫn học viên sử dụng các công cụ phân tích để lý giải tính khả thi và những rào cản thực tiễn. Việc phân tích sâu các chỉ số như HDI đạt 0,8 hay giảm phát thải nhà kính 8-9% giúp học viên nhận thức được chiều sâu nhân văn và trách nhiệm quốc tế của Đảng ta. Qua đó, lý luận không còn khô khan mà trở thành công cụ sắc bén để giải quyết các bài toán phát triển thực tế tại địa phương, đơn vị.

Thứ ba, tích hợp phương thức thực hiện và đột phá thể chế vào năng lực quản trị. Một trong những điểm nhấn của Nghị quyết XIV là đột phá mạnh

mề về thể chế phát triển và quản trị quốc gia. Nhà trường quán triệt sâu sắc việc lồng ghép các nội dung về phân cấp, phân quyền, kiểm soát quyền lực và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Bài giảng lý luận hiện nay phải gắn liền với kỹ năng quản trị hiện đại. Đội ngũ giảng viên cần phải xây dựng được các chuyên đề về nâng cao năng lực hoạch định chính sách, kỹ năng xử lý khủng hoảng truyền thông và quản trị rủi ro trong bối cảnh hội nhập. Điều này giúp học viên - những cán bộ chủ chốt tương lai hình thành năng lực thực thi công vụ một cách khoa học và thượng tôn pháp luật.

2. Vận dụng Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh: từ thực tiễn sinh động đến tầm cao lý luận

Nếu Nghị quyết của Trung ương là cái “khung” lý luận chung, thì Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh chính là mảnh đất thực tiễn trù phú để kiểm chứng và làm sáng tỏ lý luận.

Thứ nhất, khái quát các “mô hình mẫu” của Quảng Ninh thành quy luật quản trị địa phương. Quảng Ninh những năm qua là một “phòng thí nghiệm thực tiễn” sôi động của cả nước. Các mô hình như: “Chính quyền phục vụ”, Trung tâm phục vụ hành chính công, hay chiến lược chuyển dịch cơ cấu kinh tế “từ nâu sang xanh” đã trở thành những điển hình lý luận. Nhà trường chủ trương đưa các mô hình này vào bài giảng không phải để liệt kê thành tích, mà để phân tích về mặt phương pháp luận: tại sao Quảng Ninh lại chọn hướng đi đó? Vai trò của tư duy đột phá và dám nghĩ, dám làm của người đứng đầu ở đâu? Việc lồng ghép này giúp học viên hiểu rõ mối quan hệ biện chứng giữa cái chung (đường lối của Đảng) và cái riêng (sự sáng tạo của địa phương).

Thứ hai, trực diện đối diện với “điểm nghẽn” để rèn luyện tư duy phản biện. Sự nghiêm túc của một bài báo khoa học và tinh thần của người cộng sản không cho phép chúng ta chỉ nhìn vào màu hồng. Nghị quyết XVI của tỉnh cũng đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế về chất lượng nguồn nhân lực và tính bền vững trong một số lĩnh vực. Đây chính là “chất liệu” quý giá cho các buổi thảo luận trên lớp. Nhà trường khuyến khích giảng viên và học viên cùng mổ xẻ các nguyên nhân của “điểm nghẽn”, từ

đó đề xuất giải pháp trên nền tảng lý luận đã học. Đây là cách tốt nhất để giáo dục lý luận chính trị thoát khỏi sự giáo điều, trở thành một môn khoa học về giải quyết vấn đề.

Thứ ba, định hình tư duy chiến lược và khát vọng xây dựng tỉnh kiểu mẫu. Mục tiêu xây dựng Quảng Ninh trở thành tỉnh kiểu mẫu, phát triển nhanh, bền vững đòi hỏi đội ngũ cán bộ phải có tầm nhìn vượt trước. Việc lồng ghép các chỉ tiêu của Nghị quyết XVI vào giảng dạy giúp mỗi học viên tự xác định được vị trí, vai trò của mình. Cần nhấn mạnh vào việc bồi dưỡng “tư duy chiến lược” – năng lực dự báo và đón đầu xu thế. Học viên sau khi kết thúc chương trình phải trả lời được câu hỏi: đơn vị mình, địa phương mình cần phải làm gì để đóng góp vào mục tiêu chung đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt 20.000 USD?

3. Hệ giải pháp đồng bộ và quyết tâm chính trị của Nhà trường

Để công tác lồng ghép Nghị quyết đạt hiệu quả thiết thực, không hình thức, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tập trung triển khai 4 nhóm giải pháp chiến lược sau:

Một là, đổi mới căn bản nội dung, chương trình và hệ thống học liệu. Nhà trường tiến hành rà soát toàn bộ để cương chi tiết các môn học. Những nội dung cũ, lạc hậu được thay thế bằng các quan điểm mới nhất của Đại hội XIV và Đại hội XVI của tỉnh. Đặc biệt, phải hình thành được “Ngân hàng tình huống thực tiễn Quảng Ninh”. Đây là bộ tư liệu gồm các vấn đề thực tế phát sinh trong quản lý tại địa phương, buộc học viên phải vận dụng nghị quyết để xử lý. Việc xây dựng hệ thống tài liệu nội bộ tích hợp các chỉ số phát triển mới nhất là ưu tiên hàng đầu trong công tác nghiên cứu khoa học của trường.

Hai là, nâng cao năng lực trí tuệ và bản lĩnh của đội ngũ giảng viên. Giảng viên là linh hồn của bài giảng. Để “lồng ghép” nhuần nhuyễn, giảng viên phải là những người hiểu nghị quyết sâu nhất. Nhà trường tổ chức các đợt sinh hoạt khoa học chuyên sâu, mời các chuyên gia đầu ngành về báo cáo thời sự và giải đáp các nội dung mới. Chúng tôi cũng đẩy mạnh phong trào nghiên cứu khoa học, yêu cầu mỗi giảng viên phải có bài viết chuyên sâu về

(Xem tiếp trang 7)

ĐẢNG BỘ TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ ĐẨY MẠNH HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH NĂM 2026

TS. ĐỖ MINH TUẤN

Phó Bí thư Đảng ủy, Phó Hiệu trưởng

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là nhiệm vụ chính trị thường xuyên, lâu dài của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Trong những năm qua, việc triển khai thực hiện các chủ trương của Đảng về đẩy mạnh học tập và làm theo Bác đã trở thành phong trào sâu rộng, góp phần quan trọng vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh.

Đặc biệt, đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Đảng, việc thấm nhuần và vận dụng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không chỉ là yêu cầu chính trị, mà còn là nội dung cốt lõi trong giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ có sứ mệnh đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ trong hệ thống chính trị của địa phương. Vì vậy, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh không chỉ là hoạt động chính trị mà còn là nội dung xuyên suốt trong mọi lĩnh vực hoạt động của nhà trường.

Năm 2026, bám sát chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Ninh và Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ tiếp tục triển khai sâu rộng việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, gắn với nhiệm vụ chính trị của nhà trường; đặc biệt trong bối cảnh đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản trị và phấn đấu hoàn thành các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2.

1. Ý nghĩa của việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đối với Đảng bộ Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ

Đảng bộ nhà trường nhận thức sâu sắc rằng tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh là

sự kết tinh của truyền thống văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại và thực tiễn cách mạng Việt Nam. Trong đó, tư tưởng của Người là hệ thống quan điểm toàn diện, sâu sắc về con đường cách mạng Việt Nam; đạo đức Hồ Chí Minh là tấm gương mẫu mực về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; phong cách Hồ Chí Minh thể hiện ở lối sống giản dị, gần dân, nói đi đôi với làm, khoa học và dân chủ.

Đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tư tưởng Hồ Chí Minh đặc biệt nhấn mạnh vai trò của việc rèn luyện đạo đức cách mạng. Người cán bộ phải “vừa hồng, vừa chuyên”, tức là vừa có phẩm chất đạo đức tốt, vừa có năng lực chuyên môn. Vì vậy, việc học tập và làm theo Bác không dừng lại ở nhận thức mà phải được chuyển hóa thành hành động cụ thể trong công việc và đời sống hằng ngày.

Đối với Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ - một cơ sở đào tạo cán bộ của Đảng, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là nội dung giáo dục lý luận mà còn là phương thức rèn luyện nhân cách, xây dựng phong cách làm việc khoa học, dân chủ, gần gũi quần chúng cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và học viên. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

2. Việc triển khai học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại Đảng bộ nhà trường năm 2026

Trên cơ sở quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Ninh và Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã xây dựng kế

hoạch triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2026 với nhiều nội dung thiết thực, gắn với nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Việc học tập và làm theo Bác được gắn với các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động lớn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Mỗi cán bộ, giảng viên đăng ký nội dung rèn luyện, phấn đấu cụ thể gắn với nhiệm vụ công tác của mình. Các tập thể, cá nhân tiêu biểu được biểu dương, khen thưởng kịp thời, tạo động lực thúc đẩy phong trào ngày càng phát triển sâu rộng.

Thứ nhất, tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức.

Nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, viên chức và học viên về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc học tập và làm theo Bác. Các buổi sinh hoạt chính trị, sinh hoạt chi bộ, hội nghị chuyên đề được tổ chức thường xuyên, qua đó giúp mỗi cán bộ, đảng viên nhận thức rõ trách nhiệm trong việc rèn luyện đạo đức, nâng cao tinh thần phục vụ Nhân dân.

Thứ hai, gắn việc học tập và làm theo Bác với thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Trong bối cảnh nhà trường đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả quản trị, tinh thần đổi mới, sáng tạo, làm việc khoa học và hiệu quả theo phong cách Hồ Chí Minh được đặc biệt chú trọng. Các khoa, phòng, trung tâm tập trung xây dựng các mô hình, giải pháp cụ thể nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý và phục vụ.

Thứ ba, đề cao vai trò nêu gương của cán bộ lãnh đạo, quản lý.

Cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thực sự là tấm gương mẫu mực về đạo đức, lối sống và phong cách làm việc. Việc học tập và làm theo Bác được triển khai trước hết trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, đảng viên giữ chức vụ quản lý. Thông qua đó tạo sức lan tỏa mạnh mẽ trong toàn Đảng bộ và đối với học viên của nhà trường.

Thứ tư, gắn việc học tập và làm theo Bác với xây dựng văn hóa trường Đảng.

Đây là nội dung quan trọng, hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lành mạnh, dân chủ, kỷ cương và trách nhiệm.

Trong công tác giảng dạy, đội ngũ giảng viên không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, đổi mới phương pháp theo hướng hiện đại, lấy người học làm trung tâm. Phong cách làm việc khoa học, gần gũi, trách nhiệm của giảng viên chính là biểu hiện sinh động của việc học tập và làm theo phong cách Hồ Chí Minh.

Trong công tác quản lý, nhà trường đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả quản trị theo hướng minh bạch, khoa học, phục vụ tốt hơn hoạt động đào tạo, bồi dưỡng.

Trong đời sống văn hóa, nhà trường chú trọng xây dựng lối sống giản dị, đoàn kết, trách nhiệm, tôn trọng lẫn nhau – những giá trị cốt lõi trong đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, góp phần hình thành bản sắc văn hóa trường Đảng.

Thứ năm, đẩy mạnh xây dựng và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến.

Đảng bộ nhà trường đẩy mạnh phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các mô hình hay, cách làm hiệu quả, các điển hình tiên tiến trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, qua đó tạo động lực và khích lệ tinh thần phấn đấu của cán bộ, giảng viên và học viên.

Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là nhiệm vụ có ý nghĩa lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng Đảng và phát triển đất nước. Đối với Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, việc triển khai nội dung này không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giảng viên mà còn góp phần xây dựng nhà trường trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, cùng với sự nỗ lực của toàn thể cán bộ, giảng viên và học viên, phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh tại nhà trường sẽ tiếp tục phát triển sâu rộng, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, đóng góp tích cực vào sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh và của đất nước.

CÔNG ĐOÀN TRƯỜNG ĐÀO TẠO CÁN BỘ NGUYỄN VĂN CỪ ĐẨY MẠNH PHONG TRÀO THI ĐUA GÓP PHẦN XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUẨN MỨC 2

ThS. TRẦN THẾ KHOA

Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn

Nghị quyết số 31-NQ/ĐU ngày 29/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ về phương hướng, nhiệm vụ công tác năm 2026 đã xác định chủ đề công tác là: “Đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản trị, sớm hoàn thành tiêu chí trường chuẩn mức 2”. Bên cạnh các nhiệm vụ trọng tâm về công tác chính trị, tư tưởng; tổ chức, cán bộ; xây dựng tổ chức đảng, đảng viên; kiểm tra, giám sát và thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác lãnh đạo các tổ chức đoàn thể giữ vai trò quan trọng trong việc tạo động lực thi đua, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động.

Thực hiện sự chỉ đạo của Đảng ủy, Ban Chấp hành Công đoàn trường đã chủ động phối hợp với chuyên môn phát động phong trào thi đua, xây dựng các mô hình điển hình tiên tiến, góp phần thiết thực vào việc hoàn thành các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2.

Nghị quyết số 31-NQ/ĐU và định hướng lãnh đạo công tác đoàn thể

Nghị quyết số 31-NQ/ĐU đã xác định rõ yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo và chất lượng hoạt động của tổ chức công đoàn trong tham gia xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh. Trên cơ sở bám sát sự chỉ đạo của công đoàn cấp trên, Công đoàn trường chủ động xây dựng và triển khai các chương trình, kế hoạch công tác với mục tiêu, chỉ tiêu và giải pháp cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường.

Cùng với đó, công đoàn tăng cường phối hợp với đơn vị chuyên môn trong chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, sức khỏe cho cán bộ, viên chức, người lao động; thường xuyên nắm bắt tình hình

tư tưởng của đoàn viên; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội. Các phong trào thi đua như “Dân vận khéo” được triển khai gắn với thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác dân vận trong tình hình mới.

Đặc biệt, năm 2026, công đoàn trường tập trung xây dựng ít nhất một mô hình thực hiện dân chủ trong hoạt động của Nhà trường; đồng thời phối hợp phát động phong trào thi đua, xây dựng mô hình điển hình tiên tiến nhằm tạo chuyển biến rõ nét trong việc hoàn thành các tiêu chí trường chuẩn mức 2.

Công đoàn trường phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu chủ động

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-BCH ngày 30/12/2025 của Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động tỉnh và Nghị quyết Hội nghị Công đoàn trường nhiệm kỳ 2025-2030, Ban Chấp hành Công đoàn trường đã xác định chủ đề công tác năm 2026 là: “Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động chuyên môn và công đoàn; cụ thể hóa, đưa nghị quyết vào cuộc sống”.

Theo đó, công đoàn phối hợp chặt chẽ với đơn vị chuyên môn triển khai các nội dung đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của nhà trường, xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh, hướng tới hoàn thành sớm các tiêu chí trường chuẩn mức 2.

Công đoàn trường phấn đấu: 100% đoàn viên tham gia xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh; 100% tổ công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó 20% hoàn thành xuất sắc; 95% đoàn viên hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó 20% đạt danh hiệu “Đoàn viên công đoàn xuất sắc”; trên 90% nữ cán bộ, viên chức,

người lao động đạt danh hiệu “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà”...

Công đoàn tham gia xây dựng Đảng thông qua việc tăng cường tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng; phổ biến kịp thời các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; góp phần nâng cao nhận thức, bản lĩnh chính trị cho đoàn viên, người lao động.

Tăng cường phối hợp phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu chuyên môn

Bên cạnh các chỉ tiêu chủ động, công đoàn phối hợp với Ban Giám hiệu triển khai nhiều nhiệm vụ quan trọng. Nhà trường tổ chức hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động định kỳ; thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở cơ sở; đảm bảo 100% cán bộ, viên chức, người lao động được tham gia công đoàn, được hưởng đầy đủ chế độ bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe định kỳ.

Về chuyên môn, phấn đấu có ít nhất 15% cán bộ, viên chức, người lao động có sáng kiến cải tiến công tác; 35% được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ. 100% đoàn viên hoàn thành nhiệm vụ, trong đó trên 90% bảo đảm tiến độ, chất lượng và hiệu quả công việc.

Đặc biệt, đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số: trên 80% cán bộ, chuyên viên ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành; 100% giảng viên ứng dụng chuyển đổi số trong giảng dạy; trên 80% giảng viên bước đầu ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy lý luận chính trị.

Nhà trường phấn đấu đạt các danh hiệu thi đua cao; 100% đơn vị trực thuộc đạt “Tập thể lao động tiên tiến”, trong đó 20% đạt “Tập thể lao động xuất sắc”; 95% trở lên cán bộ, viên chức, người lao động đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Bên cạnh đó, công đoàn tích cực động viên giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, hội thảo, nghiên cứu thực tế; viết bài tham gia các cuộc thi chính luận, giải thưởng khoa học, các tạp chí chuyên ngành, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và vị thế của nhà trường.

Chú trọng thực hiện tốt vai trò của công đoàn trong xây dựng Đảng và chăm lo đoàn viên

Công đoàn giữ vai trò cầu nối giữa Đảng với cán bộ, viên chức, người lao động; kịp thời phản

ánh tâm tư, nguyện vọng, đề xuất giải pháp nhằm bảo đảm sự lãnh đạo hiệu quả của Đảng ủy.

Đồng thời, công đoàn tăng cường tuyên truyền, vận động đoàn viên thực hiện nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy chế của nhà trường; phát huy vai trò giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

Trong công tác chăm lo, công đoàn chủ động phối hợp với Ban Giám hiệu tổ chức các hoạt động thiết thực như tham quan, nghỉ dưỡng, nghiên cứu thực tế; thăm hỏi, hỗ trợ đoàn viên khi gặp khó khăn; bảo đảm đầy đủ các chế độ về tiền lương, đào tạo, bồi dưỡng, khám sức khỏe định kỳ.

Ban Chấp hành Công đoàn hướng dẫn hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân đúng quy định của pháp luật, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và xây dựng môi trường làm việc dân chủ, minh bạch.

Đẩy mạnh phát động phong trào thi đua và xây dựng mô hình điển hình

Công đoàn chủ trì phát động các phong trào thi đua gắn với các ngày lễ lớn và nhiệm vụ chính trị của nhà trường; tuyên truyền sâu rộng mục tiêu xây dựng trường chuẩn mức 2.

Các phong trào trọng tâm được triển khai như: xây dựng “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, thực hiện văn minh công sở, đẩy mạnh cải cách hành chính; cuộc vận động xây dựng “Người cán bộ, viên chức trung thành, sáng tạo, tận tụy, gương mẫu”; phong trào “Giỏi việc trường - Đảm việc nhà”; phong trào đọc sách và chương trình “Bình dân học vụ số”.

Công đoàn khuyến khích đoàn viên ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công tác hành chính; từng bước hình thành môi trường làm việc hiện đại, hiệu quả.

Công tác thi đua, khen thưởng được đổi mới theo hướng thiết thực; chú trọng phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; kịp thời biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc.

Đặc biệt, công đoàn phối hợp xây dựng mô hình: “Cán bộ, viên chức, người lao động Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đẩy mạnh chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả quản trị, góp phần hoàn thành tiêu chí trường chuẩn mức 2”.

Mô hình tập trung vào việc phát huy vai trò chủ thể của cán bộ, viên chức, người lao động trong quá trình chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả quản trị; tăng cường công khai, minh bạch; huy động trí tuệ tập thể trong xây dựng và hoàn thiện các tiêu chí trường chuẩn mức 2.

Song song với đó, công đoàn tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; khuyến khích đoàn viên đăng ký, cam kết và thực hiện các nội dung rèn luyện cụ thể, gắn với nhiệm vụ chuyên môn.

Với quyết tâm chính trị cao, sự đoàn kết, nỗ lực và tinh thần đổi mới sáng tạo của toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, cùng với sự phối hợp chặt chẽ giữa công đoàn và các đơn vị chuyên môn, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ có đầy đủ điều kiện để thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua, xây dựng các mô hình điển hình tiên tiến. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp nêu trên không chỉ góp phần hoàn thành các chỉ tiêu của Nghị quyết số 31-NQ/ĐU và Nghị quyết số 12/NQ-CP, mà còn tạo động lực quan trọng thúc đẩy quá trình xây dựng nhà trường trở thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, hướng tới mục tiêu sớm đạt chuẩn mức 2, đóng góp tích cực vào sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh và của đất nước.

QUÁN TRIỆT, LỒNG GHÉP NGHỊ QUYẾT...

(Tiếp theo trang 2)

việc vận dụng nghị quyết trên các tạp chí uy tín. Đây là cách tự bồi dưỡng tốt nhất để mỗi câu từ trên bục giảng đều mang hơi thở của tri thức khoa học và niềm tin chính trị vững chắc.

Ba là, đột phá trong phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ số. Giáo dục lý luận chính trị trong kỷ nguyên mới không thể duy trì lối truyền thụ một chiều. Nhà trường đang quyết liệt triển khai phương pháp giảng dạy tích cực: thảo luận nhóm, đóng vai, phân tích dự án. Đặc biệt, thực hiện tinh thần đổi mới, chúng tôi bắt đầu nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong việc hỗ trợ giảng viên soạn thảo bài giảng và hỗ trợ học viên tra cứu, phân tích dữ liệu văn kiện. Việc ứng dụng công nghệ không chỉ làm bài giảng sinh động mà còn thể hiện sự đi đầu của nhà trường trong chuyển đổi số theo đúng tinh thần nghị quyết.

Bốn là, thắt chặt mối quan hệ giữa đào tạo và tổng kết thực tiễn. Nhà trường tăng cường ký kết phối hợp với các sở, ngành, địa phương để tổ chức cho học viên đi thực tế. Học viên không chỉ “đi để biết” mà “đi để giải quyết vấn đề”. Các báo cáo thu hoạch phải gắn chặt với việc đánh giá tình hình

triển khai nghị quyết tại cơ sở. Đồng thời, các hội thảo khoa học cấp trường sẽ là diễn đàn để các nhà quản lý thực tế và các nhà khoa học của trường cùng gặp gỡ, cập nhật và bổ sung những vấn đề thực tiễn mới nhất vào giáo trình.

Kết luận

Quán triệt và lồng ghép Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cùng Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh vào giảng dạy lý luận chính trị là một hành trình đòi hỏi sự kiên trì, nghiêm túc và tinh thần đổi mới không ngừng. Đây không chỉ là trách nhiệm mà còn là danh dự của những người làm công tác đào tạo lý luận chính trị.

Với tinh thần quyết tâm cao nhất, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ cam kết sẽ tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, thực hiện phương châm “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn”. Chúng tôi tin tưởng rằng, thông qua việc đổi mới này, nhà trường sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng đội ngũ cán bộ “vừa hồng, vừa chuyên”, có đủ bản lĩnh, trí tuệ và khát vọng để đưa Quảng Ninh và đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

QUẢNG NINH:

CHÚ TRỌNG ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

ThS. PHẠM HỮU KIÊN

Phó Hiệu trưởng

Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: cán bộ là “cái gốc của mọi công việc”, “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”. Quán triệt sâu sắc quan điểm đó, Đảng ta luôn xác định xây dựng đội ngũ cán bộ là nhiệm vụ chiến lược, có ý nghĩa quyết định đối với sự thành bại của cách mạng. Đối với tỉnh Quảng Ninh, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI (nhiệm kỳ 2025-2030) xác định mục tiêu trở thành địa phương kiểu mẫu, giàu mạnh, văn minh, hiện đại, hạnh phúc, hướng tới trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Để hiện thực hóa mục tiêu đó, một trong những khâu đột phá mang tính nền tảng đó là công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC). Trên cơ sở đó, tỉnh đã ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC giai đoạn 2026-2030 với những định hướng lớn, thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư duy đổi mới và quyết tâm chính trị rất cao.

1. Những quan điểm, định hướng lớn khẳng định quyết tâm chính trị trong xây dựng đội ngũ cán bộ

Trước hết phải quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng về công tác cán bộ là “then chốt của then chốt”, gắn đào tạo, bồi dưỡng với xây dựng đội ngũ CBCCVC đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong giai đoạn mới. Đề án được xây dựng trên cơ sở cụ thể hóa chủ trương của Trung ương, đồng thời bám sát yêu cầu thực tiễn phát triển của tỉnh.

Thứ hai, xác định đào tạo, bồi dưỡng là yêu cầu tất yếu khách quan nhằm đáp ứng yêu cầu quản trị hiện đại. Trong bối cảnh cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế tri thức, nếu không được đào tạo, bồi dưỡng

thường xuyên, đội ngũ CBCCVC sẽ khó đáp ứng yêu cầu công việc, thậm chí ảnh hưởng đến hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy.

Thứ ba, bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, gắn kết giữa đào tạo với sử dụng, quy hoạch và phát triển cán bộ. Đề án không chỉ hướng tới nâng cao trình độ chuyên môn mà còn chú trọng năng lực thực tiễn, kỹ năng quản trị, tư duy chiến lược, năng lực số và tinh thần phục vụ Nhân dân.

Thứ tư, đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo theo hướng hiện đại, linh hoạt, gắn với chuyển đổi số. Chương trình đào tạo được thiết kế phù hợp với từng nhóm đối tượng, vị trí việc làm, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong giảng dạy và quản lý.

Thứ năm, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đào tạo, bồi dưỡng. Bên cạnh ngân sách Nhà nước, đề án chú trọng đa dạng hóa nguồn lực, phát huy vai trò của các cơ sở đào tạo và sự chủ động của CBCCVC trong tự học, tự bồi dưỡng.

2. Những mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể - định lượng cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Đề án xác định: xây dựng đội ngũ CBCCVC tỉnh Quảng Ninh có phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức công vụ chuẩn mực, năng lực chuyên môn sâu, kỹ năng quản trị hiện đại, tư duy đổi mới sáng tạo, thích ứng nhanh với chuyển đổi số và yêu cầu phát triển mới trong kỷ nguyên phát triển mới nhằm thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của tỉnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện của tỉnh để xây

dựng Quảng Ninh giàu mạnh, văn minh, hiện đại, hạnh phúc, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030, trở thành vùng đô thị lớn mang tầm khu vực và quốc tế vào năm 2045, là một trong những đầu tàu kinh tế quan trọng của quốc gia, tự tin, vững vàng, tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển.

Để bảo đảm các tiêu chuẩn đối với các chức danh, vị trí việc làm, đề án đề ra các chỉ tiêu cụ thể, phấn đấu triển khai thành công 574 lớp với 38.482 lượt CBCCVC được cử đi học. Trong đó, dự kiến đào tạo tiến sỹ 295 người, đào tạo thạc sỹ 987 người, đào tạo lý luận chính trị 3.040 người; bồi dưỡng chuyên sâu về lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số với 3.150 lượt; bồi dưỡng chuyên sâu một số lĩnh vực mũi nhọn của Tỉnh như: du lịch 150 lượt, quản lý phát triển kinh tế biển 150 lượt, nông nghiệp công nghệ cao 150 lượt, lĩnh vực xây dựng 150 lượt, lĩnh vực y tế 452 lượt CBCCVC...

Có thể khẳng định, hệ thống mục tiêu, chỉ tiêu của đề án được xây dựng bài bản, khoa học, vừa có tính khả thi, vừa thể hiện rõ tầm nhìn chiến lược của tỉnh trong phát triển nguồn nhân lực.

3. Hệ thống các nhóm giải pháp - vai trò, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị

Thứ nhất, nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức. Đề án đặc biệt nhấn mạnh việc đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt sâu sắc quan điểm của Đảng, Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; coi đây là khâu mở đầu có ý nghĩa quyết định nhằm tạo chuyển biến về nhận thức trong toàn hệ thống chính trị. Điểm đáng chú ý là đề án không dừng ở tuyên truyền chung mà xác định rõ trách nhiệm của từng chủ thể, nhất là người đứng đầu, đồng thời đề cao tính tự giác của mỗi CBCCVC trong học tập, rèn luyện.

Thứ hai, nhóm nhiệm vụ, giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách và gắn đào tạo với sử dụng cán bộ. Đề án yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định, cơ chế về đào tạo, bồi dưỡng theo hướng đồng bộ với công tác quy hoạch, bố trí,

sử dụng và đánh giá cán bộ. Đặc biệt, việc đưa tiêu chí xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng vào đánh giá chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị là một điểm mới có ý nghĩa thúc đẩy trách nhiệm thực thi. Giải pháp này thể hiện rõ tư duy quản trị hiện đại: đào tạo không phải là hoạt động tách rời, mà phải gắn chặt với hiệu quả công vụ và kết quả thực thi nhiệm vụ chính trị. Qua đó góp phần khắc phục tình trạng đào tạo hình thức, dàn trải, thiếu gắn kết với nhu cầu thực tiễn.

Thứ ba, nhóm nhiệm vụ, giải pháp về đổi mới nội dung, chương trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng. Đề án định hướng xây dựng hệ thống chương trình đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và yêu cầu phát triển mới, đặc biệt chú trọng các nội dung như: chuyển đổi số, công nghệ thông tin, kỹ năng thực thi công vụ, đạo đức công vụ, quốc phòng – an ninh, kiến thức dân tộc... Đây là bước chuyển quan trọng từ đào tạo theo bằng cấp sang đào tạo theo năng lực, kỹ năng và hiệu quả công việc. Đồng thời, việc thường xuyên rà soát, cập nhật nội dung đào tạo theo yêu cầu thực tiễn cho thấy tính linh hoạt, thích ứng cao của Đề án trong bối cảnh môi trường quản trị ngày càng biến động nhanh.

Thứ tư, nhóm nhiệm vụ, giải pháp về phát triển hệ thống cơ sở đào tạo và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Đề án nhấn mạnh vai trò của các cơ sở đào tạo trong tỉnh, nhất là việc chủ động mở ngành, liên kết đào tạo, xây dựng chương trình phù hợp với nhu cầu nguồn nhân lực đặc thù. Điều này cho thấy định hướng phát triển hệ sinh thái đào tạo nội tỉnh, giảm phụ thuộc vào bên ngoài, đồng thời nâng cao tính chủ động, linh hoạt và gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu sử dụng cán bộ của địa phương.

Thứ năm, nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và bảo đảm nguồn lực. Đề án xác định rõ trách nhiệm của các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, đơn vị trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai và kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo, bồi dưỡng.

(Xem tiếp trang 14)

TỪ LÁ PHIẾU ĐẾN NIỀM TIN - NHÌN LẠI BẢN CHẤT DÂN CHỦ QUA BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP TẠI QUẢNG NINH

ThS. PHAN THỊ HẢI YẾN

Trưởng khoa Nhà nước và Pháp luật

Mở đầu

Bầu cử đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp không chỉ là một quy trình pháp lý mang tính định kỳ, mà còn là biểu hiện tập trung của quyền làm chủ của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thông qua lá phiếu, mỗi cử tri trực tiếp tham gia vào việc lựa chọn những người đại diện cho ý chí, nguyện vọng và lợi ích của mình, qua đó góp phần định hình bộ máy quyền lực Nhà nước.

Trong bối cảnh các thế lực thù địch không ngừng lợi dụng vấn đề dân chủ và bầu cử để xuyên tạc, phủ nhận bản chất chế độ, việc nhìn nhận thực tiễn bầu cử tại các địa phương có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 tại tỉnh Quảng Ninh là một minh chứng tiêu biểu, thể hiện rõ mối quan hệ giữa lá phiếu của cử tri và niềm tin chính trị của Nhân dân.

Lá phiếu cử tri - biểu hiện cụ thể của quyền làm chủ

Hiến pháp năm 2013 khẳng định quyền bầu cử là một trong những quyền chính trị cơ bản của công dân, được thực hiện theo các nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín [2]. Điều này cho thấy, trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quyền lực Nhà nước không phải là sự áp đặt từ trên xuống, mà bắt nguồn từ Nhân dân.

Trong thực tiễn, lá phiếu không chỉ mang ý nghĩa hình thức, mà là công cụ để người dân thể hiện chính kiến, lựa chọn và trao quyền cho những người đại diện. Thông qua quá trình bầu cử, Nhân dân không chỉ tham gia vào việc tổ chức quyền lực, mà còn gián tiếp kiểm soát và giám sát hoạt động của bộ máy Nhà nước.

Tại Quảng Ninh, việc tổ chức bầu cử năm 2026 đã thể hiện rõ nguyên tắc này. Công tác chuẩn bị được tiến hành đồng bộ, từ việc niêm yết danh sách cử tri, ứng cử viên, đến tổ chức các khu vực bỏ phiếu bảo đảm đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cử tri thực hiện quyền của mình [1].

Những con số biết nói đến niềm tin chính trị của Nhân dân

Một trong những điểm nổi bật thực tiễn bầu cử năm 2026 với tổng số cử tri của cả nước là: 76.516.637; số cử tri đã tham gia bỏ phiếu là: 76.043.527 (đạt tỉ lệ 99,38%) [4]. Kết quả tại Quảng Ninh là tỷ lệ cử tri tham gia bỏ phiếu đạt 99,98%, với tổng số cử tri là 1.033.898 người [1]. Đây không chỉ là một kết quả đáng chú ý về mặt thống kê, mà còn mang ý nghĩa sâu sắc về chính trị và xã hội.

Thứ nhất, tỷ lệ này phản ánh mức độ tham gia rộng rãi và tự giác của Nhân dân. Việc gần như toàn bộ cử tri tham gia bỏ phiếu cho thấy bầu cử không phải là hoạt động mang tính hình thức, mà là một sự kiện chính trị thực sự thu hút sự quan tâm của toàn xã hội.

Thứ hai, những con số biết nói nêu trên thể hiện niềm tin chính trị vững chắc của người dân. Trong điều kiện không có sự ép buộc, việc cử tri chủ động tham gia bầu cử với tỷ lệ gần tuyệt đối là minh chứng rõ ràng cho sự tin tưởng vào hệ thống chính trị, vào quy trình bầu cử và vào những người đại diện được lựa chọn.

Thứ ba, tỷ lệ cao này còn cho thấy hiệu quả của công tác tổ chức và tuyên truyền. Từ việc bố trí các khu vực bỏ phiếu hợp lý, tổ chức bỏ phiếu sớm cho các nhóm đặc thù, đến việc bảo đảm thông tin đầy đủ cho cử tri, tất cả đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi để người dân thực hiện quyền bầu cử của mình [1].

Thực tiễn bầu cử và sự phản bác các luận điệu xuyên tạc

Mặc dù thực tiễn bầu cử đã khẳng định rõ bản chất dân chủ của chế độ, song các thế lực thù địch vẫn không ngừng tung ra nhiều luận điệu xuyên tạc nhằm phủ nhận giá trị của quá trình này. Một số luận điệu phổ biến có thể kể đến như: (1) Cho rằng bầu cử ở Việt Nam chỉ mang tính hình thức, cử tri không có quyền lựa chọn thực sự; (2) Xuyên tạc rằng ứng cử viên đã được “sắp đặt trước” nên kết quả bầu cử không phản ánh ý chí của Nhân dân; (3) Phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong quá trình tổ chức bầu cử, từ đó suy diễn rằng hệ thống chính trị thiếu dân chủ; (4) Lợi dụng mạng xã hội để lan truyền thông tin sai lệch, kích động tâm lý hoài nghi trong xã hội.

Tuy nhiên, kết quả tại Quảng Ninh cũng đã cung cấp những bằng chứng rõ ràng để bác bỏ các quan điểm này.

Trước hết, quy trình bầu cử được thực hiện đúng pháp luật, công khai và minh bạch, từ khâu hiệp thương, giới thiệu ứng cử viên, đến tổ chức bỏ phiếu và kiểm phiếu [3]. Sự tham gia của nhiều chủ thể, trong đó có Mặt trận Tổ quốc và Nhân dân, đã bảo đảm tính dân chủ và khách quan của quá trình này.

Thứ hai, quyền lựa chọn thuộc về cử tri. Mỗi lá phiếu là một quyết định độc lập, thể hiện ý chí của người dân. Kết quả bầu cử không phải là sự áp đặt, mà là sự tổng hợp của hàng triệu lựa chọn cá nhân.

Thứ ba, chính tỷ lệ tham gia gần như tuyệt đối là minh chứng thuyết phục nhất. Nếu bầu cử không có ý nghĩa thực chất, sẽ không thể có sự tham gia rộng rãi và tự giác của Nhân dân như vậy.

Do đó, có thể khẳng định rằng, thực tiễn bầu cử tại Quảng Ninh không chỉ phản ánh bản chất dân chủ của chế độ, mà còn là cơ sở thực tiễn quan trọng để đấu tranh, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch.

Ý nghĩa đối với việc củng cố niềm tin và xây dựng Nhà nước pháp quyền

Từ lá phiếu của cử tri đến niềm tin của Nhân dân là một quá trình có tính biện chứng. Lá

phiếu là điểm khởi đầu, còn niềm tin là kết quả và cũng là động lực để hệ thống chính trị tiếp tục vận hành hiệu quả.

Kết quả bầu cử tại Quảng Ninh năm 2026 cho thấy: Bầu cử là cơ chế để hiện thực hóa quyền lực của Nhân dân trong thực tế [2]; là phương thức để lựa chọn và kiện toàn bộ máy Nhà nước; là nền tảng để củng cố tính chính danh của hệ thống chính trị; đồng thời góp phần tăng cường sự đồng thuận xã hội và ổn định chính trị.

Trong bối cảnh xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, việc phát huy vai trò của bầu cử không chỉ dừng lại ở việc tổ chức thành công một sự kiện chính trị, mà còn ở việc duy trì và củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Kết luận

Thực tiễn bầu cử năm 2026 của cả nước nói chung, tại tỉnh Quảng Ninh nói riêng đã cho thấy một cách rõ ràng rằng: dân chủ không phải là một khái niệm trừu tượng, mà được thể hiện cụ thể qua từng lá phiếu của cử tri. Với tỷ lệ tham gia đạt số phiếu cao như vậy, mỗi lá phiếu không chỉ là một lựa chọn, mà còn là sự gửi gắm niềm tin, trách nhiệm và kỳ vọng của Nhân dân đối với bộ máy Nhà nước.

Từ lá phiếu đến niềm tin là một hành trình phản ánh bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam - nơi quyền lực thực sự thuộc về Nhân dân và được thực hiện thông qua những cơ chế cụ thể, minh bạch và hiệu quả.

Tài liệu tham khảo

[1] Báo cáo của Ủy ban bầu cử tỉnh Quảng Ninh về tình hình và kết quả sơ bộ cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

[2] Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 (sđ, bs 2025)

[3] Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025).

[4] Báo Lao động (2026), *kết thúc bầu cử, cả nước có 99,38% cử tri đi bầu, 2 địa phương đạt tỉ lệ 100%*, truy cập tại: <https://laodong.vn/thoi-su/ket-thuc-bau-cu-ca-nuoc-co-9938-cu-tri-di-bau-2-dia-phuong-dat-ti-le-100-1669461.laod>

ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ TỈNH QUẢNG NINH: ĐỘNG LỰC NỘI SINH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 59-NQ/TW VỀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

ThS. NGUYỄN THỊ HẢI NINH
Phó Trưởng phòng QLĐT&NCKH

Ngày 24/01/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 59-NQ/TW về “Hội nhập quốc tế trong tình hình mới”, đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy đối ngoại và hội nhập của Đảng. Nếu như giai đoạn trước nhấn mạnh yêu cầu “chủ động, tích cực hội nhập” thì Nghị quyết số 59 chuyển trọng tâm sang “chủ động kiến tạo vị thế quốc gia”, đặt hội nhập trong tổng thể chiến lược phát triển nhanh và bền vững đất nước.

Đối với Quảng Ninh, địa phương có vị trí địa kinh tế, địa chính trị đặc biệt, là cửa ngõ giao thương với Trung Quốc và kết nối trực tiếp với không gian kinh tế ASEAN, đồng thời sở hữu di sản thiên nhiên thế giới vịnh Hạ Long, việc vận dụng Nghị quyết số 59 không chỉ là yêu cầu thực hiện chủ trương của Trung ương, mà còn là điều kiện bảo đảm cho tính duy trì vai trò đầu tàu đổi mới mô hình tăng trưởng, chuyển từ “nâu” sang “xanh”, từ khai thác tài nguyên sang phát triển bền vững.

Trong tổng thể các giải pháp, đổi mới chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chính là “mắt xích” then chốt. Bởi lẽ, hội nhập quốc tế rất cuộc được hiện thực hóa thông qua năng lực hoạch định, quản trị và thực thi của đội ngũ cán bộ. Không có đội ngũ cán bộ đủ tầm, nghị quyết dù đúng đắn đến đâu cũng khó đi vào cuộc sống.

1. Tư duy mới từ Nghị quyết số 59: Từ “biết” hội nhập đến “quản trị” hội nhập

Điểm mới nổi bật của Nghị quyết số 59-NQ/TW là xác định hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị; trong đó, đội ngũ cán bộ giữ vai trò quyết định. Hội nhập không chỉ dừng ở mở rộng quan hệ hay tham gia các hiệp định, mà phải nâng lên tầm quản trị

hội nhập, nghĩa là chủ động thiết kế luật chơi, dự báo xu thế, kiểm soát rủi ro và tối ưu hóa lợi ích quốc gia, dân tộc.

Đối với Quảng Ninh, yêu cầu này càng trở nên cấp thiết. Là tỉnh có đường biên giới đất liền và biển với Trung Quốc, có các khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cảng biển, đồng thời là trung tâm du lịch quốc tế, Quảng Ninh thường xuyên đối diện với các vấn đề phức tạp về thương mại, đầu tư, an ninh phi truyền thống, bảo tồn di sản và phát triển bền vững.

Vì vậy, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ không thể chỉ dừng ở cung cấp kiến thức ngoại giao hay kỹ năng hành chính thông thường. Chương trình cần chuyển mạnh từ “nhận biết hội nhập” sang “quản trị hội nhập”, bao gồm: năng lực phân tích bối cảnh địa chính trị khu vực; khả năng dự báo tác động của các biến động kinh tế toàn cầu; am hiểu luật pháp quốc tế, đặc biệt là các cam kết thương mại thế hệ mới; kỹ năng điều phối liên ngành trong xử lý các vấn đề xuyên biên giới.

Đây chính là nền tảng để đội ngũ cán bộ Quảng Ninh không chỉ “thích ứng” mà còn “kiến tạo” không gian phát triển mới cho tỉnh.

2. Đổi mới nội dung: xây dựng khung năng lực “Cán bộ toàn cầu – Bản sắc Quảng Ninh”

Để cụ thể hóa tinh thần Nghị quyết số 59, tỉnh Quảng Ninh cần xây dựng một khung năng lực mới cho cán bộ trong bối cảnh hội nhập, có thể khái quát bằng mô hình: “Cán bộ toàn cầu – Bản sắc Quảng Ninh”.

Tăng cường tri thức về kinh tế xanh và chuyển đổi số

Hội nhập trong tình hình mới gắn chặt với các tiêu chuẩn xanh và chuyển đổi số. Các thị

trường lớn ngày càng áp dụng cơ chế điều chỉnh biên giới carbon, hàng rào kỹ thuật môi trường và yêu cầu truy xuất nguồn gốc minh bạch. Với định hướng phát triển xanh, Quảng Ninh cần đội ngũ cán bộ am hiểu về: cơ chế tín chỉ carbon; các tiêu chuẩn ESG trong thu hút đầu tư; chính sách kinh tế tuần hoàn; quản trị dữ liệu và chuyển đổi số trong quản lý Nhà nước.

Việc bổ sung các chuyên đề này vào chương trình bồi dưỡng sẽ giúp cán bộ đủ năng lực tương tác với các nhà đầu tư FDI chất lượng cao, đồng thời bảo đảm sự hài hòa giữa tăng trưởng và bảo vệ môi trường.

Nâng cao kỹ năng thực thi pháp luật quốc tế

Trong bối cảnh Việt Nam tham gia sâu rộng các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định CPTPP và Hiệp định RCEP, cán bộ địa phương không thể đứng ngoài “luật chơi” toàn cầu. Chương trình đào tạo cần tập trung vào: quy tắc xuất xứ hàng hóa; cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại; bảo hộ sở hữu trí tuệ; các cam kết về lao động và môi trường.

Khi cán bộ nắm vững các quy định này, họ sẽ trở thành “cầu nối pháp lý” hỗ trợ doanh nghiệp địa phương mở rộng thị trường, giảm thiểu rủi ro và tận dụng tối đa lợi ích từ hội nhập.

Phát triển năng lực ngoại giao văn hóa và sức mạnh mềm

Quảng Ninh không chỉ có tiềm năng công nghiệp và logistics mà còn sở hữu tài nguyên văn hóa, du lịch đặc sắc. Trong bối cảnh Nghị quyết số 59 nhấn mạnh quảng bá hình ảnh quốc gia, chương trình bồi dưỡng cần trang bị cho cán bộ kỹ năng ngoại giao văn hóa, truyền thông quốc tế và xây dựng thương hiệu địa phương.

Mỗi cán bộ, đặc biệt ở các lĩnh vực đối ngoại, du lịch, đầu tư, phải trở thành “đại sứ hình ảnh” của tỉnh, có khả năng giới thiệu thuyết phục về môi trường đầu tư, giá trị di sản và tinh thần “Kỷ luật và Đồng tâm” của vùng Mỏ.

Đổi mới phương thức đào tạo: hướng tới tiêu chuẩn quốc tế

Đổi mới nội dung phải song hành với đổi mới phương thức đào tạo.

Thứ nhất, đẩy mạnh mô hình đào tạo thông qua thực tiễn (Action Learning). Cán bộ cần được cử tham gia trực tiếp các đoàn xúc tiến đầu tư, các diễn đàn hợp tác quốc tế, hoặc luân chuyển công tác tại các khu kinh tế trọng điểm để tích lũy kinh nghiệm thực chiến.

Thứ hai, tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo. Việc liên kết với các cơ sở đào tạo quản trị uy tín tại Singapore, Nhật Bản, Úc... để tổ chức các khóa học ngắn hạn về đàm phán, quản trị khủng hoảng, quản lý đô thị thông minh sẽ giúp chuẩn hóa năng lực cán bộ theo tiêu chuẩn quốc tế.

Thứ ba, xây dựng hệ sinh thái học tập số. Ứng dụng nền tảng số để cung cấp học liệu cập nhật, tổ chức các lớp học trực tuyến với chuyên gia nước ngoài, tạo điều kiện cho cán bộ học tập suốt đời, đúng tinh thần mà Nghị quyết số 59 đề ra.

Xây dựng bản lĩnh chính trị: “Gạn đục khơi trong” giữa dòng chảy toàn cầu

Hội nhập sâu rộng luôn đi kèm với những thách thức về an ninh phi truyền thống, cạnh tranh chiến lược và nguy cơ “diễn biến hòa bình”. Do đó, đổi mới đào tạo không thể tách rời giáo dục chính trị, tư tưởng.

Đội ngũ cán bộ của tỉnh cần được hình thành tư duy toàn cầu gắn với năng lực phân tích, dự báo các vấn đề quốc tế một cách hệ thống và khoa học, đồng thời không ngừng củng cố bản lĩnh chính trị, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Việc tích hợp nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, nâng cao năng lực nhận diện và đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, cũng như gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong chương trình đào tạo, bồi dưỡng sẽ tạo nền tảng để cán bộ chủ động tiếp thu tinh hoa nhân loại mà không đánh mất hệ giá trị cốt lõi.

Vận dụng Nghị quyết số 59-NQ/TW vào đổi mới đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại Quảng Ninh

không chỉ là nhiệm vụ của ngành nội vụ hay các cơ sở đào tạo, mà là chiến lược phát triển dài hạn của tỉnh trong kỷ nguyên hội nhập toàn diện.

Một đội ngũ cán bộ “Thạo ngoại ngữ - Giỏi chuyên môn - Am hiểu luật chơi quốc tế - Vững vàng bản lĩnh chính trị” sẽ là chìa khóa để Quảng Ninh không chỉ là cửa ngõ địa lý của Việt Nam,

mà còn trở thành cửa ngõ trí tuệ, trung tâm kết nối quốc tế năng động của vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc.

Đổi mới đào tạo cán bộ, vì thế, chính là đầu tư cho tương lai hội nhập của tỉnh, đầu tư cho năng lực cạnh tranh, cho bản lĩnh chính trị và cho khát vọng phát triển bền vững trong dòng chảy toàn cầu hóa.

QUẢNG NINH CHÚ TRỌNG...

Đồng thời, yêu cầu bảo đảm nguồn lực, nhất là nguồn lực tài chính và cơ chế chính sách thu hút, hỗ trợ đào tạo nhân lực chất lượng cao.

4. Xây dựng đội ngũ giảng viên có đủ phẩm chất, năng lực - Điều kiện quan trọng triển khai, thực hiện thành công đề án

Đề án nhấn mạnh xây dựng, phát triển đội ngũ giảng viên Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức, giỏi về chuyên môn, có kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, có phương pháp sư phạm hiện đại nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, để xây dựng trường trở thành cơ sở đào tạo bồi dưỡng tập trung, **tiêu biểu về tính kỷ luật, kỷ cương, nghiêm minh**, đạt chuẩn theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

Tăng cường cử giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu thực tế; hoạt động nghiên cứu khoa học phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng; đặc biệt, tiếp tục cử giảng viên tham gia dự các kỳ họp HĐND tỉnh, các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội, đại biểu HĐND các cấp, các kỳ tiếp công dân của lãnh đạo cấp ủy, chính quyền địa phương, qua đó, góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu thực tiễn, phục vụ công tác giảng dạy và đề xuất, đóng góp ý kiến trong xây dựng chủ trương, chính sách, chương trình, kế hoạch của tỉnh, của các địa phương.

Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng bảo đảm số lượng, chất lượng, được đi bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ sư phạm. Mở rộng đối tượng giảng viên thỉnh giảng là các học giả, chuyên gia các

(Tiếp theo trang 9)

bộ, ngành Trung ương, những người có bề dày kinh nghiệm nghiên cứu, giảng dạy và hoạt động thực tiễn, giảng viên một số trường đại học, học viện trong và ngoài nước; các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo tỉnh; lãnh đạo các sở, ban, ngành có chuyên môn sâu, nhiều kinh nghiệm tham gia giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; tăng cường cử giảng viên tham gia các hoạt động nghiên cứu thực tế, trong đó chú trọng cử giảng viên đi nghiên cứu có kỳ hạn tại các địa phương.

Đối với một số chương trình bồi dưỡng cho CBCC cấp xã, bên cạnh việc mời giảng viên ở các cơ sở đào tạo, các chuyên gia của Trung ương, nghiên cứu mời đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là CBCC cấp tỉnh có chuyên môn sâu trong lĩnh vực bồi dưỡng, để truyền đạt kinh nghiệm về các chuyên ngành, lĩnh vực sát với nhiệm vụ của CBCC cấp xã, theo hướng “cầm tay chỉ việc”, thực hành, giải quyết tình huống thực tiễn tại địa phương như: xử lý thủ tục hành chính, tiếp dân, quản lý đất đai, tài chính xã, xây dựng nông thôn mới, an sinh xã hội...

Trong bối cảnh Quảng Ninh đang phấn đấu trở thành tỉnh kiểu mẫu toàn diện, tiến tới thành phố trực thuộc Trung ương, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ càng có vai trò quyết định. Thực hiện hiệu quả đề án sẽ tạo ra bước chuyển căn bản về chất lượng nguồn nhân lực khu vực công, từ đó nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý và tổ chức thực tiễn, góp phần đưa các chủ trương, nghị quyết của Đảng vào cuộc sống, hiện thực hóa khát vọng phát triển nhanh, bền vững của tỉnh trong giai đoạn mới.

NHẬN DIỆN VÀ PHẢN BÁC LUẬN ĐIỀU XUYỀN TẠC, BÔI NHỌ LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC SAU ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

ThS. NGUYỄN MINH HẢI

Phó Trưởng Khoa Nhà nước và Pháp luật

Sau Đại hội XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam, cán bộ và công tác cán bộ của Đảng và Nhà nước lại tiếp tục trở thành tâm điểm chống phá của các thế lực thù địch, phản động và phần tử cơ hội chính trị. Chúng gia tăng các hoạt động với thủ đoạn ngày càng tinh vi, lắt léo, tập trung xuyên tạc, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, phủ nhận tính chính danh của Đại hội Đảng XIV và gieo rắc tâm lý hoài nghi trong xã hội. Thực tiễn đó, đặt ra yêu cầu cấp bách cần phải nhận diện đúng bản chất, vạch trần thủ đoạn và kiên quyết phản bác các quan điểm sai trái trên cơ sở lý luận khoa học và thực tiễn cách mạng Việt Nam, qua đó bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới.

1. Nhận diện các luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước sau Đại hội XIV

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam là dấu mốc chính trị đặc biệt quan trọng, thể hiện bước phát triển mới trong tư duy chiến lược và tầm nhìn lãnh đạo đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Trên cơ sở tổng kết sâu sắc thực tiễn 40 năm đổi mới và những vấn đề đặt ra trong giai đoạn mới, Đại hội đã xác lập mục tiêu, phương hướng và nhiệm vụ mang tính định hướng chiến lược, nhằm thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững và nâng cao chất lượng tăng trưởng của đất nước.

Nhưng, cứ sau mỗi kỳ Đại hội Đảng, các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị lại gia tăng các hoạt động chống phá với nhiều thủ đoạn tinh vi, có tính toán và phức tạp hơn. Một trong những luận điệu xuyên tạc chủ yếu là phủ nhận tính chính danh của Đại hội, cho rằng kết quả Đại hội “đã được sắp đặt trước”, “thiếu dân chủ”, “không phản ánh ý chí thực sự của Đảng và Nhân dân”. Dưới vỏ bọc “phân tích chính trị”, “bình luận thời sự”, các đối tượng chống phá cố tình bóp méo

quy trình tổ chức Đại hội và xuyên tạc nguyên tắc tập trung dân chủ - nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Bên cạnh đó, các thế lực thù địch còn tập trung cá nhân hóa vai trò lãnh đạo, quy chụp mọi chủ trương, quyết sách của Đảng cho một số cá nhân cụ thể; thậm chí bịa đặt, suy diễn đòi tư hoặc thổi phồng sai phạm cá biệt để bôi nhọ uy tín của đội ngũ lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Chúng xuyên tạc công tác điều động, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ sau Đại hội là biểu hiện của “đấu đá nội bộ”, “chia chác quyền lực”, “thanh trừng phe phái”.

Một thủ đoạn nguy hiểm khác là lợi dụng việc Đảng và Nhà nước kiên quyết xử lý các cán bộ vi phạm để vu cáo rằng đây là biểu hiện của “thanh trừng hậu đại hội”. Thực chất, những luận điệu này nhằm đánh tráo bản chất giữa việc thực hiện kỷ luật Đảng, thượng tôn pháp luật với đấu đá quyền lực, từ đó kích động tâm lý hoài nghi trong xã hội và làm suy giảm niềm tin của Nhân dân đối với Đảng.

2. Phản bác các luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, tính chính danh của một đảng cầm quyền được khẳng định không chỉ bằng cơ chế tổ chức mà còn bằng kết quả lãnh đạo cách mạng và sự ủng hộ của Nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Đảng ta là đạo đức, là văn minh. Ngoài lợi ích của Tổ quốc và của Nhân dân, Đảng ta không có lợi ích nào khác” [1;tr622].

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam khẳng định nhất quán rằng mọi thắng lợi của dân tộc đều gắn liền với sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, các cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, đến công cuộc đổi mới năm 1986,

và giai đoạn hiện nay bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, vai trò lãnh đạo của Đảng luôn giữ vị trí quyết định, bảo đảm định hướng đúng đắn và sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển của đất nước. Từ thực tiễn đó, Đảng đã được Nhân dân thừa nhận tại Điều 4 Hiến pháp: *"Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội;..."* [3, khoản 1, Điều 4].

Đại hội XIV của Đảng được tổ chức theo đúng Điều lệ Đảng, chặt chẽ về quy trình, dân chủ trong thảo luận và thống nhất trong quyết định. Các văn kiện trình Đại hội được chuẩn bị hết sức công phu, bài bản, trên cơ sở tổng kết sâu sắc thực tiễn phát triển đất nước, đồng thời kế thừa và phát triển sáng tạo các quan điểm lý luận của Đảng. Quá trình xây dựng văn kiện được tiến hành chặt chẽ, khoa học, huy động trí tuệ tập thể của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thông qua nhiều kênh tham vấn, thảo luận dân chủ, rộng rãi đã thu hút gần 14 triệu lượt ý kiến của người dân và gần 5 triệu lượt cán bộ, đảng viên tham gia ý kiến, thể hiện sự quan tâm, trách nhiệm và đồng thuận rất cao giữa ý Đảng và lòng dân [2; tập 1, tr16].

Vì vậy, các văn kiện không chỉ phản ánh tầm nhìn chiến lược và bản lĩnh chính trị của Đảng ta trong giai đoạn mới, mà còn kết tinh ý chí, nguyện vọng và khát vọng phát triển của dân tộc, tạo nền tảng định hướng cho sự phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong thời kỳ tiếp theo.

Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, mọi quyết định quan trọng đều được thảo luận dân chủ và quyết định theo đa số. Vì vậy, việc cá nhân hóa vai trò lãnh đạo hoặc bôi nhọ đời tư lãnh đạo là sự xuyên tạc trắng trợn, trái với bản chất tổ chức và phương thức lãnh đạo của Đảng.

Bên cạnh đó, việc Đảng kiên quyết xử lý cán bộ vi phạm trong thời gian qua càng khẳng định quyết tâm xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã khẳng định: *"Kiên quyết, kiên trì đẩy mạnh đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực phải đặt lợi ích của quốc gia, dân tộc lên trên hết và đồng hành cùng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ yêu cầu phát triển đất nước"* [2; tập 1, tr140]. Trong nhiệm kỳ Đại hội XIII đã thi hành kỷ luật 1.624 tổ chức đảng (khiển trách 1.160, cảnh cáo 464), kỷ luật 73.135 đảng viên (Khiển trách 57.471, cảnh cáo 11.439, cách chức 1.527, khai trừ 2.718) [2; tập 1, tr365]. Thực tiễn cho thấy nhiều cán bộ, kể cả cán bộ cấp cao, đã bị xử lý nghiêm minh khi vi phạm kỷ luật: có 176 cán bộ diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý bị xử lý kỷ luật, trong đó có 66 trường hợp bị xử lý hình sự (gồm 20 Ủy viên Trung ương và nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, 11 sỹ quan cấp tướng trong lực lượng vũ trang) [2; tập 1, tr370], qua đó khẳng định rõ quan điểm nhất quán của Đảng: không có vùng cấm, không có ngoại lệ trong xử lý sai phạm.

3. Một số yêu cầu đặt ra trong đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc sau Đại hội XIV

Thứ nhất, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch phải được đặt trên nền tảng lý luận khoa học vững chắc, lấy Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chủ trương của Đảng làm cơ sở định hướng. Việc phản bác không thể dừng ở phủ nhận chung chung mà phải đi thẳng vào làm rõ bản chất sai trái trong lập luận của các thế lực thù địch, chỉ rõ tính phi khoa học, phi thực tiễn trong các luận điệu xuyên tạc; đồng thời vạch trần các thủ pháp ngụy biện, đánh tráo khái niệm, cắt ghép thông tin mà chúng sử dụng nhằm gây nhiễu loạn thông tin, nhận thức. Chỉ trên cơ sở lập luận chặt chẽ, chứng cứ xác thực và nền tảng lý luận vững chắc, công tác đấu tranh tư tưởng mới bảo đảm tính thuyết phục và hiệu quả bền vững.

Thứ hai, đấu tranh tư tưởng cần gắn chặt với thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam

chính là minh chứng sinh động bác bỏ các luận điệu phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng.

Thứ ba, cần phát huy mạnh mẽ vai trò của đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là lực lượng làm công tác lý luận, báo chí, tuyên truyền, giảng viên lý luận chính trị, những chủ thể nòng cốt trên mặt trận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là lực lượng trực tiếp tham gia định hướng dư luận, dẫn dắt nhận thức xã hội, do đó phải được củng cố cả về bản lĩnh chính trị, năng lực lý luận và kỹ năng truyền thông hiện đại. Việc đấu tranh cần chuyển từ bị động sang chủ động, kịp thời phát hiện, nhận diện và xử lý các quan điểm sai trái, thù địch ngay từ sớm, từ xa; đồng thời tích cực lan tỏa thông tin chính thống, giá trị tích cực, góp phần tạo “miền dịch xã hội” trước các luận điệu xuyên tạc trong bối cảnh truyền thông số hiện nay.

Các luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ lãnh đạo Đảng, Nhà nước sau Đại hội XIV thực chất là biểu hiện tập trung của chiến lược “diễn biến hòa bình” trong giai đoạn mới. Việc nhận diện đúng bản chất và kiên quyết đấu tranh phản bác các quan

điểm sai trái không chỉ góp phần bảo vệ uy tín của Đảng và Nhà nước mà còn củng cố niềm tin của Nhân dân đối với con đường phát triển mà Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.

Với gần một thế kỷ lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam đã dẫn dắt đất nước vượt qua nhiều thử thách lịch sử, giữ vững độc lập, chủ quyền, ổn định chính trị và không ngừng nâng cao đời sống Nhân dân. Những thành tựu đó là minh chứng sinh động, có sức thuyết phục mạnh mẽ, bác bỏ mọi luận điệu xuyên tạc, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng và uy tín của đội ngũ lãnh đạo hiện nay./.

Tài liệu tham khảo:

1. Hồ Chí Minh: *toàn tập*, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV tập 1, tập 2, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2026.
3. Quốc Hội: Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013.

QUẢNG NINH XÂY DỰNG ĐỒNG BỘ MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW “VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM”

ThS. NGUYỄN THỊ THU HIỀN
Phó Trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Thực tiễn phát triển cho thấy, càng trong điều kiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập sâu rộng, vai trò của văn hóa càng được khẳng định như một nền tảng bền vững và nguồn lực nội sinh quan trọng đối với sự phát triển lâu dài. Quán triệt quan điểm “Tạo lập môi trường văn hoá nhân văn, lành mạnh, văn minh, hiện đại” tại Nghị quyết số 80-NQ/TW “về phát triển văn hóa Việt Nam”, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động, sáng tạo trong việc xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, tạo chuyển biến toàn diện từ nhận thức đến hành động, từ thể chế đến thực tiễn đời sống.

Thống nhất nhận thức trong toàn hệ thống chính trị

Xác định xây dựng môi trường văn hóa là nhiệm vụ trọng tâm, có ý nghĩa nền tảng trong chiến lược phát triển bền vững, tỉnh Quảng Ninh đã ban hành nhiều chủ trương, chương trình và kế hoạch cụ thể nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội.

Một dấu ấn quan trọng trong quá trình cụ thể hóa chủ trương phát triển văn hóa ở Quảng Ninh là việc ban hành Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày

30/10/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “Xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững”. Nghị quyết đã đặt ra yêu cầu: văn hóa và con người không chỉ là nền tảng tinh thần mà phải thực sự trở thành nguồn lực quan trọng tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Trên cơ sở đó, tỉnh xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa theo hướng lành mạnh, giàu tính nhân văn, khuyến khích đổi mới sáng tạo, bảo đảm tính tiến bộ và phù hợp với mục tiêu xây dựng xã hội văn minh, hạnh phúc. Đây được xem là nền tảng quan trọng để bồi dưỡng nhân cách, hình thành lối sống tích cực và phát huy đầy đủ các giá trị tốt đẹp của con người Quảng Ninh trong điều kiện phát triển hiện nay.

Định hướng này tiếp tục được khẳng định trong Chương trình số 12-CTr/TU ngày 13/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW, ngày 07/01/2020 của Bộ Chính trị “về phát triển văn hóa Việt Nam”. Trong đó nhấn mạnh yêu cầu xây dựng con người phát triển toàn diện gắn với việc tạo dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nhân văn, hiện đại và giàu bản sắc. Qua đó cho thấy, phát triển con người và xây dựng môi trường văn hóa không phải là hai nhiệm vụ tách rời mà là hai mặt gắn bó chặt chẽ trong chiến lược phát triển bền vững của địa phương.

Nhận thức sâu sắc về vai trò của xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa, tỉnh Quảng Ninh đã triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm gắn kết chặt chẽ phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội. Văn hóa được tích hợp trong quy hoạch tổng thể phát triển tỉnh, trong chương trình xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh cũng như trong quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh và bền vững.

Trên tinh thần đó, các cấp ủy, chính quyền đã quan tâm đến việc xây dựng môi trường văn hóa trong từng cơ quan, đơn vị; coi trọng việc hình thành tác phong làm việc chuẩn mực, kỷ luật,

trách nhiệm và văn minh trong đội ngũ cán bộ, đảng viên. Cùng với đó, yêu cầu nêu gương ngày càng được đề cao, nhất là trong thực hiện nhiệm vụ, trong ứng xử công vụ và trong quan hệ với Nhân dân.

Đặc biệt, việc xây dựng các chuẩn mực văn hóa được gắn chặt với thực hiện Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, qua đó góp phần đưa các giá trị đạo đức, lối sống, tinh thần trách nhiệm trở thành nội dung thường xuyên trong sinh hoạt chính trị, trong công việc hằng ngày và trong quá trình rèn luyện của mỗi cán bộ, đảng viên.

Xây dựng đồng bộ từ thể chế đến thiết chế

Trong những năm qua, Quảng Ninh đã tập trung đầu tư, xây dựng nhiều công trình văn hóa có quy mô lớn, mang tính biểu tượng, tiêu biểu như Bảo tàng Quảng Ninh, Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tỉnh Quảng Ninh, Thư viện tỉnh Quảng Ninh... Những công trình này không chỉ góp phần làm phong phú đời sống văn hóa tinh thần của người dân mà còn tạo nên các không gian văn hóa - sáng tạo hiện đại, trở thành điểm đến hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước.

Song song với việc đầu tư các thiết chế văn hóa cấp tỉnh, hệ thống nhà văn hóa thôn, khu phố và các trung tâm văn hóa - thể thao tại cơ sở cũng được quan tâm củng cố, nâng cấp theo hướng chuẩn hóa, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương. Việc xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước văn hóa trong cộng đồng dân cư được triển khai nghiêm túc, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và giữ gìn những giá trị tốt đẹp của thuần phong mỹ tục. Qua đó, góp phần hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống tinh thần của Nhân dân và củng cố sự gắn kết cộng đồng trong xã hội.

Gắn kết giữa bảo tồn di sản với phát triển bền vững

Bảo tồn và phát huy các giá trị di sản luôn được tỉnh xác định là một trong những nội dung quan trọng trong xây dựng môi trường văn hóa. Công tác quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị của vịnh Hạ Long - Di sản thiên nhiên thế giới, được

triển khai theo hướng bền vững, gắn chặt giữa bảo tồn di sản với phát triển du lịch xanh, du lịch chất lượng cao. Qua đó, không chỉ khai thác hiệu quả tiềm năng du lịch mà còn nâng cao nhận thức của cộng đồng về trách nhiệm gìn giữ môi trường sinh thái và bảo vệ các giá trị văn hóa, thiên nhiên của địa phương.

Bên cạnh đó, Quảng Ninh cũng chú trọng bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các di sản văn hóa phi vật thể. Việc tổ chức các lễ hội truyền thống được đổi mới theo hướng văn minh, an toàn, tiết kiệm, hạn chế các biểu hiện mê tín dị đoan, thương mại hóa, đồng thời phát huy giá trị giáo dục lịch sử, văn hóa và tinh thần cộng đồng.

Công tác quản lý, tu bổ và phục hồi di tích được thực hiện chặt chẽ theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm giữ gìn tính nguyên gốc và giá trị lịch sử - văn hóa của di sản. Thông qua đó, môi trường văn hóa không chỉ được hình thành trong không gian vật chất của các thiết chế và di sản, mà còn được nuôi dưỡng trong đời sống tinh thần của cộng đồng, nơi các giá trị truyền thống được gìn giữ, kế thừa và phát triển hài hòa trong bối cảnh xã hội hiện đại.

Xây dựng môi trường văn hóa trong đời sống xã hội

Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" được triển khai sâu rộng, gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu và phát triển đô thị văn minh. Việc xét công nhận các danh hiệu "Gia đình văn hóa", "Khu dân cư văn hóa", "Cơ quan, đơn vị văn hóa" ngày càng được thực hiện nghiêm túc, bảo đảm thực chất, khắc phục biểu hiện hình thức, qua đó góp phần hình thành lối sống văn minh, củng cố sự gắn kết cộng đồng.

Trong các lĩnh vực của đời sống xã hội như giáo dục, y tế, doanh nghiệp và lực lượng vũ trang, tỉnh chú trọng xây dựng môi trường làm việc kỷ cương, nhân văn, đề cao tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ Nhân dân. Văn hóa ứng xử được quan tâm xây dựng theo hướng chuẩn mực, chuyên nghiệp, thân thiện, góp

phần lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong đời sống xã hội.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, Quảng Ninh tích cực thúc đẩy xây dựng môi trường văn hóa trên không gian mạng. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng sử dụng mạng xã hội văn minh, có trách nhiệm được triển khai rộng rãi. Đồng thời, tỉnh tăng cường đấu tranh, phản bác các thông tin sai trái, xấu độc trên không gian mạng, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng môi trường văn hóa số lành mạnh, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại.

Xây dựng môi trường văn hóa hiện đại, hội nhập

Trên cơ sở những kết quả đạt được trong thời gian qua, Quảng Ninh tiếp tục xác định xây dựng môi trường văn hóa đồng bộ là nhiệm vụ chiến lược, lâu dài, đòi hỏi sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Tỉnh chú trọng phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, khuyến khích hoạt động sáng tạo nghệ thuật, đồng thời quan tâm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong lĩnh vực văn hóa, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập. Bên cạnh đó, Quảng Ninh tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác quốc tế trong lĩnh vực văn hóa nhằm tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, góp phần làm giàu bản sắc văn hóa địa phương.

Tóm lại, Quảng Ninh xây dựng đồng bộ môi trường văn hóa theo tinh thần Nghị quyết số 80-NQ/TW không chỉ là nhiệm vụ của riêng lĩnh vực văn hóa mà là quá trình tổng hợp, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị. Thông qua việc nâng cao nhận thức, hoàn thiện thể chế, phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, gắn bảo tồn di sản với phát triển bền vững, xây dựng môi trường văn hóa trong đời sống xã hội và không gian số, Quảng Ninh đã từng bước hình thành môi trường văn hóa lành mạnh, nhân văn, hiện đại, tạo động lực tinh thần mạnh mẽ để Quảng Ninh vững bước trên con đường trở thành tỉnh kiểu mẫu, giàu đẹp, văn minh trong giai đoạn phát triển mới.

VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW TRONG XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI TỈNH QUẢNG NINH

ThS. ĐÀO THỊ MAI HƯƠNG

Phó trưởng Khoa Xây dựng Đảng

Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn hóa Việt Nam đã xác lập tầm nhìn chiến lược, toàn diện và mang tính đột phá, đưa văn hóa trở thành nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Trên cơ sở đó, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ban hành Chương trình hành động nhằm cụ thể hóa Nghị quyết, theo hướng bám sát điều kiện thực tiễn của địa phương với cách tiếp cận, tư duy đổi mới, thực chất, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, con người, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn 2026–2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

1. Cơ sở lý luận và ý nghĩa của Nghị quyết số 80-NQ/TW

Trong hệ thống quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam, văn hóa luôn được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của phát triển. Nghị quyết số 80-NQ/TW (năm 2026) của Bộ Chính trị tiếp tục phát triển nhận thức đó lên một tầm cao mới, với tư duy hiện đại, toàn diện và hội nhập.

Điểm nổi bật của Nghị quyết là xác lập rõ: văn hóa không chỉ là lĩnh vực tinh thần mà còn là nguồn lực nội sinh, sức mạnh mềm góp phần nâng cao vị thế, uy tín và năng lực cạnh tranh quốc gia; động lực quan trọng của phát triển bền vững, có tác động sâu rộng đến các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, quốc phòng – an ninh và đối ngoại.

Đặc biệt, Nghị quyết nhấn mạnh yêu cầu đưa văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, gắn kết chặt chẽ với phát triển kinh tế, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Đồng thời, xác định phát triển công nghiệp văn hóa, kinh tế sáng tạo trở thành trụ cột tăng trưởng mới, phấn đấu đóng góp khoảng 7% GDP vào năm 2030 và 9% vào năm 2045.

Có thể khẳng định, Nghị quyết số 80-NQ/TW là bước phát triển đột phá về tư duy lý luận

của Đảng, tạo cơ sở chính trị quan trọng để các địa phương, trong đó có Quảng Ninh, cụ thể hóa thành các chương trình hành động phù hợp.

2. Sự vận dụng của Quảng Ninh – từ nhận thức đến hành động

Quảng Ninh là địa phương có nhiều lợi thế đặc biệt về văn hóa với một kho tàng di sản văn hóa tâm linh, lịch sử vô giá, gồm 641 di tích (trong đó 8 di tích quốc gia đặc biệt), 19 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; sự giao thoa của nhiều vùng văn hóa; truyền thống “kỷ luật và đồng tâm” của giai cấp công nhân mỏ; cùng với đó là vị trí cửa ngõ giao lưu quốc tế.

Những năm qua, tỉnh đã có nhiều chủ trương, giải pháp sáng tạo trong phát triển văn hóa, tiêu biểu như: Gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch bền vững, xây dựng thương hiệu địa phương; đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ; xác định hệ giá trị đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh “Thiên nhiên tươi đẹp, Văn hóa đặc sắc, Xã hội văn minh, Hành chính minh bạch, Kinh tế phát triển, Nhân dân hạnh phúc”; quan tâm xây dựng con người Quảng Ninh với các giá trị đặc trưng “Bản lĩnh, Tự cường, Kỷ cương, Đoàn kết, Nghĩa tình, Hòa sáng, Sáng tạo, Văn minh”; từng bước hình thành các sản phẩm công nghiệp văn hóa gắn với di sản.

Trên nền tảng đó, việc ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW thể hiện rõ tư duy chủ động, sáng tạo, đi trước một bước của Quảng Ninh trong cụ thể hóa đường lối của Đảng.

Trước hết, tỉnh xác định rõ văn hóa là một trong ba trụ cột phát triển bền vững, cùng với kinh tế và môi trường. Đây là bước chuyển mạnh mẽ từ nhận thức “văn hóa đi sau” sang “văn hóa đi cùng và dẫn dắt phát triển”.

Thứ hai, Quảng Ninh nhấn mạnh phát triển công nghiệp văn hóa gắn với kinh tế di sản, lấy du lịch văn hóa làm mũi nhọn. Thực tiễn cho thấy, mô hình phát triển dựa trên di sản như Vịnh Hạ Long,

Yên Tử, Bạch Đằng... đã và đang tạo ra giá trị gia tăng lớn, đóng góp tích cực vào GRDP của tỉnh.

Thứ ba, tỉnh quan tâm xây dựng môi trường văn hóa toàn diện, không chỉ trong đời sống xã hội mà cả trong hệ thống chính trị và không gian số. Đây là điểm rất mới, phù hợp với yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

Thứ tư, chú trọng xây dựng con người Quảng Ninh phát triển toàn diện. Lấy xây dựng con người làm trung tâm, mục tiêu và động lực của phát triển văn hóa. Xác định xây dựng hệ giá trị con người Quảng Ninh là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; đặt giáo dục đạo đức, lối sống, văn hóa lên hàng đầu; tăng cường phối hợp chặt chẽ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong việc hình thành và hoàn thiện nhân cách, đặc biệt đối với thế hệ trẻ.

Thứ năm, phát huy các giá trị văn hóa tiêu biểu trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức như: như "Bộ đội Cụ Hồ", 6 điều Bác Hồ dạy Công an nhân dân, mẫu hình "công bộc của dân"; đẩy mạnh văn hóa nêu gương của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức gắn với xây dựng văn hóa trong Đảng và hệ thống chính trị. Xây dựng đội ngũ doanh nhân Quảng Ninh có chuẩn mực đạo đức, văn hóa kinh doanh lành mạnh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc...

Tuy nhiên, trong tiến trình xây dựng, phát triển văn hóa, con người Quảng Ninh cũng đặt ra một số vấn đề đáng chú ý, cần tập trung tháo gỡ, giải quyết như:

Một là, phát triển công nghiệp văn hóa chưa tương xứng với tiềm năng. Dù có lợi thế lớn về di sản và du lịch, nhưng việc chuyển hóa thành các sản phẩm văn hóa có giá trị gia tăng cao, có thương hiệu mạnh vẫn còn hạn chế.

Hai là, sự chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền vẫn tồn tại, đặc biệt ở khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Ba là, chất lượng nguồn nhân lực văn hóa còn chưa đáp ứng yêu cầu. Trong khi Nghị quyết 80-NQ/TW xác định nhân lực là yếu tố then chốt thì thực tế đội ngũ sáng tạo, quản lý văn hóa ở cơ sở còn thiếu và chưa đồng đều.

Bốn là, chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa còn chậm, chưa hình thành được hệ sinh thái văn hóa số đồng bộ.

Những vấn đề này cho thấy, việc vận dụng Nghị quyết số 80-NQ/TW không chỉ dừng ở việc ban hành chủ trương mà đòi hỏi phải có giải pháp đồng bộ, đột phá, sát thực tiễn.

3. Đề xuất định hướng và giải pháp từ thực tiễn Quảng Ninh

Từ yêu cầu của Nghị quyết số 80-NQ/TW và thực tiễn của tỉnh, có thể xác định một số định hướng và giải pháp trọng tâm sau:

Một là: đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức về phát triển văn hóa. Cần tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm: văn hóa là nền tảng tinh thần, là nguồn lực nội sinh của phát triển. Trong đó, phải đặt văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội; coi đầu tư cho văn hóa là đầu tư cho phát triển bền vững.

Hai là: phát triển công nghiệp văn hóa gắn với kinh tế di sản. Quảng Ninh cần tập trung xây dựng các sản phẩm văn hóa đặc trưng, có giá trị gia tăng cao, dựa trên lợi thế di sản. Đồng thời, hình thành các chuỗi giá trị văn hóa – du lịch – dịch vụ, tạo hệ sinh thái công nghiệp văn hóa hiện đại. Đây cũng chính là định hướng lớn của Nghị quyết số 80-NQ/TW khi coi công nghiệp văn hóa là động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế.

Ba là: xây dựng con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển mới. Trọng tâm là xây dựng hệ giá trị con người Quảng Ninh với các phẩm chất: năng động, sáng tạo, kỷ luật, văn minh, hội nhập. Đồng thời, chú trọng giáo dục văn hóa, đạo đức, lối sống trong gia đình, nhà trường và xã hội.

Bốn là: đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa. Tăng cường số hóa di sản, phát triển các nền tảng văn hóa số, ứng dụng công nghệ trong sáng tạo, bảo tồn và quảng bá sản phẩm văn hóa. Đây là yêu cầu cấp thiết trong bối cảnh nghị quyết đặt mục tiêu xây dựng môi trường văn hóa cả trong không gian số.

Năm là: hoàn thiện thể chế, chính sách và khơi thông nguồn lực. Xây dựng các cơ chế đặc thù để thu hút đầu tư vào lĩnh vực văn hóa, đặc biệt là công nghiệp văn hóa, đổi mới sáng tạo; khuyến khích khu vực tư nhân tham gia phát triển văn hóa.

Sáu là: tăng cường hội nhập quốc tế về văn hóa. Chủ động quảng bá hình ảnh Quảng Ninh ra

thể giới; tổ chức các sự kiện văn hóa quốc tế; tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại, qua đó nâng cao vị thế và sức hấp dẫn của tỉnh.

Nghị quyết số 80-NQ/TW của Bộ Chính trị đã mở ra một giai đoạn phát triển mới của văn hóa Việt Nam với tầm nhìn chiến lược và tư duy đổi mới sâu sắc. Việc Quảng Ninh chủ động, sáng tạo trong cụ thể hóa nghị quyết đã tạo nền tảng quan trọng để phát triển văn hóa, con người gắn với mục tiêu phát triển nhanh, bền vững. Trong thời gian tới, với sự quyết tâm của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của Nhân dân, Quảng Ninh hoàn toàn có thể phát huy lợi thế, đưa văn hóa trở thành động lực nội sinh, góp phần xây dựng tỉnh

trở thành trung tâm văn hóa, du lịch và sáng tạo của khu vực, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội XIV.
- [2] Bộ Chính trị (2026): Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam.
- [3] Chính phủ (2026): Nghị quyết số 30/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW
- [4] Tỉnh ủy Quảng Ninh (2026): Chương trình số 12-CT/TW về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW

**PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC -
ĐỂ MỖI LÁ PHIẾU THỰC SỰ LÀ KẾT TINH CỦA Ý CHÍ,
NGUYỆN VỌNG VÀ QUYỀN LỰC CỦA NHÂN DÂN**

ThS. NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, bầu cử không đơn thuần là một quy trình kỹ thuật chính trị, mà chính là phương thức căn bản, sinh động nhất để hiện thực hóa quyền làm chủ tuyệt đối của Nhân dân. Thành công của mỗi kỳ bầu cử không chỉ đo đếm bằng những con số cử tri, mà cốt yếu nằm ở việc khơi dậy và phát huy cao độ ý thức tự giác, tinh thần trách nhiệm của chủ thể Nhân dân đối với vận mệnh quốc gia.

Ở đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam - với tư cách là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân, đóng vai trò là “hạt nhân” kết nối, tham gia trực tiếp vào những khâu then chốt của quy trình hiệp thương. Sự tham gia của Mặt trận không chỉ đóng vai trò là “bộ lọc” để lựa chọn những đại biểu ưu tú, đủ đức, đủ tài, mà còn là xung lực quan trọng bảo đảm cho cuộc bầu cử diễn ra trong hành lang pháp lý nghiêm minh. Chính sự tham gia có trách nhiệm này đã đảm bảo cho tính dân chủ, khách quan, thực sự biến ngày bầu cử thành ngày hội lớn của

khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nơi ý Đảng quyện hòa chặt chẽ với lòng dân.

Cầu nối giữa ý Đảng và lòng dân

Hiến pháp - “Luật gốc của các luật”, đã quy định một cách nhất quán và sâu sắc vị thế chiến lược của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Không chỉ dừng lại ở một tổ chức liên minh chính trị tự nguyện, Mặt trận được xác lập là “*cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền Nhân dân*”, đóng vai trò là nhịp cầu huyết mạch nối liền ý chí của Đảng với nguyện vọng của đại bộ phận quần chúng. Với chức năng đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc chính là trung tâm của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Đây không chỉ là nơi hội tụ của lòng yêu nước, mà còn là diễn đàn sinh động để thực thi dân chủ, tạo lập sự đồng thuận xã hội - một nhân tố then chốt bảo đảm cho sự ổn định và phát triển bền vững của chế độ.⁽¹⁾

1. Điều 9, Hiến pháp năm 2013 (sửa đổi bổ sung một số điều năm 2025).

Tinh thần đó tiếp tục được Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV nhấn mạnh khi đặt ra yêu cầu *“phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân”*. Tại Báo cáo tổng kết một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam đã khẳng định: *“Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên đã thể hiện được vai trò trung tâm phát huy dân chủ, quyền làm chủ của Nhân dân, nhất là trong công tác bầu cử, xây dựng pháp luật, giám sát và phản biện xã hội”*.⁽²⁾

Trong quy trình bầu cử, cơ chế hiệp thương không đơn thuần là một thủ tục pháp lý, mà chính là “mắt xích” then chốt, bảo chứng cho tính thực chất của dân chủ và năng lực đại diện của các cơ quan quyền lực Nhà nước. Với vai trò là liên minh chính trị, tập hợp khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đảm bảo các hội nghị hiệp thương được diễn ra dựa trên tinh thần thượng tôn pháp luật và trách nhiệm chính trị cao cả. Quá trình này không diễn ra biệt lập mà là sự phối hợp chặt chẽ, khoa học giữa Mặt trận với các cơ quan, tổ chức liên quan nhằm tìm ra cơ cấu, thành phần và số lượng người ứng cử một cách tối ưu. Đây chính là giai đoạn *“sàng lọc tinh hoa”* đầy trách nhiệm, nơi tính công khai, minh bạch và dân chủ được đẩy lên cao nhất để đối chiếu, so sánh từng ứng viên qua hệ giá trị về phẩm chất chính trị, chuẩn mực đạo đức, năng lực thực tiễn và uy tín trước cộng đồng. Kết quả là việc giới thiệu được những cá nhân tiêu biểu nhất không những đủ đức, đủ tài mà còn mang trong mình ý chí và nguyện vọng của Nhân dân. Chính sự lựa chọn kỹ lưỡng từ “gốc” này đã tạo tiền đề vững chắc để cử tri thực hiện quyền hiến định, bầu chọn ra những đại biểu xứng đáng vào bộ máy quyền lực Nhà nước, góp phần củng cố niềm tin tuyệt đối của quần chúng vào sự ưu việt của chế độ ta.

Song hành với quy trình hiệp thương, việc tổ chức hội nghị cử tri tại nơi công tác và nơi cư trú là một khâu trọng yếu, mang tính quyết định trong việc hiện thực hóa quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân. Đây chính là diễn đàn dân chủ thực thụ, nơi mỗi công dân thực hiện quyền “kiểm chứng”,

đánh giá toàn diện về phẩm chất chính trị, năng lực thực tiễn và uy tín của các ứng cử viên một cách công tâm và sát thực nhất. Trong tiến trình này, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm thông qua việc chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan. Sự tham gia của Mặt trận bảo đảm mọi ý kiến phản hồi và mức độ tín nhiệm của cử tri đều được ghi nhận trung thực.

Bên cạnh đó, hoạt động giám sát bầu cử cũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của Mặt trận. Các khâu then chốt của quá trình bầu cử như: việc thành lập và hoạt động của các tổ chức phụ trách bầu cử; quy trình giới thiệu người ứng cử; tổ chức lấy ý kiến cử tri; việc lập và niêm yết danh sách cử tri; cũng như việc bỏ phiếu và kiểm phiếu, được coi là trọng tâm giám sát. Thông qua các hoạt động giám sát được triển khai kịp thời, chặt chẽ, Mặt trận góp phần bảo đảm cuộc bầu cử được tiến hành đúng quy định của pháp luật, dân chủ, công khai và minh bạch.

Có thể thấy, với vai trò là cầu nối giữa Đảng, Nhà nước và Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đang góp phần quan trọng bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 diễn ra dân chủ, đúng pháp luật, an toàn và thành công. Qua đó, mỗi lá phiếu của cử tri thực sự trở thành biểu hiện sinh động của quyền lực Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh - Khẳng định vai trò nòng cốt trong bầu cử

Thực hiện Chỉ thị số 46-CT/TW, ngày 16/5/2025 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh đã chủ động, tích cực triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ trọng tâm, phát huy rõ nét vai trò nòng cốt trong tập hợp và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, góp phần bảo đảm cuộc bầu cử được tổ chức dân chủ, đúng pháp luật, thực sự trở thành ngày hội lớn của toàn dân.

Các cấp ủy trong hệ thống Mặt trận tỉnh Quảng Ninh đã kịp thời quán triệt và cụ thể hóa

2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H.2026.

thành các kế hoạch, chương trình hành động thiết thực. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo công tác bầu cử gồm 16 thành viên, bảo đảm sự lãnh đạo tập trung, thống nhất trong tổ chức triển khai các nhiệm vụ phục vụ bầu cử. Các cấp Mặt trận trong tỉnh chủ động phối hợp chặt chẽ với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai các bước chuẩn bị theo đúng quy định của pháp luật. Công tác tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ bầu cử được tổ chức kịp thời, với 360 đại biểu tham gia hội nghị tập huấn trực tuyến và gần 300 đại biểu tham dự hội nghị hướng dẫn nghiệp vụ cấp tỉnh, góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ trực tiếp tham gia công tác bầu cử.

Công tác hiệp thương đã được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh tổ chức theo đúng quy định, bảo đảm dân chủ, công khai và minh bạch trong việc lựa chọn, giới thiệu người ứng cử. Theo phương án phân bổ của Trung ương, tỉnh Quảng Ninh được bầu 9 đại biểu Quốc hội, trong đó 6 đại biểu cư trú và làm việc tại tỉnh, 3 đại biểu do Trung ương giới thiệu. Tổng số người được phân bổ giới thiệu ứng cử là 33 người từ 15 cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2026 - 2031, dự kiến bầu 56 đại biểu, với 220 người được phân bổ giới thiệu ứng cử từ 103 cơ quan, tổ chức, đơn vị; thực tế tiếp nhận 217 người được giới thiệu ứng cử. Ở cấp xã, toàn tỉnh dự kiến bầu 1.115 đại biểu Hội đồng nhân dân tại 54 xã, phường, đặc khu, với 3.296 người được phân bổ giới thiệu ứng cử. Qua các vòng hiệp thương, danh sách sơ bộ được xác lập gồm 21 người ứng cử đại biểu Quốc hội và 140 người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau hội nghị hiệp thương lần thứ ba, danh sách chính thức được lựa chọn gồm 12 người ứng cử đại biểu Quốc hội, 93 người ứng cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và 1.859 người ứng cử đại biểu HĐND ở cấp xã.

Công tác tổ chức hội nghị cử tri nơi cư trú cũng được triển khai một cách bài bản, đúng quy định, tạo điều kiện để Nhân dân trực tiếp tham gia nhận xét, đánh giá đối với người ứng cử. Đối với ứng cử viên đại biểu Quốc hội, các hội nghị được tổ chức tại 20 khu dân cư thuộc 14 xã, phường,

đặc khu, với 2.145 cử tri được mời, 1.689 cử tri tham dự, đạt tỷ lệ 78,74%. Kết quả, 21/21 người ứng cử đều đạt 100% phiếu tín nhiệm. Đối với ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, các hội nghị được tổ chức tại 116 khu dân cư thuộc 42 xã, phường, đặc khu, với 12.829 cử tri được mời, 9.206 cử tri tham dự, đạt tỷ lệ 71,75%. Kết quả, 139/140 người đạt 100% phiếu tín nhiệm, 1 người đạt 98% phiếu tín nhiệm.

Bên cạnh đó, xác định tuyên truyền là nhiệm vụ quan trọng góp phần tạo sự thống nhất nhận thức và đồng thuận xã hội, các cấp Mặt trận trong tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở và các tổ chức thành viên triển khai nhiều hình thức tuyên truyền phong phú. Hoạt động tuyên truyền được tổ chức theo ba đợt, từ tháng 10/2025 đến sau ngày bầu cử 15/3/2026, tập trung cao điểm vào giai đoạn trước ngày bầu cử. Nội dung tuyên truyền tập trung làm rõ ý nghĩa chính trị, pháp lý và tầm quan trọng của cuộc bầu cử; quyền và nghĩa vụ của cử tri; tiêu chuẩn của đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân. Thông qua nhiều kênh thông tin và nền tảng truyền thông hiện đại, không khí hướng tới ngày bầu cử được lan tỏa sâu rộng trong các tầng lớp Nhân dân, góp phần củng cố niềm tin và khuyến khích cử tri tích cực tham gia thực hiện quyền làm chủ của mình.

Cùng với công tác hiệp thương và tuyên truyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp trong tỉnh đã chủ động triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát công tác bầu cử. Tỉnh đã tổ chức 2 đợt kiểm tra, giám sát: đợt 1 kiểm tra 14 xã, phường, đặc khu và 2 tổ chức thành viên; đợt 2 thành lập 8 đoàn kiểm tra, giám sát tại 54 xã, phường, đặc khu trong toàn tỉnh. Đồng thời, tổ tiếp công dân gồm 7 thành viên được thành lập để tiếp nhận và xử lý các kiến nghị liên quan đến bầu cử.

Với sự chuẩn bị chu đáo, đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự tham gia tích cực của Nhân dân, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã diễn ra thành công tốt đẹp, thực sự trở thành ngày hội lớn của toàn dân, nơi quyền làm chủ của Nhân dân được phát huy mạnh mẽ qua từng lá phiếu./.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU, QUÁN TRIỆT VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY Ở KHOA LÝ LUẬN CƠ SỞ HIỆN NAY

TS. PHẠM THỊ LỆ NGỌC

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Các kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng luôn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, định hướng chiến lược cho sự phát triển của đất nước qua từng giai đoạn. Văn kiện Đại hội không chỉ tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận mà còn đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn nhằm tiếp tục xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đại hội XIV của Đảng là sự kiện chính trị có ý nghĩa quan trọng, đánh dấu bước phát triển mới trong tư duy lý luận và tầm nhìn chiến lược, nhất là trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp, đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong Diễn văn bế mạc Đại hội XIV, Tổng Bí thư Tô Lâm nhấn mạnh yêu cầu cấp bách đối với các cấp ủy, tổ chức đảng là phải nhanh chóng tổ chức học tập, quán triệt và cụ thể hóa nội dung văn kiện thành chương trình, kế hoạch hành động thiết thực, khả thi. Việc triển khai cần được thực hiện đồng bộ, toàn diện, hiệu quả; đồng thời phát huy tối đa các nguồn lực, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc nhằm bảo đảm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu đã đề ra.

Đối với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, việc nghiên cứu, quán triệt và đưa Nghị quyết Đại hội XIV vào giảng dạy là yêu cầu tất yếu. Đặc biệt, cần thực hiện một cách khoa học, có định hướng rõ ràng, gắn với từng học phần, góp phần nâng cao tính cập nhật và thực tiễn của nội dung giảng dạy, giúp học viên nắm vững những quan điểm mới của Đảng.

1. Một số định hướng nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng

1.1. Nghiên cứu làm rõ những điểm mới trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị hiện nay là chủ động nghiên cứu, hệ thống hóa và làm rõ những điểm mới trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng. Đây không chỉ là yêu cầu chuyên môn mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng nhằm bảo đảm việc truyền tải đầy đủ, chính xác và kịp thời các quan điểm, chủ trương của Đảng vào giảng dạy. Việc nghiên cứu sâu sắc nội dung nghị quyết giúp giảng viên nâng cao trình độ lý luận, đồng thời tạo cơ sở khoa học để cập nhật, bổ sung và vận dụng linh hoạt các quan điểm mới vào từng bài giảng.

Trước hết, cần tập trung làm rõ các quan điểm của Đảng về phát triển nhanh và bền vững đất nước trong giai đoạn mới. Đây là định hướng lớn nhằm bảo đảm sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân. Nội dung này giúp giảng viên có cơ sở phân tích sâu hơn mô hình phát triển của Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và những yêu cầu mới đặt ra.

Bên cạnh đó, Nghị quyết Đại hội XIV tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đây là vấn đề có ý nghĩa nền tảng trong giảng dạy các môn lý luận chính trị, đặc biệt là chủ nghĩa xã hội khoa học. Việc hệ thống hóa các quan điểm mới giúp làm rõ đặc trưng của xã hội chủ nghĩa, cũng như các nhiệm vụ, bước đi và giải pháp trong thời kỳ quá độ. Ngoài ra, Đại hội XIV khẳng định vai trò của kinh tế thị trường, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện thể chế, phát huy hiệu quả các thành phần kinh tế và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển.

Cùng với đó, nghị quyết nhấn mạnh nhiệm vụ xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; coi trọng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số như những động lực quan trọng. Việc nghiên cứu các nội dung này giúp giảng viên nắm vững quan điểm của Đảng và vận dụng hiệu quả vào giảng dạy, góp phần nâng cao chất lượng, tính cập nhật và sức thuyết phục của các bài giảng lý luận chính trị hiện nay.

1.2. Gắn việc nghiên cứu nghị quyết với yêu cầu đổi mới nội dung giảng dạy

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị đặt ra ngày càng cao, đòi hỏi hoạt động giảng dạy phải có sự đổi mới cả về nội dung và phương pháp. Vì vậy, việc nghiên cứu và quán triệt Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cần được đặt trong mối liên hệ với yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị.

Trước hết, giảng viên cần chú trọng cập nhật những quan điểm, chủ trương mới của Đảng được thể hiện trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào nội dung bài giảng. Đây là nguồn thông tin quan trọng giúp bảo đảm tính thời sự và tính định hướng chính trị trong giảng dạy lý luận. Việc bổ sung các nội dung mới không chỉ giúp học viên nắm bắt kịp thời những định hướng phát triển của đất nước mà còn góp phần làm phong phú thêm hệ thống tri thức lý luận được truyền đạt trong quá trình học tập.

Bên cạnh đó, việc nghiên cứu Nghị quyết cần được gắn với yêu cầu tăng cường liên hệ thực tiễn phát triển của đất nước và của từng địa phương. Thông qua việc phân tích các thành tựu, khó khăn và những vấn đề đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, giảng viên có thể giúp học viên hiểu rõ hơn giá trị thực tiễn của các quan điểm, đường lối của Đảng. Những dẫn chứng cụ thể từ thực tiễn sẽ góp phần làm cho nội dung bài giảng trở nên sinh động, gần gũi và có sức thuyết phục hơn.

Ngoài ra, việc đổi mới nội dung giảng dạy cũng cần gắn với việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động

của người học. Giảng viên có thể tổ chức các hoạt động thảo luận, trao đổi hoặc phân tích các vấn đề thực tiễn trên cơ sở vận dụng quan điểm của Đảng. Thông qua quá trình này, học viên không chỉ tiếp thu kiến thức một cách sâu sắc hơn mà còn rèn luyện được khả năng tư duy, phân tích và vận dụng lý luận vào thực tiễn công tác. Điều đó góp phần nâng cao hiệu quả công tác giảng dạy lý luận chính trị trong giai đoạn hiện nay.

1.3. Tăng cường nghiên cứu thực tiễn địa phương để minh họa cho bài giảng

Bên cạnh việc nghiên cứu lý luận và cập nhật các quan điểm mới của Đảng, một hướng tiếp cận quan trọng trong quá trình vận dụng Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào giảng dạy là tăng cường nghiên cứu thực tiễn của địa phương, ngành và lĩnh vực cụ thể. Việc gắn nội dung lý luận với thực tiễn phát triển của địa phương không chỉ giúp minh họa rõ hơn cho các luận điểm lý luận mà còn góp phần làm cho bài giảng trở nên sinh động, dễ hiểu và gần gũi hơn đối với học viên.

Thực tiễn cho thấy, nhiều nội dung trong Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng có thể được vận dụng để phân tích những vấn đề đang đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở các địa phương. Thông qua việc nghiên cứu và khai thác các ví dụ cụ thể từ thực tiễn, giảng viên có thể giúp học viên nhận thức rõ hơn sự vận động của các quan điểm, đường lối của Đảng trong đời sống xã hội. Đồng thời, cách tiếp cận này cũng tạo điều kiện để người học thấy được mối liên hệ chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn, từ đó nâng cao khả năng vận dụng kiến thức lý luận vào quá trình công tác. Thông qua việc gắn nội dung giảng dạy với thực tiễn phát triển của địa phương, bài giảng không chỉ trở nên thiết thực và có tính thuyết phục cao hơn mà còn góp phần giúp học viên hiểu sâu sắc hơn các chủ trương, đường lối của Đảng trong quá trình phát triển đất nước.

2. Những nội dung cơ bản Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cần được nghiên cứu quán triệt và đưa vào giảng dạy ở Khoa Lý luận cơ sở hiện nay

Đối với các cơ sở đào tạo lý luận chính trị, đặc biệt là Khoa Lý luận cơ sở, việc nghiên cứu, quán

triệt và vận dụng những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào giảng dạy có ý nghĩa quan trọng nhằm cập nhật kịp thời các quan điểm mới của Đảng, đồng thời nâng cao tính thời sự và thực tiễn của các bài giảng. Việc tích hợp nội dung của Văn kiện cần được thực hiện một cách khoa học, phù hợp với đặc điểm của từng học phần trong chương trình đào tạo.

Đối với học phần Triết học Mác-Lênin, việc vận dụng nội dung Văn kiện Đại hội XIV cần tập trung làm rõ phương pháp luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn của đất nước. Các quan điểm của Đảng về phát triển nhanh và bền vững, phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội và môi trường, hay yêu cầu đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số có thể được phân tích dưới góc độ thế giới quan và phương pháp luận của phép biện chứng duy vật. Thông qua đó, giảng viên giúp học viên thấy rõ giá trị khoa học và tính thực tiễn của triết học Mác-Lênin trong việc định hướng nhận thức và hành động, đồng thời làm rõ sự vận dụng sáng tạo của Đảng ta trong lãnh đạo sự nghiệp phát triển đất nước.

Đối với học phần Kinh tế chính trị Mác-Lênin, Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cung cấp nhiều nội dung quan trọng liên quan đến phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trong giảng dạy, giảng viên có thể vận dụng các quan điểm của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng và nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, những định hướng về phát triển khoa học-công nghệ, chuyển đổi số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn cũng có thể được phân tích nhằm làm rõ những yêu cầu mới đặt ra đối với quá trình phát triển kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Giảng viên cần gắn quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong Văn kiện Đại hội XIV với Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 6/1/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước. Việc liên hệ các quan điểm này với nội dung lý luận của kinh tế chính

trị Mác-Lênin sẽ giúp học viên hiểu rõ hơn bản chất và đặc trưng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đối với học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, nội dung Văn kiện Đại hội XIV có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc làm rõ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên có thể vận dụng các quan điểm của Đảng về mục tiêu, đặc trưng và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn mới; đồng thời phân tích những nhiệm vụ trọng tâm như phát triển kinh tế gắn với tiến bộ và công bằng xã hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Thông qua đó, học viên sẽ có nhận thức sâu sắc hơn về bản chất, mục tiêu và triển vọng của con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn.

Đối với học phần nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh, trong giảng dạy cần làm rõ sự kiên định và vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng. Nghị quyết Đại hội XIV tiếp tục khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh cùng với chủ nghĩa Mác – Lênin là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hoạt động của Đảng. Nội dung này có thể được tích hợp khi giảng về quá trình hình thành, phát triển và giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh, qua đó giúp học viên nhận thức rõ tính đúng đắn, sức sống bền vững của hệ tư tưởng này trong thực tiễn phát triển đất nước.

Bên cạnh đó, các quan điểm của Đại hội XIV về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân có thể được vận dụng để làm rõ hơn tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân. Thông qua việc phân tích các chủ trương của Đảng về phát huy dân chủ, tăng cường pháp quyền, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, giảng viên giúp học viên thấy được sự kế thừa và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh trong điều kiện mới.

(Xem tiếp trang 30)

MỘT SỐ ĐIỂM ĐỘT PHÁ VỀ ĐỐI NGOẠI TRONG ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG VÀ THỰC TIỄN VẬN DỤNG TẠI TỈNH QUẢNG NINH

ThS. NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Đặt vấn đề

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là cột mốc khởi đầu cho Kỷ nguyên phát triển mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam sau 40 năm tiến hành thành công công cuộc Đổi mới. Thế giới hiện nay đang trải qua những biến động mang tính thời đại: sự dịch chuyển địa chính trị, cạnh tranh chiến lược giữa các cường quốc và sự bùng nổ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Trong bối cảnh đó, Đại hội XIV đã xác lập một tầm nhìn đối ngoại đột phá, không chỉ nhằm “bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc”¹ mà còn nhằm khẳng định vị thế và tầm vóc của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Một số điểm đột phá về đối ngoại trong Đại hội XIV của Đảng

Thứ nhất, bổ sung nội hàm đường lối đối ngoại: Đề cao tính “tự cường” và “tâm vóc” dân tộc

Một dấu ấn nổi bật trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng là việc bổ sung thành tố “tự cường” vào đường lối đối ngoại. Đảng ta khẳng định: “Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại”². Việc nhấn mạnh tính “tự cường” cho thấy bản lĩnh và sự tự tin của Đảng ta trước những sóng gió của chính trị khu vực và thế giới. Tự cường không phải là tự cung tự cấp hay khép kín, mà là xây dựng một nội lực vững mạnh, một nền kinh tế có khả năng chống chịu cao để từ đó

tham gia hội nhập quốc tế một cách chủ động nhất. Sự bổ sung này là kết quả của việc đúc rút kinh nghiệm từ những biến động toàn cầu gần đây. Một quốc gia muốn hội nhập thành công thì trước hết phải tự cường. Tự cường về kinh tế, tự cường về quốc phòng - an ninh và tự cường về bản sắc văn hóa. Chỉ khi tự cường, Việt Nam mới có đủ bản lĩnh để thực hiện chính sách “ngoại giao cây tre” - mềm dẻo nhưng vững chãi, uyển chuyển nhưng không đổi màu.

Đi đôi với tự cường là mục tiêu phát triển đối ngoại “*phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hóa và vị thế của đất nước*”³. Đây là tuyên ngôn về sự tự tin dân tộc. Việt Nam không còn là quốc gia nghèo nàn, lạc hậu, mà là một nền kinh tế năng động, một điểm sáng về ổn định chính trị và là một đối tác tin cậy, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế. Điều này phản ánh khát vọng vươn tới vị thế mới trên trường quốc tế, khẳng định Việt Nam không còn chỉ là quốc gia tham gia vào các tiến trình quốc tế mà đang hướng tới vai trò dẫn dắt, đóng góp tích cực cho văn minh nhân loại.

Thứ hai, đổi mới phương thức hội nhập: Toàn diện, sâu rộng và chủ động kiến tạo luật chơi

Đại hội XIV đánh dấu bước chuyển mình từ hội nhập kinh tế là trọng tâm sang hội nhập quốc tế “toàn diện, sâu rộng, đồng bộ và hiệu quả”⁴. Điều này có nghĩa là hội nhập không chỉ dừng lại ở các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà phải lan tỏa mạnh mẽ sang các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, H, 2026, tập 1, tr.117.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđđ*, tr.117.

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđđ*, tr.117.

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđđ*, tr.119.

Đặc biệt, Việt Nam chuyển từ vị thế “tham gia” sang vị thế “chủ động tham gia xây dựng, định hình các thể chế đa phương”⁵. Đây là một bước tiến về chất trong ngoại giao đa phương. Đảng ta xác định mục tiêu góp phần kiến tạo trật tự quốc tế và khu vực công bằng, bình đẳng, cùng có lợi, dựa trên luật pháp quốc tế. Việc “nâng tầm đối ngoại đa phương”⁶ không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi quốc gia mà còn nâng cao vai trò, vị trí của Việt Nam trong nền chính trị thế giới và kinh tế toàn cầu.

Thứ ba, khẳng định vai trò, sứ mệnh của đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên. Văn kiện Đại hội nêu rõ “*tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên*”⁷. Đây là lần đầu tiên Đảng ta đặt vị trí của đối ngoại, hội nhập quốc tế ngang hàng với quốc phòng, an ninh. Quốc phòng, an ninh không chỉ là bảo vệ biên giới mà là bảo vệ chế độ, bảo vệ sự ổn định để phát triển. Đối ngoại không chỉ là giao lưu mà là tạo lập “thế” và “lực”, bảo vệ lợi ích quốc gia từ sớm, từ xa. Như vậy, đối ngoại, hội nhập quốc tế trở thành một phương thức quan trọng, một công việc thường xuyên, liên tục và có tầm quan trọng hàng đầu trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đối ngoại, hội nhập quốc tế không chỉ góp phần quan trọng trong việc bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, mà còn kiến tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho phát triển đất nước.

2. Thực tiễn vận dụng tại tỉnh Quảng Ninh: “cửa ngõ” hội nhập và tự cường

Quảng Ninh với vị trí địa kinh tế - chính trị đặc biệt, là tỉnh duy nhất của Việt Nam có cả đường biên giới bộ và biển giáp Trung Quốc, đồng thời giữ vai trò “cửa ngõ - cầu nối” quan trọng trong các hành lang kinh tế quốc tế. Trong quá trình thực hiện đường lối đối ngoại của Trung ương, Quảng Ninh là địa phương điển hình trong việc cụ thể hóa những quan điểm, đường lối, chính

sách đối ngoại, ngoại giao của Đảng, Nhà nước vào thực tiễn địa phương. Với những thành tựu đã đạt được trên lĩnh vực đối ngoại và hội nhập, Quảng Ninh tiếp tục cụ thể hóa các quan điểm đột phá về đối ngoại của Đại hội Đảng XIV bằng thực tiễn sinh động của tỉnh.

Một là, về tư duy “mở đường” và “kiến tạo không gian phát triển”: Quảng Ninh đã tiên phong trong việc sử dụng đối ngoại và hội nhập để kiến tạo không gian phát triển. Tỉnh đã chủ động đầu tư hệ thống hạ tầng giao thông kết nối quốc tế đồng bộ (cao tốc dọc tỉnh, sân bay Vân Đồn, cảng biển quốc tế) để biến mình thành một cửa ngõ thực thụ của khu vực và thế giới. Đây chính là cách Quảng Ninh “đi trước một bước” để đón đầu các dòng vốn đầu tư thế hệ mới từ các tập đoàn đa quốc gia.

Hai là, về tính “tự cường” và phát triển tương xứng tầm vóc: với tư duy tự lực, tự cường, Quảng Ninh không ỷ lại vào ngân sách Trung ương mà chủ động huy động nguồn lực xã hội hóa để phát triển. Tỉnh đã thu hút được nhiều tập đoàn và nhà đầu tư lớn có năng lực, kinh nghiệm trong các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, điện tử, công nghệ sạch và công nghiệp ô tô như Foxconn, TCL, Liteon, Jinko Solar, Tập đoàn Thành Công... Tổng vốn thu hút FDI giai đoạn 2021 - 2025, ước đạt 9,77 tỷ USD, cao gấp 5,1 lần so với giai đoạn 2016 - 2020 và đạt 280% mục tiêu Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV đề ra. Trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm trên 68,5⁸. Tổng vốn FDI năm 2026 của 41 dự án đăng ký trên địa bàn tỉnh dự kiến đạt 3,008 tỷ USD (tương đương khoảng 79.007 tỷ đồng). Trong đó, nhóm dự án trọng điểm chiếm 1,545 tỷ USD; còn lại là các dự án khác với 1,463 tỷ USD⁹. Sự phát triển mạnh mẽ của tỉnh trong những năm qua là minh chứng cho việc hiện thực hóa tầm vóc văn hóa - lịch sử của vùng đất di sản, đưa Quảng Ninh trở

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.120

6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.120..

7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Sđd*, tr.82.

8. Tỉnh ủy Quảng Ninh: Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025-2030, tr.33.

9. Xem <https://baoquangninh.vn/nang-chat-dong-von-fdi-3399114.html>

thành một trong những cực tăng trưởng toàn diện của phía Bắc.

Ba là, về hội nhập toàn diện: Quảng Ninh không chỉ hội nhập về kinh tế mà còn rất thành công trong hội nhập văn hóa và an ninh. Tỉnh thường xuyên tổ chức các sự kiện văn hóa, du lịch quy mô quốc tế, phối hợp chặt chẽ với các địa phương biên giới của Trung Quốc để xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển bền vững. Quảng Ninh là thành viên sáng lập và tích cực của Diễn đàn Du lịch Liên khu vực Đông Á (EATOF). Thông qua diễn đàn này, tỉnh quảng bá hình ảnh vịnh Hạ Long, chủ động đề xuất các cơ chế hợp tác về du lịch, văn hóa, tạo dựng vị thế riêng trên bản đồ ngoại giao địa phương quốc tế.

3. Một số giải pháp để hiện thực hóa đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng lần thứ XIV

Để hiện thực hóa những đột phá chiến lược được đề ra trong Đại hội XIV của Đảng, Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh đang phải đối mặt với không ít thách thức như sự bảo hộ thương mại, các tiêu chuẩn xanh khắt khe của EU và Mỹ, cùng sự thiếu hụt nhân lực ngoại giao chuyên môn sâu. Do đó, cần tập trung vào các nhóm giải pháp:

Thứ nhất, xây dựng đội ngũ cán bộ đối ngoại “vừa hồng vừa chuyên”, có khả năng đàm phán các vấn đề kỹ thuật phức tạp về công nghệ và môi trường.

Thứ hai, cần bảo đảm nguồn lực tài chính và hạ tầng cho đối ngoại. Không thể làm đối ngoại hiện đại bằng những công cụ lạc hậu.

Thứ ba, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung về đối tác, các thỏa thuận quốc tế để các địa phương và bộ ngành có thể phối hợp nhịp nhàng, tránh chồng chéo.

Thứ tư, tăng cường sự phối hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và Đối ngoại Nhân dân tạo thành sức mạnh tổng hợp trên Mặt trận đối ngoại.

Kết luận

Những đột phá về đối ngoại trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng là khát vọng, là bản lĩnh của một dân tộc đang vươn mình mạnh mẽ. Từ tầm nhìn chiến lược của Trung ương đến những hành động quyết liệt, hiệu quả của các địa phương như Quảng Ninh, đối ngoại sẽ thực sự trở thành “trụ cột kiến tạo” cho sự phát triển, đưa Việt Nam bước vào kỷ nguyên hùng cường, thịnh vượng, đóng góp tích cực vào nền văn minh nhân loại.

MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG ...

(Tiếp theo trang 27)

Ngoài ra, Nghị quyết Đại hội XIV nhấn mạnh yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong toàn Đảng và xã hội. Đây là nội dung quan trọng khi giảng về giá trị đạo đức và phong cách của Người, đồng thời gắn với trách nhiệm rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Việc tích hợp các nội dung này góp phần nâng cao tính cập nhật, thực tiễn và sức thuyết phục của giảng dạy lý luận chính trị.

Kết luận

Việc nghiên cứu và đưa những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào

giảng dạy ở Khoa Lý luận cơ sở không chỉ góp phần làm phong phú nội dung các học phần mà còn giúp nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị, gắn kết chặt chẽ giữa lý luận với thực tiễn phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Theo đó, bước đầu nghiên cứu, quán triệt, vận dụng quan điểm Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào giảng dạy các nội dung ở Khoa Lý luận cơ sở cần phải khai thác, hệ thống hóa được từ những nội dung quan điểm của Đảng trong nghị quyết một cách cụ thể, sát với từng nội dung giảng dạy, tránh chung chung hoặc dập khuôn máy móc, nhằm góp phần thiết thực đưa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng vào cuộc sống.

NHỮNG ĐIỂM MỚI VỀ ĐỐI NGOẠI TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

ThS. ĐẶNG THÀNH DƯƠNG

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của dân tộc ta đã chứng minh quân sự và ngoại giao là hai mặt trận luôn song hành cùng nhau. Nếu như mặt trận quân sự trực tiếp đánh bại kẻ thù thì ngoại giao thể hiện vai trò từ trước, trong và sau cuộc chiến, khẳng định những kết quả to lớn, triệt để của các cuộc chiến. Vai trò của ngoại giao được Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định “Sau vấn đề phòng thủ, ngoại giao là một vấn đề cần yếu cho một nước độc lập”¹.

Trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, vai trò của công tác đối ngoại càng được thể hiện một cách rõ nét. Trên cơ sở đánh giá kết quả của 40 năm đổi mới đất nước cũng như qua giai đoạn 2020-2025, đối ngoại đã góp phần to lớn để đất nước ta có được vị thế, uy tín quốc tế như ngày hôm nay. Từ khi ra đời, Đảng đã coi công tác đối ngoại là một mặt trận quan trọng và cho đến ngày hôm nay, với những đóng góp tích cực, có tác động mạnh mẽ với sự phát triển đất nước mặt trận này càng được coi trọng hơn. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, quan điểm của Đảng về công tác đối ngoại đã thể hiện một số điểm mới, cụ thể như sau:

Thứ nhất, trong quan điểm chỉ đạo của Đảng, những nhiệm vụ trọng tâm được xác định là: “phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ môi trường là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hoá, con người là nền tảng; tăng cường quốc phòng, an ninh và đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế là trọng yếu, thường xuyên”². Nếu như tại Đại hội lần thứ XIII, Đảng ta xác định “bảo đảm quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường

xuyên”³ thì tại Đại hội XIV đã bổ sung thêm nội dung “đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập quốc tế”, nhấn mạnh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Quan điểm này thể hiện bước tiến mới về tư duy của Đảng, khẳng định vai trò to lớn của công tác đối ngoại đối với sự phát triển của đất nước trong thời gian qua và trong những giai đoạn tiếp theo.

Trong giai đoạn 2020-2025, công tác đối ngoại đã có những đóng góp tích cực vào quá trình phát triển của đất nước ta. Trong giai đoạn này, Việt Nam đã mở rộng quan hệ đối ngoại lên 195 quốc gia có quan hệ ngoại giao, 40 quốc gia có quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện. Nước ta đã mở rộng và duy trì trao đổi, giao lưu với các nước đối tác trên tất cả lĩnh vực nhằm phục vụ công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Việt Nam đã thể hiện được vai trò ngày càng quan trọng trong các tổ chức, các hoạt động quốc tế, góp phần duy trì hòa bình ổn định và thúc đẩy sự phát triển chung của nhân loại. Những đóng góp đó đã được Đảng khẳng định “Đối ngoại đã phát huy tích cực, hiệu quả vai trò tiên phong, góp phần duy trì, củng cố môi trường hoà bình, ổn định, mở ra cục diện mới chưa từng có cho phát triển đất nước”⁴. Đây là cơ sở để tại Đại hội XIV, Đảng khẳng định công tác đối ngoại có vai trò trọng yếu, tác động rất lớn đến sự phát triển mọi mặt của đất nước. Không chỉ ghi nhận vai trò trong thời gian qua, công tác đối ngoại còn được kỳ vọng trong những giai đoạn tiếp theo sẽ tiếp tục tạo ra môi trường thuận lợi cho quá trình phát triển đất nước, bảo

1. Văn kiện Đảng toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t. 8, tr. 290

2. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Việt Nam

3. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021, T.1, tr324

4. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

đảm quốc phòng, an ninh, đưa dân tộc ta vững bước vào kỷ nguyên mới.

Đảng xác định công tác đối ngoại có vai trò trọng yếu nên cần thực hiện thường xuyên, liên tục. Cần nâng cao công tác tuyên truyền để toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân nắm rõ về vai trò và yêu cầu của công tác đối ngoại trong giai đoạn hiện nay. Từ đó cụ thể hóa thành những nhiệm vụ phù hợp với từng đối tượng như các cơ quan chuyên môn, các lực lượng chức năng, khu vực biên giới, kiều bào ở nước ngoài, công dân trong nước, ... Thực hiện đồng thời và có hiệu quả cả 3 hoạt động: đối ngoại Đảng; ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân. Công tác đối ngoại cần thực hiện thường xuyên để không ngừng quảng bá hình ảnh đất nước, con người Việt Nam ra thế giới cũng như đẩy mạnh trao đổi, hợp tác phục vụ quá trình xây dựng, phát triển đất nước, gìn giữ hòa bình, ổn định.

Thứ hai, Đại hội XIV chủ trương “thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển”⁵. Có thể thấy, so với Đại hội XIII, Đảng đã bổ sung thêm nội hàm “tự cường” trong đường lối đối ngoại. Đây là chủ trương nhằm nâng cao sức mạnh của hoạt động đối ngoại. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”⁶. Muốn hoạt động ngoại giao có được kết quả tốt cần không ngừng nâng cao thực lực, phải làm cho mình mạnh lên. Thực lực không có sẵn từ sự trợ giúp từ bên ngoài mà phải dựa vào sức mạnh nội sinh của dân tộc ta. Đó là kinh tế phát triển, văn hóa giàu bản sắc, đời sống Nhân dân được nâng cao, quốc phòng an ninh vững chắc,... Chỉ có nền tảng nội lực đó mới giúp đất nước ta có được sức mạnh to lớn, có thể đứng ngang hàng, không bị lệ thuộc các quốc gia khác trong các sự kiện quốc tế, trên bàn đàm phán. Đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường là chủ

tương phù hợp với truyền thống của dân tộc ta, đảm bảo những giá trị cốt lõi của đất nước trong bối cảnh quốc tế phức tạp hiện nay.

Thứ ba, Đại hội XIV bổ sung nội dung “phát triển đối ngoại trong kỷ nguyên mới, tương xứng với tầm vóc lịch sử, văn hoá và vị thế của đất nước”⁷. Đây là quan điểm chỉ rõ hướng đi cụ thể của công tác đối ngoại trong giai đoạn hiện nay. Phát triển đối ngoại cần dựa trên những giá trị lịch sử, văn hóa, truyền thống của dân tộc ta. Lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước của cha ông ta đã cho thấy, hoạt động đối ngoại luôn diễn ra mạnh mẽ và đạt được những kết quả tích cực. Đó là việc thực hiện phương châm đối ngoại mềm mỏng, khôn khéo như ngoại giao tâm công, kiên quyết đấu tranh để bảo vệ đất nước, đó là việc thực hiện phương châm “đi bất biến, ứng vạn biến” sau khi nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa được thành lập để giữ vững nền độc lập. Cho đến ngày hôm nay những giá trị lịch sử, văn hóa đó được Đảng tiếp tục phát huy với trường phái ngoại giao cây tre Việt Nam với đặc điểm “gốc vững, thân chắc, cành uyển chuyển”. Đó là những giá trị xuyên suốt trong lịch sử đối ngoại của dân tộc ta cần được duy trì, giữ vững bổ sung và thực hiện nhất quán trong bối cảnh hiện nay.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển không ngừng, đất nước ta đã có những bước chuyển mình mạnh mẽ. Việt Nam hiện là một nước có nền kinh tế phát triển, chính trị, xã hội ổn định, thực hiện mở cửa và tham gia tích cực vào các hoạt động chung trên toàn cầu. Với những nỗ lực đó, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được mở rộng, nâng cao, được thừa nhận rộng rãi. Do đó, công tác đối ngoại trong giai đoạn tới phải đi cùng với vị thế của đất nước. Trong các hoạt động của quốc tế hiện nay, Việt Nam không chỉ tham gia cho đủ mà phải từng bước thể hiện vai trò quan trọng, góp phần hình thành luật chơi, xây dựng hệ thống quy định quốc tế. Việt Nam nỗ lực gìn giữ

5. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Việt Nam

6. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2023, t.4, tr.147

7. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV Đảng Cộng sản Việt Nam.

(Xem tiếp trang 35)

VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT 79-NQ/TW NGÀY 6/1/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀO THỰC TIỄN PHÁT TRIỂN KINH TẾ NHÀ NƯỚC Ở QUẢNG NINH

ThS. PHẠM THỊ VÂN ANH

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, kinh tế Nhà nước luôn được khẳng định giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Trong bối cảnh đất nước bước vào kỷ nguyên mới với yêu cầu nâng cao năng lực tự chủ, sức cạnh tranh và khả năng thích ứng trước những biến động của kinh tế toàn cầu, việc tiếp tục khẳng định vị trí, vai trò và định hướng phát triển kinh tế của nước ta có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Sự ra đời của Nghị quyết số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị đã thể hiện sự nhất quán và bước phát triển mới trong nhận thức của Đảng về kinh tế Nhà nước, không chỉ nhấn mạnh vị trí, vai trò nền tảng, dẫn dắt của khu vực này mà còn đặt ra yêu cầu nâng cao hiệu quả, năng lực quản trị và khả năng cạnh tranh trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Đối với Quảng Ninh, một địa phương có vị trí chiến lược ở vùng Đông Bắc và là một trong những cực tăng trưởng quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, việc quán triệt và vận dụng tinh thần của Nghị quyết số 79-NQ/TW có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát huy hiệu quả các nguồn lực Nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng tăng trưởng của địa phương

Một số quan điểm của Đảng về phát triển kinh tế Nhà nước trong Nghị quyết số 79-NQ/TW

Một trong những nội dung cốt lõi, nghị quyết khẳng định vai trò nền tảng và chủ đạo, bảo đảm các cân đối lớn của kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế quốc dân, ổn định kinh tế vĩ mô, dẫn dắt và định hướng sự phát triển của các thành phần kinh tế khác. Điều này thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng trong việc phát huy vai trò của Nhà nước

trong quản lý và điều tiết nền kinh tế, đồng thời bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển.

Điểm mới trong tư duy của nghị quyết là việc tiếp cận kinh tế Nhà nước theo nghĩa rộng hơn. Theo đó, kinh tế Nhà nước không chỉ bao gồm hệ thống doanh nghiệp nhà nước mà còn bao hàm toàn bộ các nguồn lực kinh tế do Nhà nước nắm giữ và quản lý, như ngân sách Nhà nước, đầu tư công, tài nguyên quốc gia, đất đai và hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược¹. Cách tiếp cận này phản ánh nhận thức ngày càng đầy đủ hơn về vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời tạo cơ sở lý luận quan trọng để phát huy hiệu quả các nguồn lực công trong phát triển kinh tế.

Trong cấu trúc đó, doanh nghiệp Nhà nước được xác định là lực lượng nòng cốt, đóng vai trò dẫn dắt trong một số ngành và lĩnh vực then chốt của nền kinh tế như năng lượng, khai khoáng, hạ tầng và các ngành công nghiệp nền tảng. Không chỉ thực hiện chức năng sản xuất - kinh doanh, các doanh nghiệp Nhà nước còn đảm nhiệm những nhiệm vụ chiến lược như bảo đảm an ninh năng lượng, ổn định thị trường và dẫn dắt quá trình đổi mới công nghệ.

Như vậy, có thể thấy rằng Nghị quyết số 79-NQ/TW không chỉ khẳng định vai trò của kinh tế Nhà nước mà còn đặt ra yêu cầu đổi mới mạnh mẽ phương thức phát triển, bảo đảm khu vực kinh tế này thực sự trở thành lực lượng nòng cốt, góp phần thúc đẩy tăng trưởng nhanh và bền vững của nền kinh tế.

1. Nghị quyết số 79-NQ/TW, ngày 6/01/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế Nhà nước

Thực tiễn phát triển kinh tế nhà nước ở Quảng Ninh

Quán triệt các chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế Nhà nước, Quảng Ninh đã triển khai nhiều giải pháp nhằm phát huy hiệu quả các nguồn lực kinh tế thuộc sở hữu Nhà nước, qua đó góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trong những năm qua, Quảng Ninh được đánh giá là một trong những địa phương đi đầu cả nước trong việc huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực của Nhà nước để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, cảng biển và đô thị. Nguồn vốn đầu tư công và ngân sách Nhà nước đã đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược của tỉnh. Hệ thống các tuyến cao tốc kết nối vùng, cùng với các công trình giao thông trọng điểm, cảng biển và sân bay đã tạo ra nền tảng hạ tầng tương đối đồng bộ, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời nâng cao năng lực liên kết vùng và mở rộng không gian hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

Cùng với đó, các doanh nghiệp Nhà nước vẫn giữ vai trò quan trọng trong một số ngành kinh tế chủ lực của tỉnh, đặc biệt là lĩnh vực khai thác than, năng lượng và hạ tầng cảng biển. Các doanh nghiệp này không chỉ đóng góp lớn cho ngân sách Nhà nước mà còn tạo việc làm cho hàng vạn lao động, góp phần bảo đảm an sinh xã hội và ổn định kinh tế địa phương. Trước hết, lĩnh vực khai khoáng và năng lượng là thế mạnh nổi bật của khu vực doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn tỉnh. Hoạt động khai thác và sản xuất than chủ yếu do Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) và Tổng công ty Đông Bắc đảm nhiệm. Quảng Ninh hiện là địa bàn tập trung khoảng 90% trữ lượng than của cả nước, vì vậy ngành than giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong cơ cấu kinh tế địa phương cũng như trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Theo các báo cáo chính thức, riêng năm 2024, 2025 TKV nộp ngân sách Nhà nước hơn 25.500 tỷ đồng, trong đó gần 18.000 tỷ đồng nộp tại Quảng Ninh, đồng thời đóng góp khoảng 1/4

GRDP của tỉnh và tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động trên địa bàn².

Ngoài ra, các doanh nghiệp Nhà nước còn giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực năng lượng và hạ tầng kỹ thuật. Các nhà máy nhiệt điện thuộc EVN, TKV, góp phần quan trọng bảo đảm nguồn cung điện cho khu vực phía Bắc và cả nước. Cùng với đó, một số doanh nghiệp Nhà nước trong lĩnh vực cảng biển và logistics cũng tham gia khai thác hệ thống cảng biển quan trọng của tỉnh, hỗ trợ hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu và phát triển kinh tế biển.

Thực tiễn phát triển kinh tế cho thấy khu vực doanh nghiệp Nhà nước đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và nguồn thu ngân sách của tỉnh. Năm 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP của Quảng Ninh ước đạt 11,89% – mức cao nhất cả nước, trong khi tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt khoảng 82.235 nghìn tỷ đồng, mức cao kỷ lục từ trước đến nay³. Trong đó, thu nội địa tiếp tục là nguồn thu chủ yếu, đạt trên 64 nghìn tỷ đồng, phản ánh vai trò quan trọng của các ngành công nghiệp, năng lượng và doanh nghiệp lớn trong nền kinh tế địa phương.⁴

Đặc biệt, kinh tế Nhà nước còn thể hiện vai trò rõ nét trong việc đầu tư phát triển các khu vực khó khăn, vùng biên giới và hải đảo, góp phần thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng trong tỉnh, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh và chủ quyền quốc gia.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, khu vực kinh tế Nhà nước tại Quảng Ninh vẫn còn một số hạn chế. Hiệu quả hoạt động của một số doanh nghiệp Nhà nước chưa tương xứng với tiềm năng và nguồn lực được giao; năng lực cạnh tranh còn hạn chế; công tác quản trị doanh

2. Báo Quảng Ninh; Tạp chí Cộng sản, ngành Than và đóng góp của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đối với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh, 2024.

3. Báo Nhân Dân, Quảng Ninh đạt tốc độ tăng trưởng GRDP 11,89% và thu ngân sách hơn 82 nghìn tỷ đồng năm 2025.

4. Sở Tài chính tỉnh Quảng Ninh; Báo Kinh tế & Đô thị, Tổng thu ngân sách Quảng Ninh năm 2025 đạt trên 82-84 nghìn tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay.

ng nghiệp và quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp vẫn còn những bất cập. Bên cạnh đó, vai trò dẫn dắt và lan tỏa của khu vực kinh tế nhà nước đối với các thành phần kinh tế khác chưa thật sự rõ nét trong một số lĩnh vực.

Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn cho thấy việc tiếp tục quán triệt và vận dụng hiệu quả tinh thần của Nghị quyết số 79-NQ/TW là yêu cầu quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả của kinh tế Nhà nước, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững tại Quảng Ninh trong giai đoạn mới.

Một số giải pháp phát huy vai trò kinh tế Nhà nước ở Quảng Ninh trong thời gian tới

Trên cơ sở quán triệt tinh thần của Nghị quyết 79-NQ/TW, trong thời gian tới, Quảng Ninh cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm phát huy hiệu quả hơn vai trò của kinh tế Nhà nước trong phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh.

Trước hết, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế và chính sách quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo hướng minh bạch, hiện đại và phù hợp với các nguyên tắc của kinh tế thị trường, đồng thời đẩy mạnh quá trình cơ cấu lại doanh nghiệp Nhà nước, tập trung vào các lĩnh vực then chốt có ý nghĩa chiến lược đối với nền kinh tế.

Bên cạnh đó, cần phát huy mạnh mẽ vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp Nhà nước trong các ngành kinh tế nền tảng như khai khoáng,

năng lượng, hạ tầng và logistics, qua đó tạo hiệu ứng lan tỏa thúc đẩy sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân và thu hút đầu tư nước ngoài. Đồng thời, Quảng Ninh cần tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư công trong việc phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược, đặc biệt là hạ tầng giao thông liên vùng, hạ tầng logistics và hạ tầng số, qua đó mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của địa phương.

Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay các doanh nghiệp Nhà nước cần đi đầu trong đổi mới công nghệ, chuyển đổi số và phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và bảo đảm phát triển bền vững.

Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị đã thể hiện bước phát triển mới trong tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về vai trò của kinh tế Nhà nước trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đồng thời định hướng nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của khu vực tạo đà phát triển cho đất nước tiến vào kỷ nguyên mới. Việc quán triệt và vận dụng sáng tạo tinh thần của nghị quyết đối với Quảng Ninh có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc phát huy hiệu quả các nguồn lực Nhà nước, nâng cao chất lượng tăng trưởng và củng cố vai trò dẫn dắt của kinh tế Nhà nước thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững của tỉnh.

NHỮNG ĐIỂM MỚI...

hòa bình, ổn định và sự phát triển chung trên toàn thế giới. Đó chính là mục tiêu mà công tác đối ngoại cần phải hướng tới. Đối ngoại không chỉ là một lĩnh vực đơn thuần mà phải thể hiện được bản sắc, sự hòa nhập và khát khao vươn mình ra thế giới của đất nước, con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng là dấu mốc đưa dân tộc ta bước vào kỷ nguyên vươn mình. Với tầm vóc đó, quan điểm của Đảng về các lĩnh vực chủ đạo đều có những

(Tiếp theo trang 32)

sự bổ sung, bứt phá cho phù hợp. Hoạt động đối ngoại là lĩnh vực được Đảng ta đặc biệt coi trọng. Sau Nghị quyết số 59-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về hội nhập quốc tế trong tình hình mới”, những điểm mới về đối ngoại trong Đại hội XIV đã thể hiện vai trò, nhiệm vụ quan trọng của công tác đối ngoại hiện nay. Đối ngoại cần thể hiện sứ mệnh để từng bước đưa Việt Nam rút ngắn khoảng cách, hòa nhập nhanh chóng, sâu rộng phục vụ mục tiêu xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

XÂY DỰNG CHUẨN MỰC CON NGƯỜI QUẢNG NINH THỜI ĐẠI MỚI THEO TINH THẦN NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VIỆT NAM

ThS. HOÀNG THỊ THU HIỀN
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 07/01/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 80-NQ/TW). Đây là một dấu mốc quan trọng trong tư duy lý luận của Đảng, tiếp tục khẳng định sâu sắc hơn quan điểm: văn hóa không chỉ là nền tảng tinh thần của xã hội mà còn là nguồn lực nội sinh, là “hệ điều tiết mềm” định hướng và bảo đảm cho sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước trong giai đoạn mới. Trong nghị quyết này, xây dựng con người được đặt vào vị trí trung tâm, chiến lược, đồng thời đặt ra yêu cầu hình thành hệ giá trị con người Việt Nam với những phẩm chất cốt lõi, vừa kế thừa truyền thống dân tộc, vừa phù hợp với yêu cầu của thời đại.

Đối với Quảng Ninh – vùng đất địa đầu Tổ quốc, nơi hội tụ những giá trị đặc sắc của văn hóa biển đảo, văn hóa công nhân mỏ và văn hóa giao thoa, để tận dụng cơ hội phát triển từ chuyển đổi số, hội nhập quốc tế sâu rộng, đồng thời vượt qua những thách thức từ toàn cầu và nguy cơ phai nhạt bản sắc văn hóa, rất cần thiết phải có cách tiếp cận, hướng đi đúng đắn nhằm xây dựng con người Quảng Ninh với những chuẩn mực văn hóa vừa mang đậm bản sắc dân tộc, vừa hiện đại và hội nhập, vững bước trên con đường phát triển của kỷ nguyên mới.

Bản sắc con người Quảng Ninh trong sự thống nhất với hệ giá trị dân tộc

Trong tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, văn hóa luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, kết tinh thành hệ giá trị bền vững của dân tộc Việt Nam. Nghị quyết số 80-NQ/TW tiếp tục kế thừa và phát triển quan điểm đó, xác định hệ giá trị con người Việt Nam với các phẩm chất cốt lõi:

yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo.

Ở Quảng Ninh, những giá trị này được cụ thể hóa sinh động trong thực tiễn lịch sử và đời sống xã hội, hình thành nên hệ chuẩn mực con người mang đậm dấu ấn địa phương với các phẩm chất: *bản lĩnh, tự cường, kỷ cương, đoàn kết, nghĩa tình, hào sảng, sáng tạo, văn minh*. Sự tương đồng này không phải là ngẫu nhiên, mà phản ánh quy luật thống nhất giữa cái chung và cái riêng, giữa giá trị dân tộc và bản sắc địa phương.

Trước hết, tinh thần yêu nước và tự cường dân tộc được chuyển hóa thành bản lĩnh và ý chí vươn lên của con người vùng Mỏ. Trải qua quá trình khai phá, xây dựng và bảo vệ vùng đất biên cương, con người Quảng Ninh đã được tôi luyện trong điều kiện tự nhiên khắc nghiệt và môi trường lao động công nghiệp đặc thù. Chính điều đó tạo nên phẩm chất kiên cường, dám nghĩ, dám làm, dám đổi mới. Trong giai đoạn hiện nay, tinh thần ấy được thể hiện rõ nét trong việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ “nâu” sang “xanh”, từ khai thác tài nguyên sang phát triển bền vững – một minh chứng sinh động cho việc biến lòng yêu nước thành hành động phát triển cụ thể.

Thứ hai, giá trị kỷ cương và trách nhiệm trong hệ giá trị quốc gia được hiện thân rõ nét trong truyền thống “Kỷ luật và Đồng tâm” – một di sản tinh thần đặc sắc của Quảng Ninh. Từ khẩu hiệu của công nhân mỏ, “Kỷ luật và Đồng tâm” đã trở thành phương châm hành động, là chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội. Đây chính là nền tảng để Quảng Ninh trở thành địa phương đi đầu trong cải cách hành chính, xây dựng chính

quyền kiến tạo, phục vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.

Thứ ba, các giá trị đoàn kết, nghĩa tình trong Nghị quyết số 80-NQ/TW có sự tương ứng sâu sắc với phẩm chất hào sảng và văn minh của con người Quảng Ninh. Là vùng đất hội tụ nhiều dân tộc, nhiều luồng văn hóa, Quảng Ninh hình thành nên một cộng đồng cởi mở, bao dung, giàu tính nhân văn. Tính “hào sảng” không chỉ thể hiện trong giao tiếp mà còn phản ánh tinh thần chia sẻ, tương trợ trong cộng đồng. Điều này góp phần xây dựng hình ảnh con người Quảng Ninh thân thiện, văn minh – một yếu tố quan trọng trong phát triển du lịch và hội nhập quốc tế.

Đặc biệt, trong bối cảnh chuyển đổi số và kinh tế tri thức, hai giá trị trung thực và sáng tạo có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Trung thực là nền tảng của niềm tin xã hội, là điều kiện bảo đảm cho sự minh bạch trong quản trị và phát triển. Sáng tạo là động lực then chốt để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh. Hai giá trị này có mối quan hệ biện chứng chặt chẽ: thiếu trung thực, sáng tạo có thể bị biến dạng thành trục lợi; thiếu sáng tạo, trung thực dễ rơi vào trì trệ, bảo thủ. Do đó, việc kết hợp hài hòa hai yếu tố này là yêu cầu tất yếu trong xây dựng con người Quảng Ninh thời đại mới.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, chuẩn mực con người Quảng Ninh không tách rời mà nằm trong sự thống nhất hữu cơ với hệ giá trị con người Việt Nam. Đây chính là cơ sở lý luận và thực tiễn quan trọng để định hướng xây dựng con người Quảng Ninh trong giai đoạn phát triển mới.

Giải pháp hiện thực hóa chuẩn mực con người Quảng Ninh theo tinh thần Nghị quyết 80

Để xây dựng con người Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững, cần triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó tập trung vào các nhóm giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, phát triển toàn diện con người thông qua giáo dục và xây dựng môi trường văn hóa

Giáo dục giữ vai trò nền tảng trong hình thành nhân cách và hệ giá trị con người. Do đó, cần xây dựng một hệ sinh thái giáo dục – văn hóa lành mạnh, trong đó có sự gắn kết chặt chẽ giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Trong nhà trường, cần tích hợp các chuẩn mực con người Quảng Ninh vào chương trình giáo dục một cách linh hoạt, gắn với thực tiễn địa phương; chú trọng giáo dục lịch sử, văn hóa vùng Mỏ nhằm bồi đắp lòng tự hào và ý thức trách nhiệm cho thế hệ trẻ.

Trong gia đình, cần phát huy vai trò là “tế bào” của xã hội trong việc hình thành nhân cách, xây dựng nếp sống văn hóa, giáo dục con em về các giá trị đạo đức, lối sống.

Trong cộng đồng, cần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, tạo điều kiện để các giá trị tốt đẹp được lan tỏa, đồng thời kịp thời phát hiện, uốn nắn những biểu hiện lệch chuẩn.

Thứ hai, phát huy vai trò nêu gương và chuẩn hóa đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp

Nêu gương là một trong những phương thức giáo dục hiệu quả nhất. Do đó, cần đưa các chuẩn mực con người Quảng Ninh vào hệ tiêu chí đánh giá cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý phải thực sự là những người tiên phong trong thực hành các giá trị về liêm chính, trách nhiệm, kỷ cương và sáng tạo.

Đối với đội ngũ doanh nhân, cần xây dựng văn hóa kinh doanh lành mạnh, gắn phát triển kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường; khuyến khích các mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

Đồng thời, cần có cơ chế tôn vinh, khen thưởng kịp thời các cá nhân tiêu biểu, qua đó biến các chuẩn mực thành động lực tự thân trong mỗi con người.

Thứ ba, xây dựng và quản lý hiệu quả môi trường văn hóa, đặc biệt trên không gian mạng

Trong bối cảnh chuyển đổi số, không gian mạng trở thành một bộ phận quan trọng của đời sống xã hội. Do đó, cần xây dựng và thực thi các quy tắc ứng xử văn minh trên môi trường

số; nâng cao năng lực số và khả năng “miễn dịch thông tin” cho người dân, nhất là thanh thiếu niên.

Cùng với đó, cần phát huy vai trò của cộng đồng trong giám sát xã hội, đưa các chuẩn mực văn hóa vào hương ước, quy ước ở cơ sở; tạo sức mạnh tổng hợp trong việc xây dựng nếp sống văn minh, kỷ cương.

Thứ tư, hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm bảo vệ và phát huy giá trị văn hóa

Cần xây dựng các cơ chế, chính sách phù hợp nhằm bảo vệ bản sắc văn hóa trước những tác động tiêu cực của hội nhập; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để phát huy tiềm năng sáng tạo của con người.

Đặc biệt, cần có chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc thuận lợi, chế độ đãi ngộ phù hợp để đội ngũ trí thức,

chuyên gia, nghệ sĩ yên tâm cống hiến cho sự phát triển của tỉnh.

Xây dựng chuẩn mực con người Quảng Ninh thời đại mới theo tinh thần Nghị quyết 80-NQ/TW là một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, lâu dài. Đây không chỉ là quá trình hoàn thiện nhân cách cá nhân, mà còn là quá trình xây dựng “thể trận văn hóa” vững chắc, tạo nền tảng tinh thần và động lực nội sinh cho sự phát triển của tỉnh. Khi các giá trị văn hóa thấm sâu vào đời sống xã hội, trở thành chuẩn mực hành vi của mỗi cá nhân, khi mỗi người dân Quảng Ninh vừa giữ gìn bản sắc, vừa chủ động sáng tạo trong kỷ nguyên số, thì văn hóa sẽ thực sự trở thành “nguồn lực mềm” quan trọng, góp phần đưa Quảng Ninh phát triển nhanh, bền vững, trở thành một cực tăng trưởng năng động của khu vực phía Bắc và cả nước.

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VẬN DỤNG NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV VÀO GIẢNG DẠY TẠI KHOA XÂY DỰNG ĐẢNG

ThS. NGUYỄN THỊ NHỊ

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV là văn kiện chính trị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, định hướng toàn diện cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Đây không chỉ là kim chỉ nam cho hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân mà còn là nền tảng tư tưởng, cơ sở lý luận và thực tiễn để các giảng viên giảng dạy lý luận chính trị cập nhật, bổ sung và hoàn thiện nội dung giảng dạy, góp phần đưa nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống.

1. Những kết quả bước đầu

Khoa Xây dựng Đảng hiện có 10 giảng viên, đảm nhận giảng dạy 05/13 học phần trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị. Xuất phát từ mục tiêu, yêu cầu, phạm vi nội dung các

học phần khoa đảm nhiệm, ngay sau khi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV được ban hành, đội ngũ giảng viên khoa Xây dựng Đảng đã chủ động nghiên cứu, lựa chọn những nội dung phù hợp vận dụng vào giảng dạy và tạo sự chuyển biến cả về nội dung và phương pháp.

Về nội dung, hầu hết các giáo án, kế hoạch bài giảng của khoa đã được rà soát, chỉnh sửa và bổ sung những nội dung cốt lõi của nghị quyết, bảo đảm phù hợp với từng bài giảng và từng đối tượng học viên, tránh tình trạng dàn trải hoặc áp dụng máy móc. Nhờ đó, nội dung các bài giảng đã được kịp thời cập nhật những vấn đề lý luận, quan điểm, định hướng mới nhất của Đảng, gắn giảng dạy lý luận với quán triệt, triển khai Nghị quyết Đại hội.

Việc vận dụng Nghị quyết vào các bài giảng đã được triển khai với nhiều phương pháp phong phú, đa dạng, chú trọng các phương pháp dạy – học tích cực như hỏi – đáp, thảo luận nhóm, sàng lọc, trắc nghiệm, xử lý tình huống, nêu ý kiến ghi lên bảng... Qua đó, góp phần làm bài giảng thêm sinh động, hấp dẫn; thay đổi không khí lớp học theo hướng cởi mở, dân chủ và tương tác hơn, tạo sự chú ý và hứng thú cho học viên; đồng thời khắc phục hiệu quả tình trạng truyền đạt một chiều, áp đặt trước đây.

Tuy đã đạt được những kết quả nhất định, tạo sự chuyển biến tích cực trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy, song việc vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV vào giảng dạy tại khoa Xây dựng Đảng vẫn còn một số hạn chế nhất định như: chưa tạo được sự thống nhất, đồng bộ trong cán bộ, giảng viên của khoa; một số giảng viên khi vận dụng nghị quyết vào bài giảng mới dừng lại ở mức độ giới thiệu đơn thuần hoặc liệt kê các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ đã được nêu trong nghị quyết, mà chưa đi sâu phân tích những điểm mới, điểm trọng tâm; phương pháp giảng dạy ở một số lớp còn nặng về truyền đạt kiến thức, thiếu sự trao đổi, thảo luận, phân tích tình huống cụ thể...

2. Một số đề xuất nhằm nâng cao chất lượng vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV vào giảng dạy tại khoa Xây dựng Đảng

Nhằm không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận chính trị theo hướng “hệ thống, khoa học, cập nhật, thực tiễn”, gắn giảng dạy lý luận với giải quyết các vấn đề thực tiễn trong công tác quán triệt, triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đảng tại các địa phương, đơn vị, tác giả xin đề xuất một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, mỗi giảng viên cần phát huy tính tích cực, chủ động trong việc nghiên cứu, nắm vững những nội dung cơ bản, cốt lõi trong Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV

Mỗi giảng viên cần xác định rõ việc nghiên cứu và vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV vừa là yêu cầu chuyên môn, vừa là nhiệm vụ chính trị quan trọng. Trên cơ sở nhận thức sâu

sắc đó, đội ngũ giảng viên luôn chủ động dành thời gian, công sức và trí tuệ để nghiên cứu nội dung nghị quyết một cách nghiêm túc, bài bản và có hệ thống.

Quá trình nghiên cứu không chỉ dừng ở việc nắm bắt những nội dung cơ bản của nghị quyết, mà còn tập trung làm rõ bối cảnh, quá trình hình thành, phát triển các quan điểm, nhận định, đánh giá của Đại hội về các vấn đề xây dựng, phát triển đất nước; ý nghĩa về lý luận và thực tiễn của những quan điểm, định hướng của nghị quyết. Quá trình nghiên cứu cần phải khái quát, tổng hợp, phân tích các nội dung cốt lõi, những điểm mới, điểm nhấn quan trọng của nghị quyết so với các nhiệm kỳ trước; làm rõ ý nghĩa lý luận và giá trị thực tiễn của từng nội dung, đặc biệt chú trọng liên hệ với tình hình thực tiễn ở địa phương, cơ quan, đơn vị.

Quá trình nghiên cứu được triển khai thông qua nhiều hình thức phong phú như tham gia các hội nghị học tập, quán triệt nghị quyết do các cấp tổ chức; nghiên cứu văn kiện chính thức của Đại hội, các tài liệu hướng dẫn, tài liệu chuyên khảo, các công trình nghiên cứu liên quan; phương tiện thông tin đại chúng chính thống như báo, đài, phát thanh, truyền hình...

Hai là, mỗi giảng viên khi lựa chọn nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV để lồng ghép, tích hợp vào bài giảng cần hướng đến thực hiện các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng, tư tưởng mà bài giảng đã xác định

Mỗi bài giảng trong chương trình Trung cấp lý luận chính trị đều hướng tới mục tiêu trang bị, nâng cao nhận thức, hình thành kỹ năng, thống nhất về tư tưởng về một số lĩnh vực, khía cạnh cụ thể. Vì vậy, trong quá trình giảng dạy, giảng viên không nên đưa quá nhiều nội dung mang tính dàn trải, lắp ghép cơ học, mà cần có sự chọn lọc kỹ lưỡng, bám sát mục tiêu, nội dung của bài giảng.

Chẳng hạn, đối với bài “Xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam”, giảng viên tập trung phân tích và làm rõ những quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ mới mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV đề ra về phát triển văn hóa ngang tầm với kinh tế, chính trị, xã hội; xây dựng

con người Việt Nam phát triển toàn diện; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số. Đối với bài “Những thành tựu của cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay”, giảng viên chủ động tích hợp các nội dung tổng kết thực tiễn được nêu trong nghị quyết, đặc biệt là những thành tựu nổi bật của đất nước sau 40 năm đổi mới và kết quả đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua. Qua đó, bài giảng không chỉ dừng lại ở việc tái hiện tiến trình lịch sử, mà còn giúp học viên hiểu sâu hơn giá trị, ý nghĩa của các thành tựu trong bối cảnh phát triển mới, đồng thời nhận thức rõ hơn những yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra cho giai đoạn tiếp theo.

Ba là, chú trọng đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực, kết hợp sử dụng phương tiện giảng dạy hiện đại nhằm nâng cao chất lượng vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV vào bài giảng

Việc vận dụng nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV vào bài giảng chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được triển khai thông qua các phương pháp giảng dạy phù hợp, linh hoạt. Vì vậy, căn cứ vào nội dung cụ thể của từng bài giảng và đặc điểm đối tượng học viên, giảng viên lựa chọn các phương pháp như hỏi – đáp, thảo luận nhóm, xử lý tình huống, sàng lọc, nêu ý kiến ghi lên bảng. Bên cạnh đó, việc ứng dụng các phương tiện dạy học hiện đại cũng được chú trọng như sử dụng hình ảnh trực quan, số liệu cập nhật, biểu đồ minh họa, đoạn phim tư liệu...

Ví dụ đối với bài “Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”, giảng viên có thể tổ chức cho học viên làm bài tập sàng lọc, yêu cầu lựa chọn các giải pháp cơ bản phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV. Đối với bài “Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam” nên kết hợp trình chiếu phim tư liệu về 40 năm đổi mới đất nước, phản ánh những thành tựu nổi bật trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, an ninh quốc phòng, đối ngoại... đã tạo ấn tượng trực quan, giúp học viên nhận thức sâu sắc hơn

về chặng đường phát triển của đất nước cũng như ý nghĩa của những thành tựu được tổng kết trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV.

Bốn là, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn trong đội ngũ giảng viên

Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, đội ngũ giảng viên cần phải chủ động, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học như viết bài hội thảo khoa học, tọa đàm, biên soạn tài liệu giảng dạy, viết bài đăng trên các tạp chí, ấn phẩm như ISSN, *Việt Nam thịnh vượng*, *Thông tin Lý luận và thực tiễn*, *Báo Quảng Ninh điện tử*, *Cổng thông tin điện tử Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ...* Thông qua quá trình nghiên cứu, giảng viên không chỉ củng cố, mở rộng tri thức lý luận mà còn có điều kiện phát hiện những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn để bổ sung, cập nhật vào nội dung bài giảng, bảo đảm tính thời sự và chiều sâu khoa học. Tích cực, chủ động tham mưu, đề xuất với Ban Giám hiệu tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm khoa học, các đề tài nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn nhằm làm sâu sắc thêm cơ sở lý luận, thực tiễn, đặc biệt là ý nghĩa của các quan điểm, đường lối nêu trong văn kiện Đại hội đối với sự phát triển của đất nước, địa phương. Từ đó, góp phần thực hiện tốt phương châm “lý luận gắn với thực tiễn” trong đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

Năm là, các khoa, phòng cần chủ động, tích cực tham mưu với Đảng ủy, Ban Giám hiệu kịp thời, thường xuyên có chỉ đạo, hướng dẫn, tạo sự thống nhất, đồng bộ, đưa việc vận dụng các nghị quyết của Đảng vào giảng dạy trở thành hoạt động thường xuyên, có chất lượng và là một nguyên tắc, phương châm trong giảng dạy lý luận chính trị.

Vận dụng Nghị quyết Đại hội Đảng vào giảng dạy là một nhiệm vụ quan trọng và cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Khi nghị quyết được vận dụng một cách khoa học, linh hoạt, sáng tạo và phù hợp, bài giảng sẽ trở nên sinh động, thiết thực hơn, qua đó góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy lý luận chính trị và đưa nghị quyết nhanh chóng đi vào cuộc sống.

PHẢN BÁC CÁC LUẬN ĐIỀU SAI TRÁI VỀ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031

ThS. TÔ THỊ THANH LÊ

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp là sự kiện chính trị - pháp lý đặc biệt quan trọng, thể hiện quyền làm chủ của Nhân dân trong việc thiết lập bộ máy quyền lực Nhà nước. Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam năm 2013 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), công dân đủ điều kiện đều có quyền bầu cử, ứng cử; việc bầu cử được tiến hành theo nguyên tắc phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

Tuy nhiên, trước mỗi kỳ bầu cử, các thế lực thù địch và phần tử cơ hội chính trị lại gia tăng hoạt động xuyên tạc, phủ nhận tính dân chủ của quy trình bầu cử ở Việt Nam. Các luận điệu như “không có cạnh tranh thực chất”, “được sắp đặt trước” thực chất là sự áp đặt mô hình dân chủ đa đảng phương Tây lên điều kiện chính trị - xã hội Việt Nam, đồng thời cố tình phủ nhận đặc trưng của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Việc nhận diện và phản bác các quan điểm sai trái này có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn, góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, bảo vệ tính hợp hiến, hợp pháp và chính danh của thiết chế quyền lực Nhà nước ở Việt Nam.

1. Cơ sở lý luận và pháp lý khẳng định tính dân chủ của chế độ bầu cử ở Việt Nam

Bản chất dân chủ của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam luôn được khẳng định ngay từ cơ sở lý luận hình thành nên các chế định về bầu cử. Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khẳng định quyền lực Nhà nước thuộc về Nhân dân; Nhân dân thực hiện quyền lực thông qua

Quốc hội, HĐND và các hình thức dân chủ trực tiếp. Nguyên lý này xác lập rằng quyền lực Nhà nước là sự ủy quyền chính trị của Nhân dân thông qua cơ chế bầu cử hợp hiến.

Trong mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN, tính chính danh của quyền lực không bắt nguồn từ đối kháng đảng phái, mà từ sự đồng thuận xã hội được tổ chức và thể chế hóa. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được Hiến pháp ghi nhận; song điều đó không đồng nghĩa với việc triệt tiêu quyền lựa chọn của cử tri. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, đường lối và thông qua đội ngũ đảng viên gương mẫu tham gia ứng cử, chịu sự đánh giá và sàng lọc thông qua lá phiếu của Nhân dân.

Cần phân biệt giữa “đa nguyên chính trị” và “đa dạng đại diện xã hội”. Việt Nam không vận hành theo cơ chế cạnh tranh đa đảng, nhưng cơ cấu đại biểu luôn bảo đảm sự tham gia của nhiều thành phần: đại biểu ngoài Đảng, người dân tộc thiểu số, tôn giáo, trí thức, doanh nhân, công nhân, nông dân... Chính sự đa dạng đại diện đó phản ánh tính bao trùm xã hội của thiết chế dân chủ.

Việc coi “đa đảng đối lập” là tiêu chí duy nhất của dân chủ là cách tiếp cận phi lịch sử, thiếu cơ sở so sánh thể chế. Mỗi quốc gia có mô hình dân chủ phù hợp với điều kiện lịch sử, văn hóa và cấu trúc xã hội của mình. Do đó, việc quy kết bầu cử ở Việt Nam “không có cạnh tranh thực chất” chỉ vì không tồn tại cạnh tranh đảng phái là sự đánh tráo khái niệm, đồng nhất cạnh tranh chính trị với đối kháng chính trị.

Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND quy định cụ thể về tiêu chuẩn đại biểu,

quyền ứng cử - bầu cử, quy trình hiệp thương, lập danh sách cử tri, bỏ phiếu, kiểm phiếu và công bố kết quả. Đây là thiết kế pháp lý bảo đảm đồng thời tính dân chủ, minh bạch và ổn định chính trị.

Cơ chế hiệp thương do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì thường bị xuyên tạc là “sắp đặt”. Thực chất, hiệp thương là phương thức tổ chức sự tham gia xã hội vào quá trình lựa chọn ứng cử viên, nhằm bảo đảm cơ cấu đại diện hợp lý và cân bằng lợi ích xã hội. Ba vòng hiệp thương là quá trình thẩm định đa chiều dựa trên tiêu chuẩn luật định, ý kiến cử tri nơi cư trú và nơi công tác, cùng sự giám sát của các tổ chức chính trị - xã hội.

Dưới góc độ lý thuyết thể chế, hiệp thương là cơ chế “tiền kiểm chính trị”, bảo đảm người ứng cử đáp ứng yêu cầu về phẩm chất và năng lực, phòng ngừa rủi ro cực đoan hóa chính trị, vận động tranh cử bằng nguồn lực tài chính bất minh. Như vậy, quy trình bầu cử ở Việt Nam là một cấu trúc pháp lý hoàn chỉnh; tính chính danh của đại biểu được xác lập bằng tỷ lệ tín nhiệm thực tế thông qua phiếu bầu hợp lệ của cử tri.

2. Bác bỏ luận điệu cho rằng bầu cử ở Việt Nam “không có cạnh tranh thực chất”

Trong khoa học chính trị, cạnh tranh được hiểu là sự tồn tại của lựa chọn và khả năng thay thế dựa trên quyết định của cử tri. Ở Việt Nam, dù không có đa đảng đối lập vẫn tồn tại cạnh tranh giữa các cá nhân ứng cử viên về năng lực, uy tín và chương trình hành động.

Theo luật định, số lượng người ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu; ứng cử viên phải đạt trên 50% số phiếu hợp lệ mới trúng cử; nếu không đủ tỷ lệ thì tổ chức bầu cử thêm. Đây là “ngưỡng dân chủ” bảo đảm việc trúng cử phụ thuộc vào ý chí thực tế của cử tri.

Thực tiễn cho thấy có những ứng cử viên không trúng cử dù đã qua hiệp thương; thậm chí có địa phương phải tổ chức bầu cử bổ sung do không đủ số lượng đại biểu. Những dữ kiện này bác bỏ luận điểm cho rằng kết quả đã “được ấn định”. Nếu tồn tại cơ chế “sắp đặt trước”, sẽ

không có hiện tượng ứng cử viên bị loại bởi lá phiếu cử tri hoặc phải tổ chức bầu cử thêm. Luận của các thế lực thù địch mắc lỗi suy diễn tắt định khi đồng nhất vai trò lãnh đạo của Đảng với việc triệt tiêu lựa chọn của cử tri. Do đó có thể khẳng định luận điệu “không có cạnh tranh thực chất” của các thế lực thù địch là lối suy diễn vô căn cứ, phản khoa học, phi thực tiễn.

3. Bác bỏ luận điệu cho rằng danh sách đại biểu trúng cử “đã được sắp đặt trước”

Luận điệu cho rằng bầu cử ở Việt Nam “được sắp đặt trước” thực chất là một cáo buộc có tính khẳng định nhưng lại *không đi kèm nghĩa vụ chứng minh*. Trong tranh luận khoa học cũng như trong lập luận pháp lý, mọi khẳng định về gian lận bầu cử phải được đặt trên nền tảng chứng cứ cụ thể: hoặc có hành vi thao túng quy trình, hoặc có bằng chứng làm sai lệch kết quả kiểm phiếu. Nếu không đáp ứng được tiêu chuẩn chứng minh đó, mọi suy đoán đều chỉ là giả định chủ quan, không có giá trị khoa học.

Về phương diện pháp lý, quy trình bầu cử ở Việt Nam được thiết kế theo logic kiểm soát chặt chẽ từng khâu. Nguyên tắc bỏ phiếu kín bảo đảm tính độc lập của ý chí cử tri; kiểm phiếu được tiến hành công khai tại khu vực bỏ phiếu với sự chứng kiến của đại diện cử tri; kết quả kiểm phiếu được lập biên bản, có chữ ký xác nhận và được niêm phong theo quy định. Việc công bố kết quả phải trải qua nhiều cấp xác nhận, đồng thời có cơ chế tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến bầu cử. Cấu trúc này hình thành một chuỗi kiểm soát liên hoàn đối với phiếu bầu và dữ liệu kiểm phiếu, giảm thiểu tối đa khả năng can thiệp tùy tiện.

Thực tiễn các kỳ bầu cử cho thấy không phải mọi ứng cử viên được giới thiệu đều trúng cử; có trường hợp phải tổ chức bầu cử thêm. Những tình huống này phản ánh tính mở và phụ thuộc vào kết quả thực tế của lá phiếu cử tri. Nếu tồn tại một cơ chế “ấn định trước”, sẽ không có chỗ cho các biến số như vậy. Chính sự tồn tại của khả năng không trúng cử, dù đã qua hiệp thương, là minh chứng thực tiễn bác bỏ luận điểm “đã được sắp đặt”.

Mặt khác, tỷ lệ cử tri tham gia bầu cử ở mức cao và ổn định qua nhiều nhiệm kỳ là chỉ báo xã hội quan trọng về mức độ tin cậy của các tầng lớp Nhân dân đối với quy trình bầu cử. Trong phân tích tính chính danh theo nghĩa xã hội học, sự tham gia tự giác và rộng rãi của công dân là yếu tố phản ánh sự công nhận của cộng đồng đối với thiết chế quyền lực. Nếu bầu cử thực sự chỉ là “sắp đặt”, khó có thể duy trì mức độ tham gia bền vững và ổn định trong thời gian dài.

Bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 thể hiện sự tập trung quyền lực của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam. Các luận điệu “không có cạnh tranh thực chất” “được sắp đặt trước” là sự quy kết thiếu chứng cứ, dựa trên thao tác gieo rắc hoài nghi hơn là lập luận có căn cứ. Khi quy trình được luật hóa chặt chẽ, có

giám sát đa tầng và được kiểm nghiệm qua thực tiễn với sự tham gia rộng rãi của Nhân dân, thì tính chính danh của cuộc bầu cử được bảo đảm không chỉ trên phương diện pháp lý mà còn trên phương diện xã hội. Đó là nền tảng vững chắc để bác bỏ mọi cáo buộc mang tính suy diễn, bảo vệ sự trong sáng và nghiêm minh của công tác bầu cử.

Trong bối cảnh hội nhập và chuyển đổi số, yêu cầu đặt ra là tiếp tục hoàn thiện thể chế bầu cử theo hướng minh bạch, hiện đại; tăng cường truyền thông chính thống; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội. Qua đó khẳng định một cách thuyết phục rằng dân chủ ở Việt Nam không phải là khẩu hiệu hình thức, mà là giá trị được thể chế hóa và vận hành thực chất trong đời sống chính trị - pháp lý của đất nước./.

XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - BƯỚC ĐỘT PHÁ VỀ TƯ DUY TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG

ThS. ĐẶNG THỊ KIỀU LIÊN

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Quan điểm của Đảng về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) đã được thể hiện trong Văn kiện Đại hội XIV, với nhiều sự đổi mới và phát triển rõ rệt hơn so với các kỳ đại hội trước đây. Điều này không chỉ thể hiện sự đột phá trong tư duy lý luận của Đảng mà còn khẳng định quyết tâm mạnh mẽ trong việc đảm bảo quyền lực thuộc về Nhân dân, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế XHCN và xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

1. Tư duy đổi mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng

Một là, Văn kiện Đại hội XIV đã ghi nhận một bước tiến quan trọng trong tư duy lý luận của

Đảng khi khẳng định rõ hơn mối quan hệ chặt chẽ giữa việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN với xây dựng nền dân chủ XHCN thực chất nhằm đảm bảo mọi quyền lực Nhà nước đều thuộc về Nhân dân.

Pháp luật trong hệ thống Nhà nước pháp quyền XHCN được xem là ý chí và nguyện vọng của Nhân dân đã được luật hóa. Về mặt nội dung, pháp luật ở đây mang bản chất dân chủ, thể hiện rõ đó là pháp luật vì Nhân dân, do Nhân dân, xây dựng và phục vụ lợi ích của Nhân dân. Pháp luật ấy không chỉ đóng vai trò như một công cụ giúp người dân giám sát hoạt động của bộ máy Nhà nước mà còn thúc đẩy khát vọng phát triển đất nước trong bối cảnh toàn cầu hóa cùng với quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc. Hơn thế nữa, việc

thực thi quyền làm chủ của Nhân dân cần phải được tiếp cận một cách toàn diện, không chỉ ở lĩnh vực chính trị - tư tưởng, mà còn phải được cụ thể hóa bằng các quy định rõ ràng thông qua những thiết chế dân chủ minh bạch có khả năng kiểm soát chặt chẽ hoạt động quản lý Nhà nước.

Hai là, tư duy mới về mô hình quản trị quốc gia hiện đại gắn với chuyển đổi số, nhằm bảo đảm sự vận hành đồng bộ và thông suốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ phát triển đất nước nhanh chóng và bền vững.

Một điểm rất mới tại Văn kiện Đại hội XIV của Đảng là vấn đề xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong mối quan hệ mật thiết với quá trình chuyển đổi số, cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng. Mô hình quản trị quốc gia hiện đại hướng tới mục tiêu minh bạch hóa, đem lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp. Điều này thể hiện rõ tư duy mới về phương thức quản trị hiện đại dựa trên nền tảng dữ liệu số, công khai - minh bạch hóa mọi hoạt động của Nhà nước, tăng cường năng lực thực thi luật pháp và dịch vụ công cho Nhân dân trên không gian số; đồng thời cũng bảo đảm an ninh mạng và bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc.

Ba là, sự đổi mới trong cơ chế quản lý, phân cấp, phân quyền một cách thực chất cùng với trách nhiệm giải trình của các cơ quan chính quyền địa phương.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng nhấn mạnh “đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo hướng tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương” nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo cũng như trách nhiệm từ các cấp chính quyền địa phương; đồng thời nâng cao hiệu lực và hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước. Đây là sự tiến bộ trong tư duy về quản trị công hiện đại, mang tính thống nhất, linh hoạt và hiệu quả, hướng tới mô hình Nhà nước kiến tạo phát triển. Nhà nước không làm thay mà tạo điều kiện thuận lợi để các cấp chính quyền địa phương có thể khai thác tối đa nguồn lực sẵn có.

Bốn là, khẳng định và nâng cao vai trò của ngành tư pháp trong việc bảo vệ công lý, quyền con người cũng như quyền công dân trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Sự bổ sung các yêu cầu về tối ưu hóa hệ thống hỗ trợ tư pháp, trợ giúp pháp lý, đặc biệt là việc “nâng cao hiệu quả các cơ chế giải quyết tranh chấp ngoài tòa án”, nhằm tạo điều kiện cho người dân tiếp cận công lý thuận lợi hơn. Việc bảo vệ công lý và quyền con người là “thước đo” lòng tin, là chuẩn mực đánh giá năng lực cầm quyền đã minh chứng cho một tầm nhìn chính trị bản lĩnh, khẳng định nỗ lực của Việt Nam trong việc hài hòa hóa các giá trị phổ quát của nhân loại vào đặc thù thể chế chính trị XHCN. Đây chính là biểu hiện rõ nét nhất của một Nhà nước pháp quyền thực chất – một Nhà nước vì sự phát triển toàn diện của mỗi cá nhân.

Có thể khẳng định, những điểm mới trong Văn kiện lần này đã tạo ra một “xung lực mới” cho công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN. Không dừng lại ở những định hướng mang tính nguyên tắc, các điểm mới này đã bám sát thực tiễn trong kỷ nguyên vươn mình, tạo dựng nền tảng pháp lý vững chắc để giải phóng mọi nguồn lực trong xã hội. Đây là minh chứng rõ nét cho sự chuyển mình từ một Nhà nước quản lý sang một Nhà nước kiến tạo, thực sự lấy hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo của mọi hành động.

2. Yêu cầu đặt ra đối với công tác giảng dạy của Khoa Nhà nước và pháp luật, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ

Khoa Nhà nước và pháp luật giữ vai trò trung tâm trong việc giảng dạy các bài học có liên quan đến nội dung Nhà nước pháp quyền XHCN. Đây là nhóm nội dung tạo nền tảng tư duy chính trị - pháp luật, giúp học viên hiểu được vị trí, vai trò, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhận thức rõ vai trò của pháp luật trong quản trị quốc gia hiện đại. Chính vì

vậy, việc *chủ động chuyển hóa* các điểm mới về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN trong Văn kiện Đại hội XIV của Đảng vào giảng dạy không chỉ là yêu cầu chuyên môn mà còn là nhiệm vụ chính trị cấp thiết đối với Khoa Nhà nước và pháp luật.

Trước hết, việc lồng ghép những điểm mới về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN là quá trình hình thành tư duy pháp luật, tư duy đổi mới, giúp cán bộ, công chức, viên chức nâng cao năng lực thực thi công vụ trong kỷ nguyên mới. Muốn vậy các giảng viên trong Khoa cần hiểu đúng, hiểu sâu về tổ chức bộ máy Nhà nước, quyền lực Nhà nước, mối quan hệ giữa trung ương và địa phương, nguyên tắc phân cấp, phân quyền, về quản trị quốc gia hiện đại gắn với chuyển đổi số..., thường xuyên cập nhật, bổ sung tài liệu giảng dạy.

Hai là, trong nội dung giảng dạy cần làm rõ bản chất, mục tiêu và động lực phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới; giúp học viên nhận thức đầy đủ mối quan hệ biện chứng giữa dân chủ và pháp quyền, giữa quyền lực Nhà nước và quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường làm rõ vai trò của tư pháp trong bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân; hình thành cho học viên nhận thức đúng đắn về pháp luật, công lý và trách nhiệm công vụ; chú trọng các vấn đề quản trị quốc gia hiện đại, cải cách hành chính, chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số; qua đó nâng cao năng lực thích ứng, tư duy đổi mới và kỹ năng quản lý của đội ngũ cán bộ cơ sở; giảng dạy nội dung phân cấp, phân quyền gắn chặt với thực tiễn hoạt động của chính quyền địa phương, làm rõ trách nhiệm giải trình, quản lý nguồn lực công và yêu cầu phục vụ Nhân dân trong tình hình mới.

Ba là, một trong những bất cập hiện nay là nội dung giáo trình không cập nhật kịp thời sự thay đổi của hệ thống pháp luật, tổ chức bộ máy hành chính. Giáo trình Trung cấp lý luận chính trị được ban hành từ năm 2021, thực hiện quy định mô hình chính quyền ba cấp tại địa phương, không có nội dung riêng

đối với chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn, tổ chức bộ máy sau sáp nhập. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật như: Hiến pháp, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Cán bộ, công chức, Luật Tổ chức chính phủ... đều đã có sự thay đổi để phù hợp với thực tiễn chính quyền địa phương hai cấp. Chính vì vậy, đòi hỏi đội ngũ giảng viên Khoa Nhà nước và pháp luật phải linh hoạt vừa giảng dạy, vừa cập nhật, tìm hiểu, khả năng tổng hợp cả lý luận và thực tiễn, thực trạng cải cách ở chính quyền địa phương.

Bốn là, giảng viên cần đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích hợp, sử dụng các phương pháp như nghiên cứu tình huống, diễn đàn mở, khích lệ tính chủ động của học viên tham gia học tập, nghiên cứu, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn của địa phương mình để làm phong phú kiến thức, góp phần làm cầu nối giữa lý luận và thực tiễn.

Văn kiện Đại hội XIV của Đảng khẳng định tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là yêu cầu khách quan, tất yếu của tiến trình đổi mới và phát triển đất nước. Trong bối cảnh đó, Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ, đặc biệt là Khoa Nhà nước và pháp luật có vai trò quan trọng trong việc cụ thể hóa các quan điểm, định hướng của Đảng thông qua hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Việc chuẩn hóa, đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo và định hướng nghiên cứu của khoa theo tinh thần Văn kiện Đại hội XIV của Đảng không chỉ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, mà còn trực tiếp đóng góp vào việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vững mạnh từ cơ sở, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Quảng Ninh trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng Cộng sản Việt Nam.

NÊU CAO CẢNH GIÁC, TRÁNH “BẦY” TIN GIẢ, XUYỀN TẠC VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI VÀ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031 TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG

ThS. TRẦN THỊ THU TRANG

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Trong kỷ nguyên số, không gian mạng đã trở thành “một mặt trận nóng bỏng” – nơi diễn ra sự đấu tranh quyết liệt giữa thông tin chính thống và các luận điệu sai trái, xuyên tạc. Đặc biệt, khi đất nước bước vào đợt sinh hoạt chính trị trọng đại – cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026–2031, không gian mạng trở thành địa bàn trọng điểm mà các thế lực thù địch lợi dụng để phát tán tin giả, tin xuyên tạc với những thủ đoạn ngày càng tinh vi, xảo quyệt.

Những thông tin “nửa sự thật”, những “viên đạn bọc đường” được tung ra không ngoài mục đích làm lung lạc niềm tin, gây nhiễu loạn dư luận xã hội, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, qua đó phá hoại cuộc bầu cử. Vì vậy, nhận diện đúng bản chất và các thủ đoạn của tin giả về bầu cử không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan chức năng, mà còn là yêu cầu về bản lĩnh chính trị và trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên và cử tri trước ngày hội lớn của đất nước.

1. Nhận diện “bầy” tin giả, tin xuyên tạc về công tác bầu cử trên không gian mạng

Thứ nhất, thủ đoạn “mượn danh” và “trộn thực – ảo”

Đây là thủ đoạn đặc biệt nguy hiểm vì đánh vào tâm lý tin tưởng của người dân. Các thế lực thù địch, chống phá lập ra các trang fanpage, hội nhóm có tên gọi “chính thống” hoặc gần gũi với đời sống dân sinh; sử dụng tài khoản giả mạo (fake account) với tên gọi, hình ảnh giống với lãnh đạo Đảng, Nhà nước hoặc các cơ quan

chính thống.

Chúng thường áp dụng thủ đoạn “trộn lẫn thật – giả”: ban đầu đăng tải phần lớn thông tin đúng sự thật nhằm tạo niềm tin và thu hút tương tác, sau đó cài cắm những nội dung sai lệch về nhân sự, quy trình bầu cử, đời tư ứng cử viên hoặc kết quả hiệp thương. Sự đan xen này khiến người tiếp nhận thông tin khó phân biệt đúng – sai, dễ dẫn đến “tin nhầm, chia sẻ nhầm”.

Thứ hai, chiêu trò “thổi phồng” và “cắt ghép” bằng công nghệ cao

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo (AI), các thế lực thù địch lợi dụng công nghệ như một công cụ để gia tăng mức độ nguy hiểm của tin giả.

Một là, sử dụng công nghệ Deepfake để tạo video, âm thanh giả mạo lãnh đạo hoặc ứng cử viên, đưa ra các phát ngôn sai sự thật, dựng lên các “vụ việc giả định” liên quan đến đời tư, tài sản, nhằm gây hoang mang dư luận và làm suy giảm uy tín của đội ngũ cán bộ.

Hai là, sử dụng thủ đoạn “lấy hiện tượng quy kết bản chất”. Các đối tượng khai thác những sai sót kỹ thuật nhỏ lẻ trong quá trình tổ chức bầu cử, sau đó cắt ghép, thổi phồng thành “vấn đề mang tính hệ thống”, xuyên tạc rằng cuộc bầu cử thiếu minh bạch, công bằng, từ đó kích động tâm lý hoài nghi trong xã hội.

Thứ ba, âm mưu “dân chủ giả hiệu” thông qua chiêu bài tự ứng cử

Trước thềm bầu cử, các thế lực thù địch thường cổ xúy cái gọi là “tự ứng cử tự do”, thực

chất nhằm gây nhiễu loạn thông tin. Chúng quảng bá một số “ứng cử viên độc lập” không đủ tiêu chuẩn, có biểu hiện chống đối. Khi các trường hợp này không được thông qua theo quy trình hiệp thương dân chủ đúng quy định của pháp luật, các đối tượng lập tức xuyên tạc, vu cáo rằng việc loại bỏ là “vi phạm dân chủ”, “áp đặt nhân sự”.

Mục tiêu của thủ đoạn này là tạo tâm lý đối đầu giữa người dân với chính quyền, làm suy giảm niềm tin vào tính đại diện của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Giải pháp phòng, chống tin giả, tin xuyên tạc về bầu cử trên không gian mạng

Trước những thủ đoạn ngày càng tinh vi, để không trở thành “công cụ” lan truyền tin giả, mỗi cán bộ, đảng viên và cử tri cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

Một là, nâng cao “sức đề kháng” thông tin và bản lĩnh chính trị

Cán bộ, đảng viên và cử tri cần nắm vững quy định của pháp luật về bầu cử, hiểu rõ quy trình hiệp thương, tiêu chuẩn đại biểu. Chỉ trên cơ sở nhận thức đúng mới có thể giữ vững lập trường, không dao động trước các luồng thông tin trái chiều. Đồng thời, cần chủ động nghiên cứu các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác bầu cử; tích cực tuyên truyền, giải thích, định hướng dư luận tại cơ sở.

Hai là, thực hiện nghiêm phương châm “3 không – 3 có” trên mạng xã hội.

“Ba không”: không vội tin vào thông tin giật gân, chưa kiểm chứng; không chia sẻ nội dung từ các nguồn không chính thống; không bình luận, tương tác với các bài viết xấu độc, tránh vô tình tiếp tay cho việc lan truyền.

“Ba có”: có kiểm chứng thông tin từ các cơ quan báo chí chính thống; có thái độ phê phán, đấu tranh với quan điểm sai trái; có trách nhiệm báo cáo các tài khoản, nội dung vi phạm tới cơ quan chức năng.

Ba là, phát huy vai trò nêu gương và “phủ xanh” thông tin tích cực

Thay vì chỉ phòng ngừa, cần chủ động lan tỏa thông tin chính thống. Mỗi cán bộ, đảng viên là một tuyên truyền viên tích cực trên không gian mạng, chia sẻ những thông tin đúng đắn về công tác chuẩn bị bầu cử, về thành tựu phát triển của đất nước, địa phương. Khi thông tin tích cực chiếm ưu thế, thông tin sai lệch sẽ bị thu hẹp không gian tồn tại.

Bốn là, tăng cường giám sát và phát huy dân chủ ở cơ sở

Cử tri cần tham gia đầy đủ các hội nghị lấy ý kiến, phát huy tinh thần trách nhiệm trong nhận xét, đánh giá ứng cử viên. Qua đó, góp phần bảo đảm lựa chọn được những người đủ đức, đủ tài, đồng thời ngăn chặn các biểu hiện lợi dụng dân chủ để gây rối, xuyên tạc.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026–2031 là dấu mốc quan trọng trong tiến trình phát triển của đất nước, là đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng của toàn dân. Không gian mạng tuy là “ảo” nhưng tác động, gây hậu quả của tin giả là “thật”, thậm chí rất nghiêm trọng.

Trong bối cảnh đó, sự tỉnh táo, nhạy bén và bản lĩnh chính trị của mỗi cán bộ, đảng viên và cử tri chính là “lá chắn” vững chắc nhất để bảo vệ cuộc bầu cử, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Mỗi lá phiếu không chỉ là quyền lợi mà còn là trách nhiệm chính trị, thể hiện niềm tin của Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Vì vậy, chủ động nhận diện và kiên quyết đấu tranh với tin giả, tin xuyên tạc về bầu cử chính là góp phần bảo vệ quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm để ngày bầu cử thực sự trở thành ngày hội lớn của toàn dân tộc – nơi ý Đảng hòa quyện với lòng dân, tạo nên sức mạnh đưa đất nước phát triển vững bước trong giai đoạn mới.

NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - VƯỜN MÌNH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI THEO TINH THẦN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU TOÀN QUỐC LẦN THỨ XIV CỦA ĐẢNG

ThS. NGUYỄN THỊ NGỌC LAN

Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật

Tiến trình lịch sử của dân tộc Việt Nam đang đứng trước một thời điểm bước ngoặt mà Tổng Bí thư Tô Lâm đã định danh là “Kỷ nguyên vườn mình của dân tộc”. Trong dòng chảy đó, việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (NNPQ XHCN) không chỉ đơn thuần là một nhiệm vụ chính trị mang tính kế thừa, mà còn để khơi thông các nguồn lực quốc gia, đáp ứng yêu cầu của một thời đại mới đầy biến động. Bài viết dưới đây tác giả tập trung nghiên cứu, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” và quan điểm, định hướng của Đảng ta về xây dựng NNPQ XHCN Việt Nam theo tinh thần văn kiện Đại hội XIV.

1. Một số kết quả trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam sau triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW

Sự ra đời của Nghị quyết số 27-NQ/TW đã đánh dấu một dấu mốc lịch sử, thể hiện sự hoàn thiện về mặt lý luận và nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với NNPQ, đã tạo ra sự thống nhất cao trong tư duy và hành động của toàn hệ thống chính trị về 8 đặc trưng NNPQ XHCN Việt Nam. Sau hơn ba năm triển khai, kết quả đạt được trong quá trình xây dựng NNPQ XHCN đã

tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần quan trọng để đất nước tự tin bước vào kỷ nguyên mới.

Thứ nhất, bước đột phá trong nhận thức lý luận và thể chế hóa pháp luật

Thành tựu đầu tiên và có ý nghĩa căn bản nhất chính là sự thống nhất trong nhận thức về bản chất của NNPQ XHCN Việt Nam. Đó là Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, nơi quyền lực Nhà nước là thống nhất nhưng có sự phân công, phối hợp và kiểm soát chặt chẽ giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. Tư duy pháp lý đã có sự dịch chuyển mạnh mẽ từ việc sử dụng pháp luật như một công cụ quản trị hành chính đơn thuần sang tư duy “kiến tạo phát triển”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm của mọi chính sách.

Về mặt thể chế, hệ thống pháp luật Việt Nam đã đạt được sự hoàn thiện tương đối đồng bộ, bao phủ hầu hết các lĩnh vực từ kinh tế - xã hội đến quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Các đạo luật then chốt đã được ban hành hoặc sửa đổi để tháo gỡ những “điểm nghẽn” của pháp luật. Tính công khai, minh bạch và khả năng dự báo của hệ thống pháp luật đã được nâng cao, tạo ra một môi trường pháp lý an toàn, thuận lợi cho các hoạt động sáng tạo và hội nhập quốc tế.

Thứ hai, thành tựu trong cải cách hành chính và xây dựng nền quản trị số

Công tác cải cách hành chính dưới tác động của Nghị quyết số 27-NQ/TW đã chuyển biến từ “lượng” sang “chất”. Việc đẩy mạnh Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số đã rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền và người dân. Các nhóm thủ tục hành chính liên thông trong lĩnh vực hộ tịch, thuế và đất đai đã giảm thiểu chi phí tuân thủ cho xã hội, đồng thời hạn chế các khe hở phát sinh tham nhũng, tiêu cực trong giao dịch hành chính.

Thứ ba, cải cách tư pháp và bảo vệ quyền con người

Trong lĩnh vực tư pháp, tinh thần của Nghị quyết số 27-NQ/TW đã được cụ thể hóa bằng việc khẳng định vai trò trung tâm của Tòa án trong hệ thống các cơ quan tư pháp với nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người. Các nguyên tắc tranh tụng tại phiên tòa đã được thực hiện thực chất hơn, vị thế độc lập của thẩm phán và hội thẩm được bảo đảm, góp phần nâng cao chất lượng xét xử.

Hiến pháp năm 2013 và các đạo luật tố tụng đã được thực thi nghiêm minh nhằm bảo đảm quyền bào chữa, quyền bình đẳng của mọi cá nhân trước pháp luật. Hệ thống các thiết chế hỗ trợ tư pháp như luật sư, công chứng, giám định tư pháp cũng đã phát triển mạnh mẽ cả về số lượng và chất lượng, đóng vai trò là “lá chắn” bảo vệ lợi ích hợp pháp của người dân trong các quan hệ pháp lý phức tạp.

2. Quan điểm, định hướng xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN theo tinh thần Đại hội XIV của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng được xác định là dấu mốc khởi đầu cho một thời kỳ phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong bối cảnh đó, các quan điểm về Nhà nước pháp quyền đã được nâng tầm thành những tư duy chiến lược.

Một là, tư duy “Tự chủ chiến lược” và “Bản đồ chiến lược” phát triển

Một trong những điểm mới nhất tại Đại hội XIV của Đảng ta là việc xác lập tư duy “tự chủ chiến lược”. Điều này đòi hỏi NNQP phải là một thực thể đủ mạnh, đủ linh hoạt để định vị Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu và các mối quan hệ địa chính trị phức tạp. Văn kiện Đại hội XIV của Đảng đã chuyển dịch từ cách tiếp cận “tổng kết nhiệm kỳ” sang “thiết kế chiến lược dài hạn” khi báo cáo chính trị được tích hợp từ ba báo cáo lớn (chính trị, kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng) để tạo thành một “bản đồ chiến lược” nhất quán. Sự tích hợp này phản ánh nhận thức sâu sắc rằng: phát triển kinh tế không thể tách rời sự ổn định của hệ thống chính trị và sự nghiêm minh của pháp luật. Đây chính là biểu hiện của phong cách lãnh đạo mới, khoa học và hiện đại của Đảng.

Hai là, chuyển từ “Nghị quyết định hướng” sang “Nghị quyết hành động”

Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh cần khắc phục triệt để tình trạng “nghị quyết đúng nhưng triển khai chậm”. Tại Đại hội XIV, phương thức lãnh đạo của Đảng đã có sự đổi mới mạnh mẽ khi các chương trình hành động được gắn trực tiếp vào văn kiện chính trị. Việc thực hiện đồng thời 9 nghị quyết chiến lược trên các lĩnh vực trọng yếu ngay trước thềm Đại hội cho thấy tinh thần “nói đi đôi với làm”, biến các mục tiêu pháp quyền thành những kết quả định lượng cụ thể.

Nhà nước pháp quyền trong kỷ nguyên mới phải thực hiện nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi Nhân dân một cách thực chất nhất. Mọi người dân phải có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và được hỗ trợ tối đa để phát triển. Đây là mục tiêu cao nhất của pháp luật và là thước đo năng lực cầm quyền của Đảng. Sự thành công của mô hình pháp quyền Việt Nam nằm ở khả năng khơi dậy sức mạnh nội sinh, biến

khát vọng của Nhân dân thành “mệnh lệnh hành động” của các cơ quan Nhà nước.

3. Phương hướng hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong thời gian tới

Để hiện thực hóa tầm nhìn Đại hội XIV của Đảng và tiếp tục thực thi hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW, tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền trong thời gian tới cần tập trung vào những “đòn bẩy” mang tính quyết định.

Thứ nhất, cần tiếp tục đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật

Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” là văn bản then chốt định hình diện mạo pháp lý tương lai. Cần thay đổi tư duy làm luật: từ quản lý sang kiến tạo, từ bị động ứng phó sang chủ động dẫn dắt phát triển. Việc thực thi pháp luật phải được coi là “đột phá của đột phá”. Phải xây dựng văn hóa thượng tôn Hiến pháp và pháp luật thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể. Nhà nước cần tăng cường công tác giải thích pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất để tránh tình trạng “mỗi nơi hiểu một kiểu”, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ hai, xây dựng nguồn nhân lực tư pháp và có cơ chế đãi ngộ đặc thù cho người làm công tác tư pháp, phát triển nguồn nhân lực pháp luật và hội nhập quốc tế

Phương hướng cải cách tư pháp tới đây tập trung vào tính độc lập của Tòa án và sự chuyên nghiệp của các chức danh tư pháp. Bởi vậy, phải xây dựng chuẩn đào tạo thống nhất và áp dụng chính sách thù lao vượt trội để thu hút những nhân tài pháp lý vào làm việc trong bộ máy tư pháp. Đồng thời, Nhà nước cần có cơ chế phát triển các cơ sở đào tạo luật trọng điểm, sử dụng các luật sư, chuyên gia giỏi về pháp luật quốc tế để

tham gia xây dựng pháp luật, bảo đảm lợi ích quốc gia trong quá trình hội nhập sâu rộng.

Nhìn từ góc độ lịch sử và pháp lý, tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đang ở giai đoạn sung sức nhất với sự hội tụ của “ý Đảng, lòng dân”. Những kết quả từ Nghị quyết số 27 đã tạo ra một bề phóng vững chắc, trong khi định hướng từ Đại hội XIV của Đảng đã mở ra một chân trời mới về tư duy quản trị quốc gia hiện đại. Trong kỷ nguyên vươn mình, một Nhà nước pháp quyền tinh gọn, liêm chính, kiến tạo và vì Nhân dân sẽ là bảo chứng cao nhất cho sự trường tồn và thịnh vượng của dân tộc Việt Nam. Con đường phía trước còn nhiều thách thức, nhưng với một hệ thống pháp luật minh bạch và một bộ máy hoạt động hiệu năng, Việt Nam hoàn toàn có thể tự tin sải bước cùng nhân loại trên hành trình của công lý và phát triển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 9/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.
2. Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.
3. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng
4. <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202406/tiep-tuc-xay-dung-va-hoan-thien-nha-nuoc-phap-quyen-xa-hoi-chu-nghia-viet-nam-trong-giai-doan-moi-313889/>
5. <https://lyluanchinhtri.vn/loi-dung-chuyen-de-cua-tong-bi-thu-to-lam-ve-ky-nguyen-moi-ky-nguyen-vuon-minh-cua-dan-toc-6526.html>

QUẢNG NINH:

**HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC,
PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH GẮN VỚI PHÁT TRIỂN KINH TẾ,
BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI VÀ NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN****ThS. PHẠM KHÁNH PHƯƠNG***Phòng Quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học*

Phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân là mục tiêu xuyên suốt của Đảng và Nhà nước ta. Ngay từ những ngày đầu lập nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc, tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì” (trích trong Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng” đăng trên Báo Cứu quốc, số 69, ngày 17/10/1945). Tư tưởng đó trở thành kim chỉ nam cho mọi chủ trương, chính sách phát triển, thể hiện sâu sắc quan điểm lấy con người làm trung tâm.

Trong bối cảnh hiện nay, khi Việt Nam đẩy mạnh chuyển đổi số, phát triển kinh tế tri thức và hội nhập quốc tế sâu rộng, việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo chuyên đề năm 2026 về “phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân” càng có ý nghĩa thiết thực. Quảng Ninh - địa phương đi đầu cả nước về cải cách hành chính, năng lực cạnh tranh và đổi mới mô hình tăng trưởng là minh chứng sinh động cho việc hiện thực hóa tư tưởng đó trong thực tiễn.

1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế gắn với an sinh xã hội và nâng cao đời sống Nhân dân***Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế vì con người***

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội có mối quan hệ hữu cơ, thống nhất. Người luôn đặt mục tiêu nâng cao đời sống Nhân dân là trung tâm của mọi hoạt động kinh tế. Phát triển sản xuất là điều

kiện vật chất để thực hiện chính sách xã hội, nhưng chính các mục tiêu xã hội lại là đích đến của phát triển kinh tế. Người căn dặn: “*Điều quan trọng bậc nhất trong kế hoạch kinh tế của chúng ta hiện nay là nhằm cải thiện đời sống của Nhân dân*”¹.

Từ quan điểm đó, Hồ Chí Minh chủ trương xây dựng nền kinh tế phát triển toàn diện, cân đối giữa các ngành, phù hợp với điều kiện thực tiễn và có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế. Đặc biệt, Người nhấn mạnh hai giải pháp cốt lõi “tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm” là nền tảng để bảo đảm quốc kế dân sinh và nâng cao đời sống Nhân dân. Người nói “*Chỉ trên cơ sở tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm mới cải thiện sinh hoạt cho Nhân dân, cán bộ, quân đội*”². Đồng thời, Người yêu cầu việc xây dựng kế hoạch phát triển phải dựa trên cơ sở khoa học, xuất phát từ thực tiễn, tránh tư duy chủ quan, duy ý chí; phải có tầm nhìn dài hạn, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về bảo đảm an sinh xã hội

Cùng với tư tưởng về phát triển kinh tế xã hội phải vì con người, Hồ Chí Minh hình thành một hệ thống quan điểm toàn diện về an sinh xã hội. Theo Người, an sinh xã hội không chỉ là bảo đảm các nhu cầu thiết yếu như ăn, mặc, ở, học hành, chăm sóc sức khỏe, mà còn là bảo đảm các quyền cơ bản của con người được sống trong tự

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.10, tr.314.

2. Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Sđd, t.10, tr.589

do, hạnh phúc. Mục tiêu cao nhất của an sinh xã hội là không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, thể hiện bản chất ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, một xã hội vì con người, do con người và phục vụ con người. Mục tiêu này không những định hướng cho an sinh xã hội mà còn định hướng cho các chính sách khác.

Người đặc biệt nhấn mạnh tính công bằng và tính bao trùm của an sinh xã hội. Chính sách phải hướng tới toàn thể Nhân dân, đồng thời quan tâm sâu sắc đến các nhóm yếu thế. Nguyên tắc “làm nhiều hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng” gắn với hỗ trợ người già yếu, tàn tật thể hiện tư duy vừa khoa học vừa nhân văn. Theo đó, an sinh xã hội không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về nâng cao đời sống Nhân dân

Quan điểm về nâng cao đời sống Nhân dân là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong tư tưởng Hồ Chí Minh. Người khẳng định “ham muốn tốt bậc” là làm cho dân “ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành”. Nhà nước phải thực sự của dân, do dân, vì dân; mọi chính sách phải hướng tới lợi ích của Nhân dân. Người nhấn mạnh: nếu dân đói, rét, ốm, bệnh tật thì đó là trách nhiệm của Đảng và Nhà nước. Vì vậy, chăm lo đời sống Nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là thước đo hiệu quả của mọi chính sách phát triển.

Như vậy có thể nói, mối quan hệ giữa chính sách phát triển kinh tế trong sự tác động qua lại với chính sách an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân trong tư tưởng Hồ Chí Minh có mối quan hệ mật thiết, tác động qua lại lẫn nhau. Việc học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh không chỉ là yêu cầu chính trị, đạo đức, mà còn là phương thức tổ chức phát triển kinh tế - xã hội theo hướng lấy con người làm trung tâm, bảo đảm tính bao trùm và bền vững.

2. Thực tiễn tỉnh Quảng Ninh

Quảng Ninh là địa phương có vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, hội tụ đầy đủ điều kiện phát triển kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ và

du lịch. Trên cơ sở nhận thức rõ tiềm năng và đặc thù, tỉnh đã lựa chọn mô hình phát triển “từ nâu sang xanh”, gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường, phát triển văn hóa và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Những năm gần đây, kinh tế Quảng Ninh duy trì tốc độ tăng trưởng cao, ổn định, tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Năm 2025, GRDP của tỉnh tăng 11,89% - cao nhất cả nước; quy mô nền kinh tế đạt gần 368.445 tỷ đồng, xếp thứ 7/34 tỉnh, thành phố; GRDP bình quân đầu người đạt 10.402 USD, gấp hơn 2 lần mức bình quân cả nước. Năng suất lao động đạt khoảng 580 triệu đồng/người, tăng gần 1,9 lần so với năm 2020; đóng góp của TFP vào tăng trưởng đạt khoảng 50%, phản ánh sự chuyển dịch sang mô hình tăng trưởng dựa vào khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Tổng thu ngân sách Nhà nước đạt 85.050 tỷ đồng, mức cao nhất từ trước đến nay; tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng mạnh, hiệu quả sử dụng vốn được cải thiện (ICOR giảm còn khoảng 5,28). Những kết quả này cho thấy Quảng Ninh không chỉ tăng trưởng nhanh mà còn nâng cao chất lượng tăng trưởng, tạo nguồn lực thực hiện hiệu quả các chính sách an sinh xã hội.

Trên nền tảng đó, tỉnh đặc biệt chú trọng phát triển các lĩnh vực xã hội theo hướng toàn diện, bao trùm. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn khoảng 0,1% - thuộc nhóm thấp nhất cả nước. Giáo dục - đào tạo đạt nhiều thành tựu nổi bật: tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt trên 92%; 100% học sinh tiểu học học 2 buổi/ngày; tỉnh duy trì vị trí trong nhóm dẫn đầu về học sinh giỏi quốc gia và quốc tế. Lĩnh vực y tế được đầu tư đồng bộ, với khoảng 17 bác sĩ/vạn dân; tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95,75%, cao hơn mức bình quân cả nước.

An sinh xã hội được bảo đảm bằng nhiều chính sách đặc thù, như hỗ trợ quà Tết cho người dân, triển khai chương trình sữa học đường, chăm lo nhà ở cho người thu nhập thấp. Năm 2025, tổng chi an sinh xã hội đạt trên 2.123 tỷ

(Xem tiếp trang 55)

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG KHỐI ĐẠI ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN TỘC TẠI QUẢNG NINH

ThS. ĐÀM THỊ THU

Giảng viên Khoa Lý luận cơ sở

Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam đã để lại cho chúng ta một di sản tư tưởng vô giá, nổi bật trong đó là tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc được Người đặc biệt coi trọng và trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt mọi giai đoạn cách mạng. Người từng khẳng định: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”. Đối với tỉnh Quảng Ninh - một địa phương giàu tiềm năng, bản sắc và luôn năng động trong phát triển, việc vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về khối đại đoàn kết toàn dân tộc không chỉ là kim chỉ nam cho mọi chủ trương, chính sách, mà còn là nguồn nội sinh, động lực quan trọng để vượt qua thách thức, tạo nên những kỳ tích trong quá trình xây dựng và phát triển.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không chỉ là mục tiêu mà còn là phương thức, là sức mạnh quyết định mọi thắng lợi của cách mạng. Đoàn kết phải dựa trên nền tảng lấy dân làm gốc, phát huy vai trò chủ thể của Nhân dân, kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân và lợi ích cộng đồng. Những lời dạy của Người như “Dân là gốc của nước”, “Nước lấy dân làm gốc” đã trở thành chân lý sâu sắc, soi sáng mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Tư tưởng ấy là kim chỉ nam, là nền tảng vững chắc trong suốt hành trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những năm qua, bám sát chỉ đạo của Trung ương, tỉnh Quảng Ninh đã phát huy ý chí tự lực, tự cường, tinh thần năng động, sáng tạo, đề ra những quyết sách đột phá, phù hợp thực tiễn của địa phương nhằm khơi dậy sức sáng tạo, tính tự chủ, phát huy sức mạnh Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhất là nhiệm vụ

đột phá phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Song song với đó, Quảng Ninh luôn xem việc xây dựng một nền hành chính liêm chính, kiến tạo, thực sự của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là khâu then chốt trong tiến trình đổi mới hệ thống chính trị. Trong đó, vai trò của người dân được đặc biệt coi trọng và đề cao. Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã nhấn mạnh quan điểm xuyên suốt: lấy phát triển làm nền tảng cho ổn định, lấy ổn định làm động lực cho sự phát triển nhanh và bền vững; không ngừng nâng cao đời sống Nhân dân và củng cố vững chắc sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Tỉnh cũng đặc biệt chú trọng phát huy sức mạnh của Nhân dân, sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thể trận lòng dân; kết hợp hài hòa sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chủ động bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Trong thực tiễn, thông qua việc triển khai sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước và các cuộc vận động lớn, tỉnh đã khơi dậy và phát huy hiệu quả sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc. Nhờ đó, nhiều nguồn lực xã hội đã được huy động, tạo nên sức mạnh tổng hợp, góp phần giải quyết kịp thời và hiệu quả những vấn đề xã hội bức thiết, được Nhân dân quan tâm, cụ thể như sau:

Một là, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, tạo niềm tin trong Nhân dân

Tỉnh luôn kiên định nguyên tắc: Đảng giữ vai trò lãnh đạo, Nhà nước thực hiện chức năng quản lý và Nhân dân là chủ thể trung tâm của mọi quá trình phát triển. Mối quan hệ “Đảng lãnh đạo – Nhà nước quản lý – Nhân dân làm chủ” ngày càng được cụ thể hóa sâu sắc trong thực tiễn, gắn liền với phương châm hành động xuyên suốt “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân

kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. Nhờ đó, quyền làm chủ của người dân không chỉ dừng lại ở chủ trương mà đã thực sự đi vào cuộc sống, trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển bền vững của địa phương. Nhờ đó, các chủ trương, chính sách đều được xây dựng trên cơ sở lắng nghe ý kiến, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong xã hội.

Hai là, phát huy dân chủ cơ sở, huy động sức mạnh Nhân dân vào các phong trào thi đua yêu nước

Quảng Ninh đã đẩy mạnh thực hiện Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, tạo điều kiện để Nhân dân tham gia bàn bạc, quyết định những vấn đề quan trọng của cộng đồng. Các chiến dịch cao điểm như giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm (cao tốc Vân Đồn - Móng Cái, đường ven sông nối Hạ Long - Hải Phòng, tỉnh lộ 342...) đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình của người dân, giúp hoàn thành vượt tiến độ, tạo động lực phát triển hạ tầng chiến lược.

Ba là, chăm lo an sinh xã hội, xây dựng cộng đồng đoàn kết, nhân ái

Với tinh thần “tương thân tương ái”, tỉnh đã huy động nguồn lực xã hội hóa trị giá 157,8 tỷ đồng để xây mới, sửa chữa 2.513 ngôi nhà Đại đoàn kết, trong đó riêng năm 2023 - 2024 gần 700 căn nhà được hoàn thành, góp phần giúp Quảng Ninh trở thành địa phương đầu tiên trong cả nước về đích Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Bốn là, tổ chức Ngày hội Đại đoàn kết - điểm sáng trong đời sống văn hóa cộng đồng

Liên tục 4 năm qua, Ngày hội Đại đoàn kết được tổ chức đồng loạt vào cùng một ngày (Chủ nhật) tại 1.452 khu dân cư trên toàn tỉnh. Ngày hội thu hút được sự tham gia của đông đảo các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tích cực tham gia, các hoạt động phần lễ và phần hội; phần hội phong phú với nhiều tiết mục của khu dân cư đều do những người dân, diễn viên không chuyên biểu diễn tạo nên sự đa dạng bản sắc văn hóa địa phương; thông qua các hoạt động góp phần xây dựng cộng đồng dân cư ngày càng đoàn kết, vững mạnh, văn minh,

tiến bộ, hạnh phúc. Đây thực sự là ngày hội của lòng dân, nơi mọi người gặp gỡ, chia sẻ, cùng nhau xây dựng đời sống văn hóa, củng cố tình làng nghĩa xóm, lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương trợ.

Với kết quả đạt được, từ thực tiễn Quảng Ninh về vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

Phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “Nhân dân là trung tâm, là chủ thể của công cuộc đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh”, phát huy sức mạnh Nhân dân, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; mọi chủ trương, chính sách phải thực sự là các “quyết sách lòng dân”, xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân, kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền và nghĩa vụ của công dân; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, sức mạnh văn hóa, con người Quảng Ninh; lấy sự hài lòng của người dân là mục tiêu phấn đấu.

Phải nhất quán phương châm công khai, minh bạch là “chìa khóa” để thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở, phải gắn dân chủ với thực hiện nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, với công tác cải cách hành chính, sửa đổi những cơ chế, chính sách về thủ tục hành chính không còn phù hợp; dân chủ phải đi đôi với trật tự, kỷ cương.

Sự phối hợp nhịp nhàng giữa cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội là yếu tố then chốt để kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết dứt điểm những vấn đề bức thiết trong đời sống Nhân dân.

Cùng với đó, cần đặc biệt quan tâm phát hiện, bồi đắp và lan tỏa những sáng kiến, mô hình hiệu quả từ cơ sở, tạo nên phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong toàn xã hội. Mục tiêu xuyên suốt là không ngừng cải thiện toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của người dân, củng cố vững chắc hệ thống an sinh, phúc lợi, đồng thời bảo đảm sự tiến bộ và công bằng trong mọi chính sách xã hội.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc mãi mãi là ngọn đuốc soi đường cho cách mạng Việt Nam. Thực tiễn tỉnh Quảng Ninh đã chứng minh rằng, khi biết vận dụng sáng tạo, linh hoạt tư tưởng đó vào điều kiện cụ thể của địa phương, chúng ta sẽ tạo nên sức mạnh tổng hợp, vượt qua mọi khó khăn, thách thức, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh. Kế thừa và phát huy mạnh mẽ truyền thống đại đoàn kết các dân tộc, Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân các dân tộc tỉnh Quảng Ninh nguyên

đoàn kết một lòng, chung sức vượt qua mọi khó khăn thách thức. Với quyết tâm chính trị cao nhất, tỉnh quyết tâm hiện thực hóa thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đã đề ra theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, xây dựng Quảng Ninh giàu mạnh, văn minh, hiện đại, hạnh phúc xứng đáng với tình cảm và sự kỳ vọng của Bác Hồ muôn vàn kính yêu.

QUẢNG NINH: HỌC TẬP VÀ LÀM THEO ...

(Tiếp theo trang 52)

đồng; hoàn thành hơn 2.400 căn nhà ở xã hội và hỗ trợ toàn bộ hộ nghèo, cận nghèo về nhà ở. Đồng thời, tỉnh chú trọng phát triển hạ tầng đồng bộ với tổng vốn đầu tư giai đoạn 2021-2025 đạt trên 490 nghìn tỷ đồng, tạo điều kiện nâng cao chất lượng sống của Nhân dân.

Tuy nhiên, quá trình phát triển vẫn đặt ra một số thách thức: chênh lệch phát triển giữa các vùng còn tồn tại; nguồn nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu kinh tế số và kinh tế xanh; áp lực bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội ngày càng lớn. Những vấn đề này đòi hỏi tỉnh tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, phát triển hài hòa giữa kinh tế và xã hội, bảo đảm mọi người dân đều được thụ hưởng thành quả phát triển.

3. Giải pháp vận dụng tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Thứ nhất, cấp ủy các cấp chú trọng lãnh đạo việc tổ chức học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

Thứ hai, đẩy mạnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng bền vững, tạo nền tảng vật chất cho an sinh xã hội.

Thứ ba, huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển hạ tầng gắn với nâng cao phúc lợi xã hội.

Thứ tư, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân.

Thứ năm, thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, chăm lo toàn diện đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

Thứ sáu, đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng chính quyền phục vụ Nhân dân.

Thứ bảy, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, gắn phát triển kinh tế với ổn định xã hội.

Phát triển kinh tế gắn với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước, thể hiện bản chất tốt đẹp, nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa. Việc học tập, quán triệt chuyên đề năm 2026 “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế gắn liền với bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân*” là trách nhiệm, tình cảm của mỗi cán bộ, đảng viên đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, với Nhân dân, qua đó góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2025 - 2030, đóng góp vào thành công chung trong triển khai, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Tài liệu tham khảo: Đề cương tuyên truyền về chuyên đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2026 của Đảng bộ tỉnh Quảng Ninh

ĐƯA NỘI DUNG VĂN KIẾN ĐẠI HỘI XIV CỦA ĐẢNG VÀO GIẢNG DẠY BÀI 8 TẠI HỌC PHẦN “XÂY DỰNG ĐẢNG”

ThS. NGÔ THỊ NINH DUNG

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Đưa nội dung văn kiện Đại hội Đảng vào giảng dạy lý luận chính trị là yêu cầu, nhiệm vụ bắt buộc của giảng viên trường chính trị nhằm gắn truyền đạt tri thức lý luận chính trị với quán triệt, triển khai, sớm đưa nghị quyết Đại hội Đảng đi vào cuộc sống. Trong bối cảnh đất nước ta bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, những định hướng chiến lược và tư duy lý luận đột phá trong văn kiện chính là “kim chỉ nam” để cập nhật tri thức cho đội ngũ cán bộ, đảng viên. Việc đưa nội dung Văn kiện Đại hội Đảng vào bài giảng góp phần rút ngắn khoảng cách giữa lý luận và thực tiễn, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động, từ đó khơi dậy khát vọng cống hiến và cụ thể hóa mục tiêu xây dựng một Việt Nam giàu mạnh, dân chủ và văn minh.

Nhận thức sâu sắc ý nghĩa đó, ngay khi Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIV được thông qua, giảng viên Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ đã chủ động nghiên cứu, vận dụng đưa văn kiện vào những phù hợp với từng chuyên đề học của chương trình Trung cấp lý luận chính trị. Tại bài 8 “Công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng” thuộc học phần Xây dựng Đảng, đây là bài giảng liên quan đến nội dung công tác kiểm tra, giám sát của Đảng, có rất nhiều những nội dung mới của Đại hội mà giảng viên cần cung cấp cho người học, cụ thể là những nội dung sau:

Thứ nhất, tại mục 2. Thực trạng công tác kiểm tra, giám sát của Đảng của bài

Mục này có hai nội dung: *một là*, đánh giá về kết quả, ưu điểm và nguyên nhân; *hai là*, hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân. Nội dung mục này giáo trình viết trên tinh thần kết quả công tác kiểm tra, giám sát của Đại hội

Đảng toàn quốc lần thứ XIII. Do vậy, giảng viên cần kịp thời phân tích, giới thiệu đến người học những kết quả công tác kiểm tra, giám sát của Đại hội Đảng lần thứ XIV để đảm bảo tính thời sự. Cụ thể như sau:

Trong Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng, **tại phần I. Kết quả công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII, mục 1. Ưu điểm và nguyên nhân**, giảng viên cần tập trung giới thiệu bốn kết quả, ưu điểm nổi bật của công tác kiểm tra, giám sát.

Trước hết, công tác kiểm tra, giám sát đã đi vào chiều sâu, ngày càng thực chất và hiệu quả hơn, các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, qua đó nâng cao rõ rệt chất lượng, hiệu lực, hiệu quả công tác, góp phần siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và tạo bước đột phá so với các nhiệm kỳ trước.

Thứ hai, “Hệ thống thể chế về kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng được sửa đổi, bổ sung, ban hành kịp thời, bảo đảm đồng bộ, thống nhất và chặt chẽ hơn”¹. Trước Đại hội XIII của Đảng, chưa có nhiệm kỳ Đảng liên tục ban hành những quy định mới về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật Đảng như Quy định số 22-QĐ/TW, Quy định số 262-QĐ/TW, Quy định số 296-QĐ/TW. Qua đó có thể thấy hệ thống thể chế về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật đảng được Đảng đặc biệt quan tâm.

Thứ ba, công tác kiểm tra, giám sát được triển khai chủ động, quyết liệt, tập trung vào các lĩnh vực phức tạp, nhạy cảm và mở rộng đối tượng, bảo đảm không có ngoại lệ. Hoạt động

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 1, tr.365

giám sát, nhất là giám sát chuyên đề, ngày càng thực chất, góp phần cảnh báo, phòng ngừa vi phạm. Việc phát hiện, xử lý sai phạm đạt kết quả rõ rệt; nhiều vụ việc tổn động được giải quyết dứt điểm, các vi phạm mới được xử lý kịp thời. Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo có chuyển biến tích cực, góp phần củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

Thứ tư, công tác kiểm tra, giám sát ngày càng chú trọng phòng ngừa từ sớm, từ xa; tăng cường kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập, kịp thời phát hiện vi phạm ngay từ giai đoạn ban đầu. Sự phối hợp giữa các cơ quan kiểm tra với cơ quan nội chính và quản lý Nhà nước được đẩy mạnh, phương thức thực hiện đổi mới, nâng cao hiệu quả và tính kịp thời.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần chú trọng phân tích làm rõ những nhận định, đánh giá của Đại hội thông qua những số liệu, những ví dụ thực tiễn sinh động trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật; có so sánh với nhiệm kỳ trước để thấy rõ kết quả đã đạt được.

- Tại phần I. mục 2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân. Bên cạnh những kết quả đạt được trong công tác kiểm tra, giám sát mà nhiệm kỳ Đại hội XIII của Đảng đạt được thì vẫn còn một vài những hạn chế đã được chỉ ra, cụ thể:

Một là, “công tác kiểm tra, giám sát ở một số nơi còn thiếu chủ động, thiếu quyết liệt và chưa hiệu quả”². Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng chưa chủ động nắm bắt tình hình, chưa kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm ngay từ khi mới manh nha, mà còn mang tính bị động, chủ yếu thực hiện theo kế hoạch định kỳ hoặc khi có vụ việc phát sinh. Bên cạnh đó, trong quá trình xử lý, vẫn còn tình trạng né nang, né tránh, ngại va chạm, dẫn đến việc xử lý chưa kiên quyết, chưa triệt để. Một số cuộc kiểm tra còn mang tính hình thức, chưa đi sâu vào bản chất vấn đề, làm cho hiệu quả chưa đạt như yêu cầu đề ra.

Hai là, “công tác giám sát thường xuyên còn nhiều hạn chế, chất lượng và hiệu quả chưa

cao”³. Việc giám sát chưa được duy trì liên tục, còn mang tính thời điểm, thiếu chiều sâu. Nội dung giám sát ở một số nơi còn dàn trải, chưa tập trung vào những lĩnh vực nhạy cảm, dễ phát sinh tiêu cực. Do đó, vai trò phòng ngừa, phát hiện sớm vi phạm của công tác giám sát chưa được phát huy đầy đủ, chủ yếu dừng lại ở nhắc nhở, cảnh báo mà chưa tạo được chuyển biến rõ nét.

Ba là, “việc tự kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm của một số cấp ủy, tổ chức đảng chưa được quan tâm đúng mức”⁴. Một số nơi còn có biểu hiện trông chờ, ỷ lại vào cơ quan kiểm tra cấp trên, chưa chủ động rà soát, phát hiện sai phạm trong nội bộ. Nhiều vi phạm chỉ được phát hiện khi đã gây hậu quả hoặc do cơ quan bên ngoài phát hiện. Đáng chú ý, việc xử lý vi phạm ở một số trường hợp còn chưa nghiêm, thiếu tính răn đe, thậm chí có biểu hiện bao che, nường nhẹ, làm ảnh hưởng đến tính nghiêm minh của kỷ luật Đảng.

Bốn là, “việc theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kết luận sau kiểm tra, giám sát còn thiếu quyết liệt”. Ở một số nơi, sau khi ban hành kết luận kiểm tra, công tác “hậu kiểm” chưa được chú trọng đúng mức. Việc đôn đốc thực hiện còn lỏng lẻo, chưa có biện pháp đủ mạnh để yêu cầu các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện nghiêm túc. Hoạt động kiểm tra lại việc khắc phục sai phạm còn hạn chế, dẫn đến tình trạng kết luận kiểm tra chưa phát huy hết hiệu lực trên thực tế.

Thứ hai, tại mục 3. Quan điểm, giải pháp nâng cao hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng của bài.

Giảng viên cần cập nhật những quan điểm chỉ đạo mới về công tác kiểm tra, giám sát theo tinh thần Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng xác định công tác kiểm tra, giám sát không chỉ nhằm phát hiện và xử lý vi phạm mà còn giữ vai trò như một cơ chế phòng ngừa từ sớm, từ xa. Điểm nhấn mới của Đại hội XIV thể hiện ở sự

(Xem tiếp trang 60)

^{2,3,4} Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV, tập 1, tr.380

GIẢI PHÁP LỒNG GHÉP NGHỊ QUYẾT SỐ 80-NQ/TW VÀO GIẢNG DẠY BÀI “ĐOÀN THANH NIÊN CỘNG SẢN HỒ CHÍ MINH TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC HIỆN NAY”

ThS. CHU LỮ HỒNG TRANG

Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Ngày 7/01/2026, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 80-NQ/TW về “*phát triển văn hóa Việt Nam*” (Nghị quyết số 80-NQ/TW). Đây là chủ trương lớn mang tính đột phá nhằm thúc đẩy sự phát triển của văn hóa, con người Việt Nam, qua đó phát huy giá trị, nâng lên một tầm nhìn mới, vị thế mới trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Chính vì vậy, việc kịp thời lồng ghép các nội dung của Nghị quyết số 80-NQ/TW vào giảng dạy chương trình trung cấp lý luận chính trị, trong đó có bài “Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay” có ý nghĩa rất quan trọng, góp phần tạo sự thống nhất nhận thức, quyết tâm hành động, nâng cao chất lượng quán triệt, triển khai, thực hiện nghị quyết.

Xuất phát từ mục tiêu của bài giảng, tác giả đề xuất các nội dung, phương pháp lồng ghép nội dung Nghị quyết số 80-NQ/TW vào giảng dạy như sau:

Một là, giảng viên cần nghiên cứu, nắm vững và lựa chọn nội dung phù hợp trong nghị quyết để vận dụng vào các bài học, phần học.

Đối với bài “Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay”, tại mục 1.3.3 về chức năng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, giảng viên cần chỉ rõ cho học viên một trong những chức năng cơ bản của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên Việt Nam.

Nghị quyết nhấn mạnh: “*Phát triển văn hóa và sự hoàn thiện nhân cách con người xã hội chủ nghĩa trong kỷ nguyên mới và xây dựng con người để phát triển văn hóa*”. Đoàn Thanh niên

Cộng sản Hồ Chí Minh là tổ chức chính trị - xã hội, là trường học xã hội chủ nghĩa của thanh niên, vì thanh niên, tổ chức Đoàn cần tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, lý tưởng cách mạng, đạo đức lối sống cho đoàn viên, thanh niên. Các cấp đoàn cơ sở đã triển khai sâu rộng cuộc vận động “Xây dựng giá trị hình mẫu thanh niên Việt Nam thời kỳ mới” với các giá trị “tâm trong”, “trí sáng”, “hoài bão lớn”. Việc khơi dậy niềm tự hào về con người và văn hóa Việt Nam chính là nền tảng để chuyển hóa nhận thức của thanh niên thành những hành động bảo tồn thiết thực. Các cấp bộ Đoàn cần quan tâm tận dụng tối đa những ưu thế của mạng xã hội để phổ biến sâu rộng chủ trương của Đảng về giữ gìn bản sắc dân tộc, đồng thời trang bị cho tuổi trẻ “sàng lọc” tư tưởng vững vàng. Nhờ việc triển khai quyết liệt “Bộ quy tắc ứng xử” và duy trì hiệu quả cuộc vận động “Mỗi ngày một tin tốt, mỗi tuần một câu chuyện đẹp”, tổ chức Đoàn không chỉ định hướng lối sống chuẩn mực cho thanh niên mà còn xây dựng một lực lượng xung kích sắc bén, sẵn sàng phản bác các sản phẩm độc hại và đập tan âm mưu “diễn biến hòa bình” trên mặt trận văn hóa.

Hai là, giảng viên tập trung làm rõ những điểm mới trong nghị quyết.

Nghị quyết số 80-NQ/TW tạo đột phá khi nâng tầm văn hóa thành một trong bốn trụ cột phát triển (cùng chính trị, kinh tế, xã hội), nhấn mạnh an ninh văn hóa/không gian mạng, coi công nghiệp văn hóa là động lực tăng trưởng mới. Trọng tâm là xây dựng con người toàn diện, bảo vệ chủ quyền số và hội nhập sâu.

Trong bài giảng, tại mục 3.2 về tổ chức các phong trào hành động cách mạng sâu rộng trong thanh niên, giảng viên cần lồng ghép những phong trào, kết quả nổi bật mà thanh niên đã làm được gắn với việc quán triệt, triển khai, thực hiện nghị quyết, đặc biệt trong lĩnh vực chuyển đổi số. Tổ chức Đoàn đã gắn kết chặt chẽ phong trào xây dựng đời sống văn hóa với nhiệm vụ phát triển nông thôn mới và đô thị văn minh. Từ đây, hàng loạt giải pháp sáng tạo đã phát huy hiệu quả, từ việc tái hiện không gian văn hóa dân tộc qua hội trại, trò chơi dân gian đến việc thành lập các tổ đội thuyết minh trẻ. Thông qua các điểm, tuyến du lịch, đoàn viên thanh niên đã chủ động dẫn dắt, quảng bá những nét tinh hoa văn hóa địa phương, tạo ấn tượng mạnh mẽ trong lòng cộng đồng và khách du lịch.

Hiện nay, các mô hình khởi nghiệp của thanh niên đang tập trung khai thác thế mạnh từ nghề truyền thống, sản phẩm địa phương và du lịch cộng đồng, gắn liền với mục tiêu bảo tồn văn hóa bản địa. Song song đó, tổ chức Đoàn tích cực định hướng thanh niên tham gia vào lĩnh vực sáng tạo nội dung số. Bằng cách sản xuất các video ngắn trên Facebook, Tiktok về trải nghiệm ẩm thực và văn hóa vùng miền, thanh niên đã lan tỏa mạng xã hội thành kênh quảng bá hiệu quả. Những sản phẩm này không chỉ tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ mà còn góp phần giới thiệu vẻ đẹp con người, đất nước Việt Nam đến bạn bè quốc tế theo cách tiếp cận hiện đại.

Ba là, giảng viên cần lựa chọn các phương pháp phù hợp để khai thác, vận dụng đưa nội dung Nghị quyết vào bài giảng.

Đối với bài “Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay”, mục 3.1 đề cập đến công tác tuyên truyền, giáo dục của tổ chức Đoàn. Giảng viên sử dụng phương pháp hỏi - đáp, phỏng vấn chuyên gia là những cán bộ Đoàn về những thuận lợi, khó khăn trong công tác tuyên truyền, giáo dục tại cơ sở Đoàn, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả công tác đó.

Nghị quyết khẳng định: “*Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về văn hóa thường xuyên, liên tục, hiệu quả*”. Kiên định với định hướng chính trị của Đảng, Đoàn thanh niên cần đa dạng hóa các phương thức giáo dục lý tưởng và đạo đức, giúp thanh niên định hướng được những giá trị sống cao đẹp. Đây chính là kim chỉ nam để thế hệ trẻ vươn tới sự hoàn thiện về nhân cách, đồng thời hình thành ý thức tự giác trong việc bảo tồn các di sản và bản sắc văn hóa đặc trưng của đất nước. Trong thời đại số, Đoàn thanh niên cần đa dạng hóa các hình thức giáo dục, tuyên truyền bằng cách làm chủ công nghệ thông tin và khai thác tối đa sức mạnh của Internet. Cần chuyển đổi tư duy tiếp cận từ phương thức bị động (đời thanh niên đọc bài) sang chủ động đưa thông tin trực tiếp đến đoàn viên qua hệ thống hội nhóm, tin nhắn Zalo, Facebook và các bản tin trên thiết bị di động. Đặc biệt, công tác tuyên truyền cần được “mềm hóa” thông qua việc lồng ghép thông điệp vào các xu hướng và hoạt động đời thường của giới trẻ. Thay vì những nội dung khô khan, cần ưu tiên các sản phẩm trực quan, hấp dẫn như phim ngắn, hình ảnh sáng tạo để thông tin lan tỏa tự nhiên, dễ tiếp cận và thực sự đi vào đời sống thanh niên.

Trong kỷ nguyên số, thanh niên chính là lực lượng “lá chắn” xung kích, giữ vai trò quyết định trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên không gian mạng. Bằng tư duy sáng tạo và thế mạnh công nghệ, thế hệ trẻ đang đẩy mạnh công cuộc chuyển đổi số qua những phong trào thiết thực như “Bình dân học vụ số”, góp phần lan tỏa thông tin tích cực và quyết liệt phản bác các quan điểm sai trái. Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để chủ động sàng lọc, gỡ bỏ nội dung độc hại trên mạng xã hội là bước đi đột phá, giúp tối ưu hóa công tác kiểm soát thông tin. Đồng thời, tổ chức Đoàn cần chú trọng xây dựng mạng lưới cộng tác viên linh hoạt, hoạt động 24/7 để đảm bảo sự phản ứng kịp thời, sắc bén trước mọi luận điệu xuyên tạc, bảo vệ vững chắc an ninh tư tưởng trong tình hình mới.

Đoàn thanh niên phát huy vai trò nòng cốt trong việc khơi dậy phong trào văn hóa, thể

thao sôi nổi; khơi dậy và phát huy tính sáng tạo của thế hệ trẻ trong phát triển văn hóa Việt Nam. Thông qua các hội diễn, ca khúc cách mạng và những giải đấu thể thao chào mừng các ngày lễ lớn, tổ chức Đoàn đã tạo môi trường lành mạnh để đoàn viên thanh niên rèn luyện thân thể theo gương Bác và lòng tự hào dân tộc. Những hoạt động này không chỉ giúp đoàn viên, thanh niên hình thành nếp sống văn minh, tăng cường thể chất và cải thiện đời sống tinh thần, mà còn là môi trường giáo dục thực tiễn sinh động. Thông qua đó, thế hệ trẻ được bồi đắp về truyền thống lịch sử, đồng thời thấy được trách nhiệm bản thân trong việc bảo tồn di sản, gắn kết chặt chẽ

giữa việc giữ gìn bản sắc dân tộc với mục tiêu phát triển kinh tế.

Việc lồng ghép Nghị quyết số 80-NQ/TW vào giảng dạy chính là một trong những cách đưa nghị quyết vào cuộc sống. Đây là bước đi chiến lược nhằm nâng cao chất lượng giáo dục chính trị, giúp nội dung đào tạo trở nên khoa học, thực tiễn và sáng tạo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, tuổi trẻ Việt Nam quyết tâm phát huy vai trò xung kích, sáng tạo, nâng cao trình độ công nghệ, kiến thức số để thực sự trở thành công dân số, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển đất nước trong kỷ nguyên số.

ĐƯA NỘI DUNG VĂN KIỆN ...

(Tiếp theo trang 57)

chuyển biến rõ rệt trong tư duy: từ cách tiếp cận thiên về “phát hiện và xử lý vi phạm” sang định hướng chủ động hơn là “phòng ngừa, cảnh báo và ngăn chặn vi phạm ngay từ khi mới manh nha”.

Đại hội XIV cũng nhấn mạnh yêu cầu tăng cường giám sát thường xuyên, liên tục và gắn chặt với việc theo dõi, nắm bắt thực tiễn. So với trước đây, giám sát thường xuyên được đặt ở vị trí quan trọng hơn, được xem là nền tảng của toàn bộ hoạt động giám sát. Việc nắm tình hình vì vậy không còn mang tính nhất thời hay theo từng vụ việc, mà trở thành nhiệm vụ được tiến hành một cách có hệ thống, liên tục và có chiều sâu.

Bên cạnh đó, công tác kiểm tra, giám sát được đặt trong mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc. Tinh thần xuyên suốt của Đại hội XIV là bảo đảm và giữ vững lợi ích tối cao của quốc gia. Do đó, hoạt động kiểm tra, giám sát trong Đảng không chỉ có ý nghĩa trong phạm vi nội bộ tổ chức đảng mà còn góp phần giữ

vững ổn định chính trị, bảo vệ uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế, đồng thời xây dựng môi trường quản trị liêm chính, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Đây là những quan điểm rất mới so với Đại hội XIII của Đảng trong công tác kiểm tra, giám sát với mục đích phòng ngừa sai phạm khi mới manh nha, để kịp thời điều chỉnh những hạn chế, thiếu sót, tránh để những sai phạm nhỏ tích tụ thành sai phạm lớn.

Việc đưa nội dung Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng vào giảng dạy Bài 8 “Công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng” tại học phần Xây dựng Đảng là yêu cầu bắt buộc đối với giảng viên để góp phần nâng cao chất lượng dạy và học lý luận chính trị, đó còn là mệnh lệnh từ trái tim đến hành động để nghị quyết sớm đi vào cuộc sống. Từ kiến thức được học, học viên sẽ góp phần làm tốt công tác kiểm tra, giám sát tại tổ chức đảng nơi mình sinh hoạt và công tác.